



# CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Email: [baivochanhphap@gmail.com](mailto:baivochanhphap@gmail.com)

Website: [chanhphap.us](http://chanhphap.us) | [chanhphap.org](http://chanhphap.org) | [chanhphap.net](http://chanhphap.net)

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Siêu**

Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tân đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **Internet**

## LIÊN LẠC:

• Bài vở: [baivochanhphap@gmail.com](mailto:baivochanhphap@gmail.com)

• Quảng cáo / Phát hành:

**(714) 266-4171**

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

\*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

[baivochanhphap@gmail.com](mailto:baivochanhphap@gmail.com)

Trân trọng cảm ơn.

## NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **THIÊN TRÀ, TA VỚI TA** (thơ HT Thích Thắng Hoan), trang 6
- **NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU-MỸ**, t.t. (HT. Thích Trí Chơn), trang 7
- **HOA THỊNH ĐÓN NGÃ BÓNG HOÀNG HÔN** (thơ Thanh Nguyễn), trang 8
- **GIÁO DỤC SỰ HƯNG THỊNH CỦA MỘT QUỐC GIA** (Nguyên Siêu), trang 9
- **NGỌN LỬA KIM CANG** (Vĩnh Hữu Tâm Không), trang 11
- **Tiểu sử BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC** (HT. Thích Thiện Hoa), trang 12
- **MÀU Y BỘ PHẢI – LIÊN HỆ ĐẾN NHUỘM TỊNH VÀ ĐIỂM TỊNH**, t.t. (Bhikkhu Cittacakkhu) trang 14
- **LỄ TÂM PHẬT, ĐOÀN KHÚC CHO MỘT NGÀY** (thơ Thụy Sơn), trang 17
- **ĐỌC KINH DU HÀNH VÀ TƯƠNG NHỚ NHỮNG THÁNG CUỐI ĐỜI CỦA ÔN TUỆ SỸ** (TN Hạnh Thân), trang 18
- **ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN DO ĐHPGVNTNHK TỔ CHỨC TẠI HOA THỊNH ĐÓN** (TV Truyền Thông), trang 24
- **NHẬN DIỆN "NĂM TRIỀN CÁI" TRONG KINH TỬ NIỆM XỨ** (TN Hằng Như), trang 26
- **BẠN GHÉ THĂM / CHUYÊN NGHIỆP** (thơ xưởng họa Tuệ Uyển & Trúc Nguyễn), trang 29
- **LY NGÔN TỊCH TỊNH** (Nhóm Áo Lam), trang 30
- **THƯ CUNG THỈNH VÀ THƯ MỜI LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TÔ SỰ – NGÀY VỀ NGUỒN LẦN 14** (HT. Thích Thông Hải), trang 31
- **CÁCH NGÔN VỀ GIÁO DỤC** (Pháp Hoan trích dịch), trang 32
- **LÃO SƯ BỊ HÀNH HẠ** (thơ TM Ngô

Tăng Giao), trang 33

- **NĂM MƯƠI NĂM, MỘT CHẶNG ĐƯỜNG** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 34
- **NOI THEO CHỈ KHÍ NGƯỜI XƯA** (TN Giới Định), trang 39
- **TRUYỆN CỰC NGẮN HOÀNG LONG**, trang 43
- **AN NHIÊN** (thơ Vĩnh Hữu Tâm Không), trang 44
- **TỪ TẾ LÀ MỘT SỰ CHỮA LÀNH** (Tuệ Uyển Nhi), trang 45
- **PHẬT DẠY GIỮ THÂN KHÔNG BỆNH TỬ TẾ** (Nguyên Giác), tr. 46
- **GIÓ VỪA THỜI QUA ĐÂY** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 48
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N), trang 49
- **BẠN ĐỒNG HÀNH THUỜ ẤY** (Hợp Bích Hợp), trang 51
- **VÔ THƯỜNG** (TN Hải Trung), tr. 52
- **TRI ÂM** (thơ Quy Hồng), trang 53
- **DƯ ÂM ĐỒNG VỌNG** (Đồng Thiện), trang 54
- **RAU SPINACH** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 57
- **GIÁO HỘI VÀ QUYỀN LỰC** (Lôi Am), trang 58
- **NIỆM PHẬT, CHUÔNG NGÂN, LUÂN HỒI, TÂM NGUYỆN** (thơ Diệu Viên), trang 60
- **CỜ TRỜI tập 2 – chương 16** (truyện dài Vĩnh Hào), tr. 61
- **THE STORY OF JATILA, THE BRAHMIN** (Daw Tin), trang 67
- **CHIẾN CÔNG OANH LIỆT NHẤT** (Truyện cổ Phật giáo), trang 68



Báo Chánh Pháp số 163, tháng 06 năm 2025, do Chùa Phật Tổ (Long Beach, CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



# Thư Tòa Soạn

## NỖ VỀ

Nằm, tìm lại bản nhạc sáng tác trong giấc mộng đêm qua. Vừa đệm đàn vừa ca, nhạc và lời ở đâu tự nhiên tuôn chảy không ngừng. Khi bừng tỉnh, cố nhớ lại một vài câu, thậm chí vài chữ... cũng không nhớ gì, ngay cả những lời thơ ngọt ngào tán dương tình yêu. Không nhớ gì, ngay cả âm điệu trầm bổng của dòng nhạc mềm đi qua ngón đệm tây-ban cầm. Ký ức mơ hồ không đủ để lưu lại thành ấn tượng, hay vì những ảnh tượng chấp vớ vu vơ đã vỡ tan trong mộng ảo trước khi trời sáng (?). Cũng có thể chỉ là hiện tượng tự nhiên của một tâm trí đã bị lão hóa, lãng trí, mau quên... Khi không còn ký ức, dường như chỉ thấy một khoảng không bao trùm cõi sống. Một khoảng không rất lặng. Trong khoảng không đó, không còn ý niệm về thời gian.

Ra khỏi giấc mộng dài đêm qua, ra khỏi cuộc mộng tồn-sinh, thực tại là một tâm thức vật vờ, ngái ngủ, chưa hoàn toàn tỉnh giấc. Cái muốn nhớ không thể nhớ. Cái đã quên hay cố quên, lại lảng vảng lơ lửng quanh nơi đôi mắt, quờ quạng quàng xiên nơi đôi chân...

Đời như cánh mỏng phù du  
Đường xa hun hút nghìn thu miệt mài  
Đã quên chưa mộng trần ai  
Tỉnh-mê thức-ngủ đêm dài nằm nghe  
Chuông ngân chùa cũ buồn tẻ  
Nhạc đầu thánh thót não nề tiếng xưa  
Người đi muôn dặm về chưa  
Bụi tro bằng bạc trời thơ dị thường  
Đất rung tiếng thở kỳ hương (1)  
Suốt mùa kiến nhỏ tìm nường cỏ lạnh  
Lao xao gió vờn cành xanh  
Quên trần gian mộng bước nhanh qua đời.  
Lặng, nghe tấu khúc không lời  
Quê xưa tịch mịch thành thơ đường về.

(\*) Mượn ý từ bài thơ:

"Theo chân kiến  
luồn qua cụm cỏ  
Bóng âm u  
thế giới chấp chùng  
Quãng im lặng  
nghe mùi đất thở."

(Tuệ Sỹ - Những điệp khúc cho dương cầm, NXB Phương Đông 2009, trang 46)



Photo:  
gamagapix  
(Pixabay.com)



## THIỆN TRÀ

*Ta ngồi đây bên giác  
Sẵn bên kỷ thiên trà  
Với trăm hương giải thoát  
Thưởng thức Ưu Đàm hoa.*

*Bờ kia trường biển mộng  
Vạn vật không ngừng trôi  
Trên dòng đời di động  
Họ tưởng rằng an vui.*

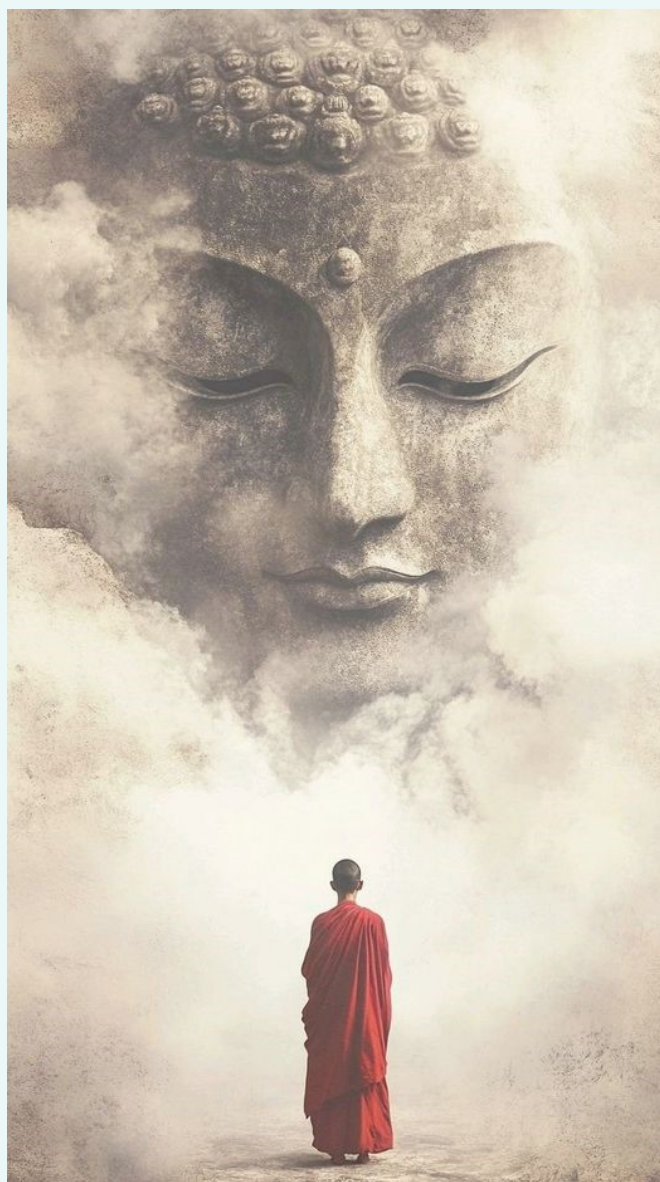
*Phù sinh bao thế hệ  
Biến thiên mây nhịp cầu  
Sâu biệt ly đầm lệ  
Rơi thắm kiếp ngàn dâu.*

*Tuy họ về quá khứ  
Nhưng ta vẫn ngồi đây  
Ra ngoài vòng sanh tử  
Còn chi có đôi thay.*

*Ta ngồi từ vô thi  
Nơi bờ giác uống trà  
Sáng soi trắng trí tuệ  
Độc tấu bản thiên ca.*

## TA VỚI TA....

*Vị Thiên không thanh sắc  
Hương Thiên khi nở hoa  
Thiên nhân vào tỉnh thức  
Thì đây, Ta với Ta...*



thơ

HT. THÍCH THẮNG HOAN

# NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

*HT. Thích Trí Chơn*

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

## **BHIKKHU SILACARA (1871-1951)**

Tục danh là J. F. McKechnie, Đại Đức Silàcàra là một vị tăng Anh quốc, đã đóng góp cho Phật Giáo rất nhiều tại các quốc gia Đông lẫn Tây Phương hơn một phần tư của thế kỷ 20 vừa qua.

Sinh năm 1871 tại Hull, miền đông nam Yorkshire, Anh quốc. McKechnie mang trong mình dòng máu của song thân gồm cả hai dân tộc nước Anh và Tô Cách Lan (Scottish-English parents). McKechnie mồ côi cha từ nhỏ, và được chú thím ông mang về nuôi trong nhà.

Lúc còn thanh niên, ông phải đi làm trong hãng sản xuất quần áo để tự kiếm sống, và chỉ đến lớp học vào ban đêm. Về sau, ông qua Hoa Kỳ làm việc tại các nông trại. Ông rất ham thích đọc sách, và những tác giả ông mến chuộng nhất là văn hào A.L. Huxley (1894-1963) người Anh và triết gia Đức Arthur Schopenhauer (1788- 1860).

Bất mãn với cuộc sống, có lần McKechnie có ý định muốn tự tử, nhưng may mắn vào lúc ấy, nhờ đọc bài báo về Niết Bàn (Nibbàna) đăng ở một tập san Phật Giáo, đã giúp ông hồi tâm, tìm lại được nguồn vui và an lạc qua giáo lý của đức Phật như chính ông đã bày tỏ:

*"Phật Giáo, tôi nghĩ rằng, đây là một tôn giáo linh động và thực tế. Nó không phải là thứ triết lý chỉ được ghi chép trong kinh sách mà là một pháp môn tu hành thực tiễn, đã được rất nhiều người Tây Phương áp dụng và hành trì theo. Đó là tôn giáo không bao giờ để cập đến sự huyền hoặc, dị đoan mê tín, khó có thể tin tưởng được; mà là một giáo lý cao siêu nhiệm mầu, và sau khi nghiên cứu tìm hiểu, chúng ta sẽ thấy đạo Phật*

*rất giản dị, thực tế và hữu ích".*

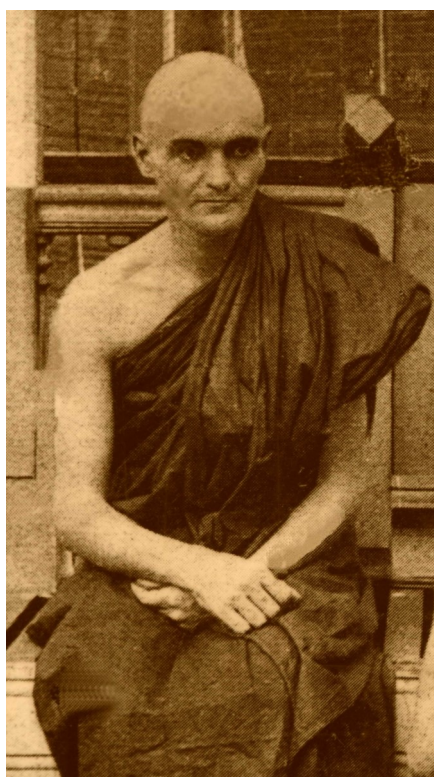
Sau này, nhân đọc một bài viết đăng ở tạp chí "The Buddhist" (Phật Tử), do Đại Đức người Anh Ananda Metteyya (1872-1923) chủ trương, ấn hành tại Rangoon (Miến Điện), Mc Kechnie liền viết thư cho Đ.Đ. Metteyya bày tỏ ý muốn phát tâm sang tiếp tay với đại đức để làm Phật sự. Đ.Đ. Metteyya hoan hỷ chấp nhận và Mc Kechnie lên đường qua Miến Điện. Tại đây, ông bắt đầu học hỏi, nghiên cứu kinh tạng Phật Giáo bằng tiếng Ba Li (Pali). Năm 1906, ông xin xuất gia thọ giới tỳ kheo với Thượng Tọa U. Kumara tại chùa Kyundagon, và có pháp hiệu là Silàcàra. Sau đó, Đ.Đ. Silàcàra cùng với Đ.Đ. Metteyya đã tổ chức, thành lập một phái đoàn sang Luân Đôn (London) truyền bá Phật Giáo.

Sau một thời gian tu học, hoằng pháp tại Miến Điện đến năm 1925, vì sức khỏe yếu kém, Đ.Đ. Silàcàra đã phải hoàn tục và trở về Anh quốc. Trong thời gian này, ông đã hoạt động tích cực, giúp đỡ cho Hội Phật Giáo tại nước Anh và Ai Nhĩ Lan (Buddhist Society of Great Britain and Ireland) được thành lập vào những năm 1907-1926 và Hội Ma Ha Bồ Đề

(Maha Bodhi Society) do Đại Đức Anagarika Dharmapala, người Tích Lan thành lập năm 1891 tại Calcutta (Ấn Độ).

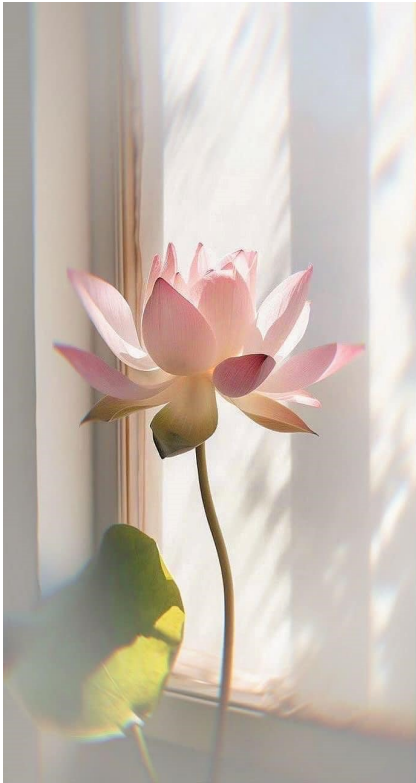
## **Những Đóng Góp Cho Nền Phật Giáo Tây Phương Của Đại Đức Silàcàra**

Đại Đức Silàcàra đã dịch từ Pali ra Anh Văn một số bài kinh trong Trung Bộ Kinh (Majjhima Nikàya) thuộc Kinh Tạng và đại đức cũng đã dịch ra tiếng Anh những tác phẩm Phật Giáo viết bằng Đức ngữ của Tiến Sĩ Paul Dahlke (1865-1928) và học giả Phật tử uyên bác George



**BHIKKHU SILACARA  
(1871-1951)**





Grimm (1868-1945).

Ngoài ra, Đ.Đ. Silàcàra còn viết nhiều tác phẩm Phật Giáo giá trị bằng Anh văn dưới đây:

1. First Fifty Discourses of the Buddha (Năm Mười Bài Kinh Đầu Tiên của Đức Phật).
2. The Four Noble Truths (Tứ Diệu Đế).
3. The Noble Eightfold Path (Bát Chánh Đạo)
4. Dhammapada or The Way of Truth (Kinh Pháp Cú hay là Con Đường Dẫn đến Chân Lý).
5. Kamma (Nghiệp Báo).
6. Lotus Blossoms (Những Hoa Sen Nở)
7. A Young People's Life of The Buddha (Cuộc đời đức Phật đối với lớp người trẻ).

Sau nhiều năm tu học, đóng góp cho Phật Giáo, năm 1932 vì bị ốm đau, sức khỏe sa sút, Đ.Đ. Silàcàra rời Luân Đôn (London) về sống ở Sussex, miền nam nước Anh cho đến ngày qua đời vào năm 1951, hưởng thọ 80 tuổi.

## HOA THỊNH ĐÓN NGÃ BÓNG HOÀNG HÔN

*Bóng ngã  
Màu hồng hay màu máu?  
Ta, gã ma cà rồng  
Thèm khát cháy bỏng tâm can  
Cắn hút tận cùng cái đẹp  
Vật vã trong cơn mê  
Trong bóng hoàng hôn  
Đi lang thang  
Nhìn ngắm như tìm đối tượng  
Kìa Bạch Cung, này đài tưởng niệm những anh hùng  
Tháp bút chì hay lãnh địa của thời gian  
Abraham Lincoln ngồi vững vàng uy nghi trầm mặc  
Nhìn lũ người băng nhặng ngoài kia  
Tự do không bao giờ là của miễn phí  
Phải trả bằng máu!  
Hoa Thịnh Đốn quyền uy  
Nói tiếp Athens, Roma, London...  
Tôi ướp mình trong màu nắng máu  
Con thèm khát không nguôi  
Đi như thuở từ hồng hoang móng vuốt  
Giữa kinh kỳ chưa qua buổi hoàng kim  
Tôi đi tìm  
Cắn hút máu đẹp nuôi sống linh hồn  
Chưa từng chết cũng chưa từng sống  
Đôi mắt như loài sói  
Lăm le soi bói trong từng khoảnh khắc vô biên  
Lòng tham hơn cả loài ngựa quý  
Đẹp bao nhiêu vẫn mãi thiếu  
Dày vò cơn nghiện  
Từ kiếp nào mãi đến lai sinh  
Chiều hoàng hôn Washington DC. lòng lộng  
Chiều thời gian kích cỡ không gian  
Trái đất như quả cầu ma thuật  
Cầm trên tay xem vận mệnh máu trào  
Bất chợt nghe trong gió tiếng thét gào  
Máu, máu... để nuôi lấy linh hồn lạnh lẽo  
Mùi tình thiên thu chưa lành vết sẹo  
Ta, đảo mắt  
Tìm  
Những hình nhân loạn xạ liêu xiêu  
Lộng lẫy rỗng chiều  
Trời phương ngoại.*

*thơ* **THANH NGUYỄN**  
Washington DC. 0425

# GIÁO DỤC SỰ HƯNG THỊNH CỦA MỘT QUỐC GIA (KINH HÒA HỢP CƯỜNG THỊNH)

Nguyễn Siêu

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Một thời Thế Tôn ở tại thành Vương Xá trên núi Linh Thứu. Vì nhơn duyên vua A Xà Thế muốn kéo quân đi đánh nước Bạt Kỳ. Do vậy, vua sai đại thần Vũ Xá đến hầu Phật và thỉnh ý Phật, về việc chinh phục nước Bạt Kỳ có chiến thắng hay không. Qua câu chuyện này đức Phật đã không trả lời trực tiếp với đại thần Vũ Xá mà đức Phật nói qua với ngài A Nan, là thị giả đang đứng hầu Phật. Đức Phật gọi ngài A Nan:

"Này Ananda, người có nghe dân Bạt Kỳ hay tụ họp và tụ họp đồng đủ với nhau không?"

Ngài Ananda trả lời:

"Bạch đức Thế Tôn, con có nghe."

## Điều cường thịnh thứ nhất:

"Này Ananda, khi nào dân Bạt Kỳ thường hay tụ họp đồng đủ với nhau thời, này Ananda, dân Bạt Kỳ sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm."

Này Ananda, người có nghe dân Bạt Kỳ tụ họp trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết không?"

"Bạch đức Thế Tôn, con có nghe."

## Điều cường thịnh thứ hai:

"Này Ananda, khi nào dân Bạt Kỳ tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết, này Ananda, dân Bạt Kỳ sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm."

Này Ananda, người có nghe dân Bạt Kỳ không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống với truyền thống của dân Bạt Kỳ như đã ban hành thời xưa không?"

"Bạch đức Thế Tôn, con có nghe."

## Điều cường thịnh thứ ba:

"Này Ananda, khi nào dân Bạt Kỳ không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành thời, này Ananda, dân Bạt Kỳ sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm."

Này Ananda, người có nghe dân Bạt Kỳ tôn

sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc Trưởng lão Bạt Kỳ và nghe theo lời dạy của những vị ấy không?"

"Bạch Thế Tôn, con có nghe."

## Điều cường thịnh thứ tư:

"Này Ananda, khi nào dân Bạt Kỳ tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc Trưởng lão Bạt Kỳ và nghe theo lời dạy của những vị ấy, thì dân Bạt Kỳ sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm."

Này Ananda, người có nghe dân Bạt Kỳ không bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Bạt Kỳ phải sống với mình không?"

"Bạch đức Thế Tôn, con có nghe."

## Điều cường thịnh thứ năm:

"Này Ananda, khi nào dân Bạt Kỳ không bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Bạt Kỳ phải sống với mình thì, này Ananda, dân Bạt Kỳ sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm."

Kỳ phải sống với mình thì, này Ananda, dân Bạt Kỳ sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm."

Này Ananda, người có nghe dân Bạt Kỳ tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Bạt Kỳ ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phước các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp không?"

"Bạch đức Thế Tôn, con có nghe."

## Điều cường thịnh thứ sáu:

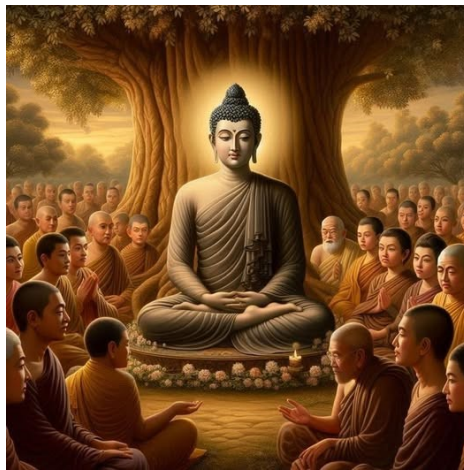
"Này Ananda, khi nào dân Bạt Kỳ tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành thì dân Bạt Kỳ sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm."

Này Ananda, người có nghe dân Bạt Kỳ bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A La Hán ở Bạt Kỳ khiến các vị A La Hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A La Hán đã đến được sống an lạc không?"

"Bạch Thế Tôn, con có nghe."

## Điều cường thịnh thứ bảy:

"Này Ananda, khi nào dân Bạt Kỳ bảo hộ, che chở đúng pháp các vị A La Hán, khiến các vị A La Hán chưa đến sẽ đến, và những vị A La Hán đã đến được sống an lạc, thì dân Bạt Kỳ sẽ được





cường thịnh, không bị suy giảm.”

Sau khi nói với ngài Ananda xong, đức Thế Tôn nói với đại thần Vương Xá rằng: “Một thời Như Lai sống ở Vesali tại tự miếu Sarandada, Như Lai dạy cho dân Bát Kỳ bảy pháp bất thối này. Do vậy, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa dân Bát Kỳ, dân Bát Kỳ được giảng dạy bảy pháp bất thối này thì, này Bà La Môn, dân Bát Kỳ sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nhân nơi duyên sự này, đức thế Tôn đã dạy chúng Tỷ Kheo cũng có bảy pháp bất thối.

1. Chúng tỷ kheo hội họp và hội họp đông đảo với nhau, chúng tỷ kheo sẽ được hưng thịnh, không bị suy giảm.

2. Chúng tỷ kheo hội họp trong niêm đoàn kết; giải tán trong niêm đoàn kết; và làm việc Tăng sự trong niêm đoàn kết, chúng tỷ kheo sẽ được hưng thịnh, không bị suy giảm.

3. Chúng tỷ kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với những học giới đã được ban hành, thì chúng tỷ kheo sẽ được hưng thịnh, không bị suy giảm.

4. Chúng tỷ kheo tôn sùng, kính trọng, đàn lễ, cúng dường các bậc tỷ kheo Trưởng thượng, những vị này là những vị giàu kinh nghiệm, niên cao lập trường, bậc Thầy của chúng Tăng; chúng tỷ kheo nghe theo những lời dạy của những vị này thì chúng tỷ kheo sẽ được hưng thịnh, không bị suy giảm.

5. Chúng tỷ kheo không bị chi phối bởi tham ái; tham ái này tác thành một đời sống khác, thì chúng tỷ kheo sẽ được hưng thịnh, không bị suy giảm.

6. Chúng tỷ kheo tự thân an trú chánh niệm, khiến các bậc đồng tu thiện chí chưa đến muốn đến ở, và các bạn đồng tu thiện chí đã đến ở, được sống an lạc, thì chúng tỷ kheo sẽ được hưng thịnh, không bị suy giảm.

7. Chúng tỷ kheo thích sống những chỗ nhàn tịnh, a lan nhã, không xú, không ồn ào, nơi tịch tịnh độc cư thiền định, thì chúng tỷ kheo sẽ được hưng thịnh, không bị suy giảm.

Trên đây là 7 pháp làm hưng thịnh của một hội chúng tỷ kheo.

Đức Phật dạy tiếp sáu pháp làm cho chúng tỷ kheo hưng thịnh.

1. Chúng tỷ kheo đối với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đồng người hay vắng người, luôn gìn giữ thân nghiệp từ hòa, thì chúng tỷ kheo sẽ được hưng thịnh, không bị suy giảm.

2. Chúng tỷ kheo đối với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đồng người hay vắng người, gìn giữ khẩu nghiệp từ hòa, gìn giữ ý nghiệp từ hòa tại chỗ đồng người hay vắng người, thì

chúng tỷ kheo sẽ được hưng thịnh, không bị suy giảm.

3. Chúng tỷ kheo phân phối đồ ăn, vật dụng không thiên vị, chung thọ hưởng với các bạn giới đức đồng tu, mọi lợi dưỡng chân chánh hợp pháp, cho đến những vật thọ lãnh trong bát khất thực, thì chúng tỷ kheo sẽ được hưng thịnh, không bị suy giảm.

4. Chúng tỷ kheo sống với các bạn đồng tu tại chỗ đồng người hay vắng người, trong sự thọ trì những giới luật đúng với sa môn hạnh, những giới luật không bị gây vụn, không bị sút mẻ, không bị tỳ vết, không bị uế trước, những giới luật đưa đến giải thoát, được người có trí tán thán, không bị ô nhiễm bởi mục đích sai lạc, những giới

luật hướng dẫn định tâm, thì chúng tỷ kheo sẽ được hưng thịnh, không bị suy giảm.

5. Chúng tỷ kheo sống với bạn đồng tu, trong sự thọ trì những tri kiến đúng với sa môn hạnh, những thánh tri kiến đưa đến giải thoát, hướng đến sự diệt tận khổ đau cho những ai thực hành theo, thì chúng tỷ kheo sẽ được hưng thịnh, không bị suy giảm.

6. Chúng tỷ kheo, khi nào sáu pháp bất thối này được duy trì giữa các tỷ kheo, khi nào các vị tỷ kheo được dạy sáu pháp bất thối này, thì chúng tỷ kheo sẽ được hưng thịnh, không bị suy giảm.

Đức Thế Tôn vì phương tiện độ sinh, vì tính giáo dục người thực tiễn, để triển khai chân giá trị tính người chân thật mà đã thiết lập ra bảy điều cường thịnh của một quốc gia; bảy điều hưng thịnh của một hội chúng tỷ kheo và sáu điều hưng thịnh tiếp theo làm lớn mạnh nếp sống của Tăng già, để tiến tu đạo nghiệp, giữ vững thành trì an lạc trong kiếp nhân sinh này. Bởi kiếp nhân sinh vô cùng phức tạp, rắc rối, rồi ren như cuộn chỉ vò, không tìm ra đầu mối, mà nếu trong đời sống không tìm ra cương lĩnh, một nề nếp làm lẽ hướng dẫn để đạt tiêu đích thì quả thật là khó cho sự thành tựu như ý.

Vậy bảy điều hay sáu điều để làm hưng thịnh một hội chúng rất thích hợp cho mọi thời đại, cho mọi tầng lớp người ở đâu và khi nào. Đây là làm kim chỉ nam, là bài học ngàn vàng, cho tầng lớp người, thế hệ chúng ta hôm nay. Vì thực tế cho thấy, giá trị sống của con người trên mọi lãnh vực: đạo đức, lễ nghĩa, tình người, lòng nước, thân thương, quý kính... dường như trên đà tuột dốc vô phương cứu chữa. Nếu không có hướng đi đích thực, không có cương lĩnh mẫu mực làm tiêu chí như bảy pháp bất thối, sáu điều hưng thịnh mà đức thế Tôn đã giảng dạy thì khó mà cưỡng lại sự cuồng lưu, rơi vào hố thẳm, vực sâu của thời đại.



# *Ngọn lửa Kim Cang*

## VĨNH HỮU TÂM KHÔNG

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Thành kính tưởng niệm 62 năm BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC vị pháp thiêu thân vào ngày 11-6-1963, nhằm ngày 20 tháng 4 năm Quý Mão.

*Kim Cang  
Ngọn Lửa  
hiện về  
Lung linh pháp giới  
Chuyến xe Đại Tử  
Lửa hồng rực cháy thiên thu  
Trái Tim Bất Diệt  
Trời mù đã quang  
Ngũ châu chấn động bàng hoàng  
Tam thiên rực sáng  
Đạo Vàng thiêng liêng  
Từng trang phương sử uyên huyền  
Hiển linh Bồ Tát cõi thiên Đại Bí  
Chuyến pháp về  
Xuất bóng đi  
Như như bất khứ bất lai  
Vĩnh hằng...  
Vẫn còn  
sau  
Sáu mươi năm  
Qua cơn Pháp nạn  
yên nằm nghỉ ngơi  
Còn đây  
phơi với đất trời  
Cho người chiêm bái  
Cho đời ngắm xem  
Sáu mươi năm  
ở Cửa Thiền  
In trang Phật sử đảo điên  
không nhoà  
Trơ cùng tuế nguyệt lại qua  
Oai linh thấm đẫm  
sáng loà  
Lửa Thiêng!*

### MỘT DI VẬT LỊCH SỬ, DI SẢN CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM!

Vào buổi sáng ngày 11 tháng 6 năm 1963, trong đoàn điều hành từ chùa Từ Nghiêm đến chùa Xá Lợi, có một chiếc xe hơi đưa Hoà thượng Thích Quảng Đức tiến đến ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt thì xe dừng lại. Hoà thượng từ trong chiếc xe bước xuống, rồi sau đó Ngài thực hiện đại nguyện vị pháp thiêu thân cúng dường chư Phật của Ngài.

Chính chiếc xe hơi đó là vật chứng được xem như một chứng nhân của sự kiện lịch sử bi hùng này.

Được biết, chiếc xe nhãn hiệu Austin Westminster, mang biển số DBA-599, thuộc diện xe đẹp và sang trọng hiếm hoi thời bấy giờ, là của một vị Cư sĩ Phật tử tên là Trần Quang Thuận, pháp danh Tâm Đức.

Cư sĩ Tâm Đức - Trần Quang Thuận sinh năm 1930 tại Thừa Thiên- Huế, là đệ tử của Hoà thượng Thích Đôn Hậu - Trừng Nguyên, ở chùa Thiền Mục, về sau ông được xuất ngoại du học lấy được bằng Tiến Sĩ, trở về quê hương tham gia Phật sự, nhất là tham gia tích cực vào công cuộc đấu tranh bảo vệ Phật giáo.

Vào tháng 3 năm 1963, ông đang bị nhà cầm quyền quản thúc tại Thủ Đức, thì ở nhà, vợ của ông là Phật tử Tôn Nữ Tuý Thiện đã đồng ý khi chư tôn đức Tăng đến đề nghị cho mượn chiếc xe hơi để chở Hoà thượng Thích Quảng Đức.

(Cư Sĩ Tâm Đức - Trần Quang Thuận sau này làm Thượng Nghị Sĩ trong Thượng Nghị Viện của Việt Nam Cộng Hòa, và đảm trách chức vụ Chủ tịch Ủy Ban Ngoại Giao của Thượng Viện. Ông cũng là Phó Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành của Liên Hữu Thanh Niên Phật Tử Thế Giới. Ông định cư tại Hoa Kỳ vào năm 1975 cho đến ngày mãn phần vào năm 2017!)

Sau buổi sáng lịch sử đó, Nha cảnh sát Sài Gòn đã thu giữ chiếc xe như một vật chứng. Phải đến gần 2 năm sau, khi Cư sĩ Tâm Đức cúng dường chiếc xe lên Bốn sư là Hoà thượng Thích Đôn Hậu (về sau Ngài là Đệ Tam Tăng Thống GHPGVNTN) ở chùa Thiền Mục, nhà chùa đã làm đơn xin mang chiếc xe về trưng bày, chiếc xe mới được đưa từ Sài Gòn ra Huế, rồi nằm lại ở chùa trong một gian nhà trưng bày kỷ vật vô giá suốt thời gian 62 năm cho đến hôm nay.

Thông tin viên  
**Vĩnh Hữu Tâm Không**



[TRỞ VỀ MỤC LỤC](#)

# TIỂU SỬ BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC (1897-1963)

*HT. Thích Thiện Hoa*

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

## I/ THỜI KỲ THIẾU NIÊN:

Hòa Thượng Thích Quảng Đức sinh năm 1897, tại làng Hội Khánh, quận Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, Trung Việt; thế danh Lâm Văn Tuất; Pháp danh Thị Thủy; Pháp tự Hành Pháp; Pháp hiệu Quảng Đức.

Lên 7 tuổi, Ngài được song thân cho xuất gia học đạo, thọ giáo với Hòa Thượng Thích Hoằng Thâm. Năm 15 tuổi, Ngài thọ giới Sa Di; năm 20 tuổi thọ giới Tỳ-kheo. Sau khi thọ giới, Ngài ở tu 3 năm tại núi Ninh Hòa. Sau đó, chuyên tu hạnh Đầu Đà, một mình với chiếc bình bát đi hóa đạo khắp nơi, rồi về nhập thất tại chùa Thiên Ân, Ninh Hòa, Nha Trang.

## II/ THỜI KỲ TRUNG NIÊN:

Năm 1932, Chi Hội An Nam Phật Học tại tỉnh Ninh Hòa thỉnh Ngài làm Chứng Minh Đạo Sư và Giáo Hội Tăng Già Trung Việt mời Ngài làm chức Kiểm Tằng ở tỉnh Khánh Hòa. Trong thời gian hành đạo ở miền Trung, Ngài đã kiến tạo và trùng tu được tới 14 ngôi chùa.

Năm 1943, Ngài vào Nam đi hóa đạo tại các tỉnh Sài Gòn, Gia Định, Bà Rịa, Long Khánh, Định Tường, Hà Tiên, rồi đến Nam Vang 3 năm chuyên nghiên cứu kinh điển chữ Pali.

Hai mươi năm hành đạo ở miền Nam, Ngài đã khai sơn và trùng tu được 17 ngôi chùa. Như thế là Hòa Thượng Quảng Đức đã có công trùng tu và khai sơn tất cả 31 ngôi chùa. Ngài thường ở chùa Long Vĩnh, nên được người đời gọi là Hòa Thượng Long Vĩnh.

## III/ THỜI KỲ LÃO THÀNH:

Năm 1953, Giáo Hội Tăng Già Nam Việt mời Ngài nhậm chức Trưởng Ban Nghi Lễ. Và theo lời thỉnh cầu của Hội Phật Học Nam Việt, Ngài nhận chủ trì chùa Phước Hòa, Bàn Cờ, Sài Gòn – trụ sở của Hội.

Đến năm 1963, chứng kiến chế độ tàn bạo độc tài âm mưu tiêu diệt Phật Giáo của Ngô triều, Ngài phát nguyện thiêu thân để cứu nguy cho dân tộc và đạo pháp.

## IV/ THỜI KỲ SẮP VIÊN TỊCH:

Vào ngày 20 tháng 4 (nhuận) năm Quý Mão (nhằm ngày 11.6.1963), sau buổi lễ cầu siêu tại chùa Phật Bửu, hàng ngàn Tăng Ni đang diễn hành trên các đường phố để đòi chính phủ thực thi 5 nguyện vọng chân chính của Phật Giáo Việt Nam và đòi phải chấm dứt chính sách kỳ thị tôn giáo. Khi đi đến ngã tư đường Phan Đình Phùng –

Lê Văn Duyệt, Ngài từ trên xe ung dung bước xuống, đến ngõ kiết già tại giữa ngã tư, rồi tự tay mình quẹt lửa châm vào y hậu. Sau khi ngọn lửa bắt xăng bốc cháy cao phủ kín cả thân người trên 15 phút, Ngài vẫn ngồi kiết già lưng thẳng như tượng đồng đen, tay còn bắt Ân Tam Muội. Đến lúc lửa hạ ngọn, Bồ Tát gật đầu 3 lần như cúi chào vĩnh biệt, rồi ngã ngựa xuống.



*Bức ảnh lịch sử do phóng viên Hoa Kỳ Malcolm Browne chụp đúng thời điểm Bồ Tát tự thiêu*

Trước giờ thị tịch, Bồ Tát thốt ra những lời tâm huyết như sau:

*"Trước khi tôi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng gởi lời cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm, nên lấy lòng từ bi, bác ái mà đối xử với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo, để giữ vững nước nhà muôn thuở".*

Và Ngài không quên nhắn nhủ Tăng Ni và Phật Tử:

*"Tôi thiết tha kêu gọi chư Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni và Phật Tử nên đoàn kết nhất trí, hy sinh để bảo tồn Phật Pháp".*

Kim thân của Bồ Tát Quảng Đức quán lại chùa Xá Lợi 5 ngày. Đến ngày 16.6.1963, Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo cùng đông đảo Tăng Ni và Phật Tử đưa Ngài về An Dưỡng Địa cử hành trọng thể lễ Trà Tỳ.

Sau khi hỏa thiêu suốt ngày, xương thịt đều tiêu hết nhưng trái tim Bồ Tát vẫn còn y nguyên, mặc dù đã thiêu bằng lửa điện trên 6 tiếng đồng



hồ. Hiện nay trái tim Bồ Tát tôn thờ tại chùa Ấn Quang trụ sở tạm của Giáo Hội Phật Giáo Việt-Nam Thống Nhất (*Bản tiểu sử này được viết và phổ biến từ thời gian 1964 – 1970, nên trái tim bắt diệt sau đó không còn tồn trí tại chùa Ấn Quang nữa mà được biết là được ký thác tại ngân hàng Việt Nam – Ghi chú của CP*)

Sự thị tịch của Bồ Tát, có 2 điều huyền diệu:

1. Khi lửa cháy phủ người mà Ngài vẫn ngồi như tượng đồng đen, tay bắt ấn tam muội, chân ngồi kiết già, không hề lay chuyển.

2. Khi trà tỳ, xương thịt cháy hết, trái tim vẫn còn y nguyên. Sự huyền diệu này làm cho Tăng Ni và Phật Tử trong ngoài nước đều vô cùng khâm phục.

Linh cốt Bồ Tát, được tôn thờ tại các chùa sau:

Việt Nam Quốc Tự, trụ sở Viện Hóa Đạo.

Chùa Ấn Quang, trụ sở Giáo Hội Tăng Già toàn quốc.

Tháp Đa Bảo, chùa Phước Hậu, Trà Ôn.

Chùa Từ Nghiêm, trụ sở Ni Bộ Bắc Tông,

Chùa Quán Thế Âm (Phú Nhuận), nơi di tích cuối cùng của Bồ Tát.

Tóm lại, Bồ Tát dùng nhục thân làm ngọn đuốc đốt lên để phá tan mây mù vô minh hắc ám của Ngô triều, làm chấn động năm châu, tắt cả các nước trên thế giới đều lên tiếng bênh vực



*Trái tim được thiêu đốt nhiều lần với nhiệt độ cao vẫn còn nguyên vẹn*

phong trào tranh đấu chân chánh của Phật Giáo Việt Nam lúc ấy.

Nhờ ngọn lửa từ bi của Bồ Tát mà cứu nguy được cả Dân tộc và Đạo pháp, làm cho Liên Hiệp Quốc phải tận tâm chú ý đến nước Việt Nam bé nhỏ và cử một phái đoàn đến can thiệp; cả thế giới đều kính phục sự can đảm anh dũng của dân tộc Việt Nam nói chung và của Phật Giáo Việt Nam nói riêng.

Bồ Tát tuy viên tịch, nhưng ngọn lửa Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi của Bồ Tát vẫn còn sáng chói mãi trong lòng người Phật Tử trong và ngoài nước đến muôn đời chẳng hết.

### NAM MÔ ĐẠI HÙNG, ĐẠI LỰC, ĐẠI TỪ BI QUANG ĐỨC BỒ TÁT



*Đài tưởng niệm Bồ Tát ở góc ngã tư Ngài tự thiêu được kiến tạo sau khi chấm dứt Pháp Nạn 1963*

### NGUỒN GỐC – XUẤT XỨ TÀI LIỆU:

- *Chấp bút:* Sa Môn Thích Thiện Hoa.
- *Nguồn:* 50 Năm Chấn Hưng Phật Giáo Việt Nam (1920-1970).

# MÀU Y BỘ PHÁI – LIÊN HỆ ĐẾN NHUỘM TỊNH VÀ ĐIỂM TỊNH

## Lịch sử Pháp Tạng Bộ và Luật Tứ Phần

*Bhikkhu Cittacakkhu*

TƯ TƯỜNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

### III. MÀU Y BỘ PHÁI

Từ lâu, khi viết về bộ phái Phật giáo hoặc liên hệ đến màu y, hầu như các nhà nghiên cứu Phật học Đông-Tây đều dẫn dụng đến hai tác phẩm nổi tiếng: 1. Đại tỳ-kheo tam thiên oai nghi (Da Biqui Sanqian Weiyi, 大比丘三千威儀, T. 24, No. 1470), do An Thế Cao người An Tức (Parthian) dịch sang Hán vào thời Hậu Hán, khoảng giữa năm 148 và năm 170 Tl.; 2. Xá-lợi-phất văn kinh (Śāriputraparipṛcchā, 舍利弗問經, T. 24, No. 1465) được cho rằng dịch sau đó, thất lạc tên người dịch, xếp vào triều đại Đông Tấn (317 – 420 Tl.). Hai văn bản này cùng nói về màu y bộ phái như sau: Phái Ma-ha-tăng-kỳ (Mahāsaṅghika) khoác ca-sa vàng. Phái Ca-diếp-đuy (Kāśyapiya) khoác ca-sa mộc-lan. Phái Di-sa-tắc (Mahīśāsaka) khoác ca-sa xanh. Riêng hai phái Hữu bộ và Pháp tạng bộ, hai văn bản này nói ngược nhau. Quyển 2 của Đại tỳ-kheo tam thiên oai nghi (p. 925c29) ghi: Bộ phái Tát-hòa-đa (Sarvāstivāda) mặc ca-sa đỏ thắm. Phái Đàm-vô-đức (Dharmaguptaka) mặc ca-sa đen. Xá-lợi-phất văn kinh (p. 900c13) lại nói: Đàm-vô-quật-đa-ca (Dharmaguptaka) khoác y màu đỏ. Tát-bà-đa (Sarvāstivāda) khoác y màu đen.

Ngoài hai văn bản kể trên, trong Đôn hoàng tả bản (敦煌寫本) còn có kinh Di giáo tam-muội quyển hạ, nội dung ghi chép giống Đại tỳ-kheo tam thiên oai nghi: Tát-hòa-đa bộ (薩婆多部)... khoác ca-sa đỏ thắm; Đàm-vô-đức bộ (曇無德部)... khoác ca-sa đen; Ca-diếp-đuy bộ (迦葉維部)... khoác ca-sa (mộc) lan; Di-sa-dực bộ (彌沙翼[32]部)... khoác ca-sa xanh; Ma-ha-tăng-kỳ bộ (摩訶僧祇部)... khoác ca-sa vàng [33]. Cũng nội dung này, vào năm Thiên giám thứ 15 (516) đời Lương, Bảo Xướng cùng Tăng Mân, Tăng Hào, Pháp Sinh biên soạn Kinh luật di tướng 50 quyển, ghi lời phụ chú là trích dẫn từ Di-giáo tam-muội kinh quyển hạ. Nhưng chi tiết khác chút ít và ngược với ý trên ở điểm, nói Tát-hòa-đa bộ mặc ca-sa đen, và không có chi tiết bộ phái Pháp tạng (Đàm-vô-đức) [34]. Đến đời Đường (618-

907), sư Định Tân soạn Tứ phần luật số sức tông nghĩa ký 10 quyển, lại dẫn từ kinh “Di giáo tam-muội”, nội dung không thay đổi, chỉ có điều thêm lời chú nhận xét rằng, năm loại sắc phục (5 bộ phái) trong Oai nghi kinh (Đại tỳ-kheo tam thiên oai nghi) và Xá-lợi-phất văn kinh giống với kinh Di giáo tam-muội, nhưng nghi ngờ kinh Di giáo tam-muội và Xá-lợi-phất văn kinh đều là ngụy tạo [35].

Vì sao Đại tỳ-kheo tam thiên oai nghi, Xá-lợi-phất văn kinh và kinh Di giáo tam-muội lại có nội dung tương tự, chỉ khác đôi chút? Việc lý giải này đã được nhiều học giả trả lời, chúng tôi chỉ đi sâu vào ý chính màu y bộ phái, nhưng ít ra chúng ta cũng phải xác minh tác phẩm nào đủ độ tin cậy về tính lịch sử văn bản. Do đó, chúng tôi lược ghi ý kiến đóng góp của các học giả bình luận về ba tác phẩm này:

Theo Bhikkhu Sujato [36], Lâm Sùng An [37] v.v... phân tích nội tác phẩm Xá-lợi-phất văn kinh, cho rằng nó thuộc lập trường kinh điển của Đại chúng bộ (Mahāsaṅghika). Đến các học giả Nhật bản: Sasaki Shizuka lại đưa ra bằng chứng khác, ông nói trong nội dung có dấu vết của học thuyết Thượng tọa bộ, nguồn gốc là kinh điển bộ phái, rồi truyền đến Trung Quốc được biên tập thêm. Funayama Toru thì lý giải, nó chẳng phải kinh điển Ấn-độ phiên dịch ra mà được biên soạn tại Trung Quốc. Ông nói Xá-lợi-phất văn kinh sao chép từ Di giáo tam-muội kinh. Karashima Seishi kết luận khác, ông nói Xá-lợi-phất văn kinh không hẳn là một tác phẩm ngụy tạo tại Trung Quốc, mà nó phản ánh tình hình thực tế ở Pāṭaliputta (Skt. Pāṭaliputra), hỗn hợp cả Phật giáo Đại thừa và Tiểu thừa từ cuối thế kỷ thứ 4 đến đầu thế kỷ thứ 5. Có thể nói Xá-lợi-phất văn kinh là ngụy kinh của người Ấn-độ biên chép thành. Ông còn chứng minh Di giáo tam-muội kinh và Đại tỳ-kheo tam thiên oai nghi sao chép từ Xá-lợi-phất văn kinh [38].

Vấn đề văn bản nào là ngụy văn bản nào là chân, chúng ta cần xác minh lại một lần nữa màu y của Pháp tạng bộ (Đàm-vô-đức) và Hữu bộ (Tát-bà-đa) qua các chứng cứ thư tịch khác. Trong Đại đường Tây vực ký của Huyền Trang ghi chép: Lúc ông sang Ấn-độ cầu học, trên chuyến hành trình đi qua nước Bāmiyan (Phạm-diễn-na



quốc 梵衍那國, nay là Bamian, nước Afghanistan), ghé thăm một ngôi cổ tự ở phía đông nước này, ông bắt gặp tượng A-la-hán Thương-nặc-ca-phước-sa (商諾迦縛娑, Śāṇakavāsa) [39] trong chùa, ông mô tả Thương-nặc-ca-phước-sa đắp y tăng-già-chi 9 điều, màu đỏ thẫm, y dệt từ cỏ thiết-nặc-ca (設諾迦, Śāṇaka) [40]. Thương-nặc-ca-phước-sa chính là Śāṇavāsa (Skt. Śāṇakavāsa, Śāṇavāsin; P. Śāṇavāsī) trong chương đầu chúng tôi có đề cập, Hán dịch thông dụng là Thương-na-hòa-tu [41]. Vị tổ sư này và Upagupta là những vị thánh ở địa phương Mathurā, thuộc phổ hệ của Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ (Mūlasarvāstivādin). Đây là chứng minh thứ nhất người Căn bản Hữu bộ mặc y đỏ.

Chứng minh thứ hai, trong luật Thiện kiến nói Madhyantika cũng khoác ca-sa đỏ [42]. Madhyantika (P. Majjhantika, Mạt-diễn-địa) là sơ tổ của Thuyết nhất thiết hữu bộ (Sarvāstivādin), truyền giáo dưới thời vua A-dục, khai hóa ở Kaśmīr [43]. Hai hệ phái này ban đầu hoạt động độc lập, sau hợp nhất thành một và chung học thuyết Thuyết nhất thiết hữu bộ [44] cho nên họ đồng bộ màu y thì không có gì ngạc nhiên.

Đến hậu bán thế kỷ thứ 7, Nghĩa Tịnh (635-713) cũng vượt biển Tây du cầu học hơn 20 năm, sau khi trở về Trung Hoa, phiên dịch đại bộ phận các văn bản liên hệ đến Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ (Mūlasarvāstivādin). Ông ghi chép sắc phục của Tăng lữ thời đó như sau: “Y phục của người xuất gia có thể nhuộm màu cần-đa (gandha). Hoặc bụi vàng cây địa hoàng (地黃, Rehmannia glutinosa), cây kinh (荊, vitex), cây bách (藥, philodendron) v.v... Những thứ này nên trộn với nước, trong đó có đất đỏ, hoặc đá đỏ đã được nghiền mịn. Nên làm cho màu không quá đậm cũng không quá nhạt, vừa đủ theo yêu cầu mà không phiền.” [45]. Và trong Bách nhất yết-ma của Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ, giải thích rằng màu cần-đa là sắc đỏ.

Từ điều này, chúng ta có thể ngoại suy và giả định rằng các màu sắc khác nhau ban đầu bắt nguồn từ các loại đất sét khác nhau có sẵn ở bất kỳ vùng nào mà Phật giáo truyền bá đến. Sau đó, các màu đã được tiêu chuẩn hóa bởi các trường phái và nhiều loại thuốc nhuộm khác

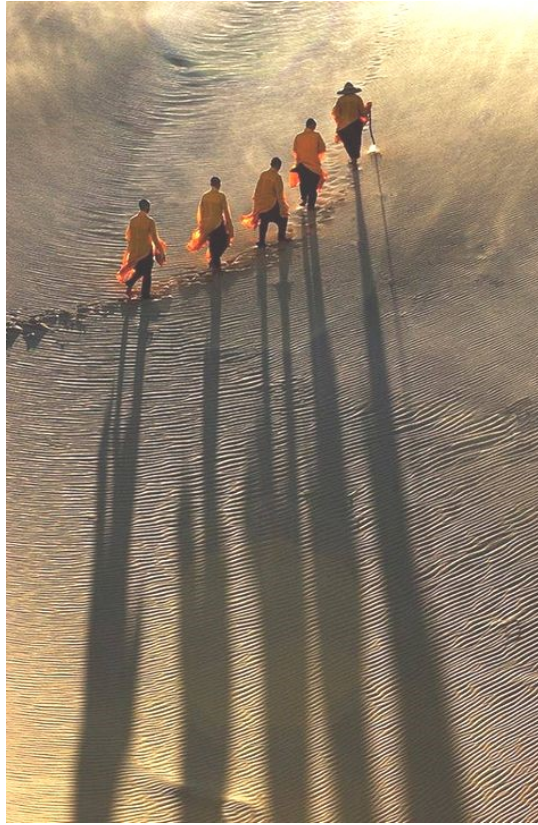
nhau được sử dụng bên cạnh đất sét. Điều cần lưu ý nữa là màu vàng đất hoặc nâu đỏ không thể thiếu khi sử dụng như một chất tẩy rửa cho các loại vải dơ như vải phần tảo chẳng hạn. Người của Căn bản Hữu bộ và Hữu bộ ở Mathurā, Kaśmīr, sau đó theo André Bareau nói rằng, họ

mở rộng ở vùng đất Ấn-độ giáp ranh Tây Tạng, Tây Tạng có quan hệ trực tiếp, tức vùng Kaśmīr và đồng bằng sông Hằng. Đến thời Nghĩa Tịnh phần tư cuối thế kỷ thứ 7, họ có mặt đông đảo tại Magadha, tức lưu vực trung lưu sông Hằng, một số ít ở miền Tây tại Lāta và Sindhu, và miền Nam, khá đông ở miền Đông (Bengal), Bắc Punjab, đảo Sonde, Champa [46].

Thêm một bằng chứng cuối cùng, bộ phái Pháp tạng mặc ca-sa đen. Trong luật Tứ phần, ba-dật-đề 90 [47], chuyện duyên khởi: Tôn giả Nan-đa thấp hơn đức Phật chỉ bốn ngón tay, các tỳ-kheo hay nhằm lẩn với đức Phật. Do vậy, đức Phật cho phép Nan-đa khoác ca-sa màu đen [48]. Câu chuyện này có lẽ do Pháp tạng bộ thêm vào sau này, thể hiện nét đặc trưng riêng về màu y của họ, vì các bộ phái khác cũng có học xứ này nhưng không có quy chế tương tự.

Như thế đủ để chúng ta kết luận, Đại tỳ-kheo tam thiên oai nghi và Di giáo tam-muội kinh nói màu y Pháp tạng bộ và Hữu bộ (Tát-bà-đa) chính xác hơn tác phẩm Xá-lợi-phất vấn kinh. Còn những tác phẩm này ai sao chép của ai chúng tôi không bàn đến, vì nằm ngoài đề tài khảo cứu của chúng tôi.

Coi như chúng ta đã xác định rõ bộ phái Pháp tạng và Hữu bộ cũng như Căn bản Hữu bộ mặc y màu nào. Về Ca-diếp-duy (Ấm quang bộ – Kāśyapīya) khoác ca-sa mộc-lan, phái Di-sa-tắc (Hóa địa bộ – Mahīśāsaka) khoác ca-sa xanh, theo chúng tôi có thể hai bộ phái này cũng như Hữu bộ và Pháp tạng bộ, họ chọn màu y theo vùng đất nơi họ sinh sống và truyền bá Phật giáo, môi trường thích nghi với nguyên liệu giặt nhuộm, hay đất sét, đất bùn v.v... mà nơi đó có. Trong chương trước chúng tôi đã nói rõ. Còn hai bộ phái lớn mà chúng ta cần giải thích nữa là Đại chúng bộ và Thượng tọa bộ. Vì sao các văn bản trên nói Đại chúng bộ mặc ca-sa vàng, trong khi màu vàng không nằm trong 3 màu tiêu chuẩn mà Phật đã quy chế? Màu vàng này từ đâu ra, phải có nguồn gốc. Chúng tôi vưng tập một số Kinh tạng Hán dịch và Pāli Nam truyền đề cập đến màu y sắc vàng như sau:





1. Hán dịch trong Trung A-hàm ghi chép: Cù-đàm-di đem y tơ sợi vàng ròng cúng dường cho Phật [49]. Tượng đương nội dung này, trong bản kinh Trung bộ của Nam truyền (kinh Phân biệt cúng dường 142) [50] và kinh Phân biệt bố thí [51] của Thi Hộ dịch thời Tống đều không nói đến màu y vàng ròng, mà chỉ nói cúng tấm y (vải) mới.

Thứ nữa, kinh Đại bát-niết-bàn (16) trong Trường bộ nói, lúc Phật niết-bàn vào một ngày nọ, có một người tên Pukkusa, lấy một cặp y (vải) lụa màu vàng ròng, dâng cúng Thế Tôn [52]. Đức Phật nhận một xấp, cho A-nan một xấp. A-nan lại lấy xấp vải vàng ròng này đắp lên thân Phật. Khi ấy thân kim sắc của Phật chói lọi, đặc biệt chiếu hiện rực rỡ (lấn át cả màu vải vàng ròng kia). Cùng nội dung này có kinh Du hành trong Trung A-hàm [53] Hán dịch, kinh Phật bát-nê-hoàn [54], kinh Đại bát-nê-hoàn, Pháp Hiển dịch. Tập sự (quyển 37) [55] của Hữu bộ cũng nói: xấp lụa tơ mịn màu vàng ròng, lúc ấy lấy dao cắt vải tơ (cắt tơ tác tịnh) mà mặc.

Kinh Bản sanh trong Tiểu bộ (157) [56] nói: cung nữ vua Câu-tát-la (Kosala), lấy 500 tấm vải cúng dường cho A-nan. A-nan đem phân chia cho đệ tử đồng môn, nhuộm màu hoa Kaṇikāra, lại cắt thành ca-sa, đắp lên đến diện kiến đức Phật. Màu hoa Kaṇikāra vàng lại rực rỡ.

Lại nữa, trong Tiểu bộ có phần Tiểu nghĩa thích (Cūḷaniddesa) nói đến 16 nam sinh đều mặc ca-sa màu vàng (paṇḍu) xuất gia. Kinh Bản sinh (172) [57] lại có truyền thuyết cực kỳ ý nghĩa, nói rằng: “Cù-ca-lê (Kokālika) ở trong đại chúng, lên bảo tòa đọc kinh (thuyết pháp), đắp ca-sa dưới màu cỏ cần-đa-câu-la-ni-tra (Kantakuranitta), trên khoác thượng y màu hoa Ca-ni-ca (màu thuần vàng) [58].

Kết luận, Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ đều mặc sắc vàng, nhất là hệ Phật giáo Nam truyền ngày nay, họ có mặc sắc phục màu như vậy. Có thể đây là nguyên nhân từ vấn đề đặt nặng điểm tịnh để hợp thức hóa cho họ mặc nhiều màu khác nhau. Quá khứ, y vàng đức Phật có nhận từ Jivaka cúng dường, nhưng dùng trang nghiêm tháp không mặc [59].

B.E. 2565 – 14/19/06/2021,  
Nha Trang, Viet Nam.

**Bhikkhu Cittacakkhu**

[32] Chữ tắc 塞 viết nhầm chữ dục 翼.

[33] 惟教三昧 (存卷下, 前殘) 2, D20n8869, p. 11a9.

[34] 經律異相 16, T53n2121, p. 85a13.

[35] 四分律疏宗義記 3, X42n733, p. 37c6 – c19: 遺教三昧經... 此經疑偽. 威儀經下卷, 舍利弗問經, 五種服色大同此經. 舍利弗問經亦疑也.

[36] Bhikkhu Sujato, *Sects & Sectarianism – The origins of Buddhist schools*, Santipada (2012), p. 9, p. 76.

[37] 林崇安, 舍利弗問經所記結集, (內觀雜誌, 47 期 – 佛教初期重要資料), p. 1.

[38] Cf. 關於 “舍利弗問經” 的爭論 (<https://book.douban.com>); 辛島靜志, 何為判斷疑偽經之根據 – 以 “舍利弗問經” 為例 (pdf – <https://www.academia.edu/>).

[39] 根本說一切有部毘奈耶雜事 40 (p. 408c17 – p. 409c22), nói rằng vị tổ này khi mới sinh ra được bọc trong tấm vải xa-nạch-ca (奢搦迦, Śāṇaka) nên đặt tên Xa-nạch-ca. Và sau khi được tôn giả A-nan truyền giới cụ túc, ông phát nguyện trọn đời mặc y xa-nạch-ca (Śāṇa, Śāṇaka). Nghĩa Tịnh thêm lời chú: Xa-nạch-ca là một loại gai (麻), xứ này trước đây không có, cao bằng con người, có thể dệt vải. Nguồn gốc Thương-nặc-ca, Thương-na, Xa-nạch-ca v.v đều dịch từ chữ sāṇa, nghĩa là gai thô; phược-sa, hòa-tu dịch từ chữ vāsin, nghĩa là y (vải).

[40] Đại đường Tây vực ký 1, T51n2087, p. 873b27.

[41] 商那和修, Nghĩa Tịnh nói rằng cách dịch Thương-na-hòa-tu là cách cũ không đúng (Tập sự 40, p. 408c17).

[42] Thiện kiến 2, p. 685a11.

[43] Cf. E. Frauwallner, *ibid.*, p. 21, p. 37-40.

[44] *Ibid.*, p. 40.

[45] Nam hải ký quy nội pháp truyện (南海寄歸內法傳) 2, T54n2125, p. 216a1; Cf. 義淨 (Yijing), *A Record of the Inner Law Sent Home from the South Seas*, translated by Li Rongxi, (Berkeley: Numata Center for Buddhist Translation and Research, 2000), pp. 70-74.

[46] Cf. André Bareau, *ibid.*, p. 153.

[47] Tăng-kỳ, ba-dật-đề 89. Các bộ: ba-dật-đề 90. Pāli, pācittiya 92.

[48] 四分律 19, p. 695b15.

[49] 中阿含經 47, T01n26, p.722a02.

[50] Kinh Phân biệt cúng dường (142. Dakkhiṇāvibhaṅgasutta) trong Trung bộ (Majjhima nikāya).

[51] 分別布施經, 1 quyển, T01, no. 84, p. 903, b23.

[52] Kinh Đại bát-niết-bàn (16. Mahāparinibbāna Sutta), Tụng phẩm iv, trong Trường bộ (Dīgha nikāya): Pukkusa dâng họ Mallā đem một cặp y màu vàng chói, thừa với Phật: Bạch Thế Tôn, cặp y màu vàng chói, sẵn sàng để mặc, mong Thế Tôn vì thương xót con mà thân nhận cho (“idaṃ, bhante, siṅgivaṇṇaṃ yugamaṭṭhaṃ dhāraṇiyaṃ, taṃ me bhagavā paṭiggaṇhātu anukampaṃ. upādāyā ” ti).

[53] 長阿含經 3, T01, no. 1, p. 19, b7.

[54] 佛般泥洹經 2, T01, no. 5, p. 168, b20.

[55] 根本說一切有部毘奈耶雜事 37, T24, no. 1451, p. 391, b20.

[56] Khuddakanikāya, Jātaka, 2. Dukanipāto, 1. Dajhavaggo, 157. Guṇajātakaṃ.

[57] Khuddakanikāya, Jātaka, 2. Dukanipāto, 172. Daddarajātakaṃ. Daddara, Âm thanh kinh động.

[58] 印順, 教制教典與教學, p. 70-72.

[59] Ngũ phần 20, 134c27.

## LỄ TẮM PHẬT

*Đêm soi bước lần về bên chánh điện  
Trong sắc hương trầm và ánh nến thiêng  
Rưới giọt thanh lương lên tượng Phật  
Và tắm tâm mình. muôn kiếp phù sinh*

*Ai rưới nước vào khoảng không vô tận  
Bụi nhân gian trôi khỏi giấc mơ chiều  
Tượng Như Lai nghiêng mình trong ánh lặng  
Ngón tay vàng chạm đến một tầng không*

*Sen bông hát. trắng lên từ đáy nước  
Ngọn cỏ đêm nâng nhẹ bước chân thiền  
Một giọt sáng rơi vào miền vô ngã  
Lời kinh trầm trong ngôn tự thôi miên*

*Nước rơi nhẹ như không từng hiện hữu  
Lòng lặng thình mà muôn pháp khai bùng  
Giữa sắc tướng là tịch nhiên thường trú  
Một bước về thanh thoát cõi như nhiên*

*Không còn ngã chỉ dòng trong chảy mãi  
Lau tâm gương hay lau sạch tâm mình  
Người tắm Phật hay tắm vào tịch tịnh  
Một nụ cười nở khắp cõi vô sinh.*

## ĐOÀN KHÚC CHO MỘT NGÀY

*Sớm gửi một gió mây  
Qua cánh đồng nhân thế  
Thác đời bên quán cỏ  
Dự cảm một mùa lau*

*Trưa quảy đôi quang gió  
Lòng thảo nguyên xanh về  
Thôi chiều nghiêng bóng đỏ  
Phù phiếm một cơn mê*

*Chiều vác nắng nguyên sinh  
Bềnh bồng lên núi thuy  
Lòng phù điêu mây nổi  
Giám định cuộc đi về*

*Đêm khua sào bảo chứng  
Lên non một góc ngôi  
Lòng Sa-di khép cửa  
Tiêu hoá cuộc buồn vui*

*Ngày... trả hương cho đất  
Ngày... trả gió cho trời  
Trả đời nhau sau trước  
Dịu dàng nhìn mây trôi.*

thơ THUY SƠN





# Đọc Kinh Du Hành và Tưởng Nhớ Những Tháng Cuối Đời Của Ôn Tuệ Sỹ

THÍCH NỮ HẠNH THÂN

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Một ngày tuyết rơi bất thường vào tháng 5 dương lịch, sau thời hành thiền sáng, tôi lần giở bài Kinh Du Hành (1) để đọc. Đọc đến đoạn “Về sau, trong lúc an cư, thân Phật nhuốm bệnh, khắp cả mình đau nhức. Phật tự nghĩ: ‘Ta nay cả người đều đau nhức mà các đệ tử đều không ở đây. Nếu ta nhập Niết-bàn thì không thích hợp. Vậy Ta hãy tinh cần tự lực lưu lại thọ mạng.’” (2) bỗng dưng dòng nước mắt tôi tự động chảy. Lời Kinh Ôn dịch mấy mươi năm trước, lúc này như cuộn phim quay chậm, từng chi tiết về những tháng cuối đời của Ôn hiện rõ mồn một trong tâm tôi. Trong Kinh, đó là mùa an cư cuối cùng của Đức Thế Tôn; Đức Thế Tôn bảo ngài A-nan nhóm hết các tỷ-kheo hiện có mặt chung quanh Hường tháp lại giảng đường để Ngài có di giáo tối hậu trước khi công bố quyết định nhập diệt. Rồi Ngài nói với các tỷ-kheo:

“Các người nên biết, Ta do những pháp sau đây mà tự thân tác chứng, thành Đẳng Chánh Giác. Đó là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn thần túc, bốn thiền, năm căn, năm lực, bảy giác chi và tám chi Thánh đạo. Các người hãy nên cùng nhau tu tập ở trong pháp đó, cùng nhau hoà đồng kính thuận, chớ sinh tranh tụng. Cùng đồng một thầy học hãy cùng đồng hoà hợp như nước với sữa. Ở trong pháp Ta, hãy tinh cần tu học, cùng soi sáng cho nhau, cùng nhau hoan hỷ.”

“Này các tỷ-kheo, các người nên biết, Ta tự thân chứng ngộ pháp này, rồi công bố ra nơi đây, tức là, Khế kinh, Ki-dạ kinh, Thọ ký kinh, Kệ kinh, Pháp cú kinh, Tương ưng kinh, Bản duyên kinh, Thiên bản kinh, Quảng kinh, Vị tăng hữu kinh, Chứng dụ kinh, Đại giáo kinh. Các người hãy ghi nhớ, tùy khả năng mà phân tích, tùy sự mà tu hành. Vì sao vậy? Như Lai không bao lâu

nữa, sau ba tháng sẽ vào Niết-bàn.” (3)

Mùa hạ cuối cùng của Ôn cũng thế. Cơ thể Ôn lúc ấy bị thiếu máu trầm trọng, nhưng Ôn không chịu đi bệnh viện mặc cho mọi người thưa thỉnh. Thời gian ấy Ôn hay bị sốt cao, cả người đều đau nhức. Thời gian ấy mỗi ngày sau khi ăn sáng, tôi mang theo máy tính qua thăm Ôn ở chùa Phật Ân để làm việc và pha trà Ôn uống. Thói quen ấy hình thành kể từ giữa tháng 5 năm 2022, khi hai thầy trò tôi từ Mỹ trở về.

Thời gian ấy vì cơ thể quá suy nhược nên Ôn đồng ý dùng thêm chút rau xay, bông a-ti-sô, hoặc trái cây lúc 9 giờ sáng. Thời gian Ôn dùng bữa lỡ cũng là lúc tôi sửa soạn pha trà Ôn uống. Sau ba tuần trà thì Ôn quay trở lại công việc của mình. Khoảng 13 đến 14 giờ là cử trà đầu giờ chiều trước khi Ôn tiếp tục làm việc. Khoảng 17 giờ Ôn nghỉ ngơi. Có hôm Ôn đánh đàn piano, có hôm thì Ôn ngồi xe lăn bằng điện đi dạo một vòng quanh khuôn viên

chùa Phật Ân, rồi mấy Ôn con lại uống cử trà chiều trước khi hai thầy trò tôi ra về. Những giờ trà ấy, ngoài hai thầy trò tôi thì luôn có mấy thầy thị giả bên cạnh. Trong mùa hạ cuối cùng này, lưng Ôn bị đau nhiều hơn. Mặc dù không ngồi được xuyên suốt như trước kia, nhưng Ôn vẫn tinh cần hiệu đính Kinh, dạy Kinh Lăng Già qua Zoom cho một nhóm học trò và giảng dạy cho chúng tôi trong những giờ trà trưa, trà chiều.

Dạo sau này tôi dành thời gian nghe lại các bài giảng trước đây của Ôn, cũng như lật từng trang Kinh trong Thanh Văn Tạng để đọc. Tôi đọc thật chậm từng dòng Kinh Du Hành. Để lời Kinh ngấm vào tâm. Để lời Kinh chuyển hoá thành mạch máu nuôi dưỡng thân tâm. Lời dạy của Đức Thế Tôn hơn hai ngàn năm trước bỗng trở nên sinh động lạ thường trong tôi. Tôi có cảm tưởng





lời dạy ấy không chỉ dành riêng cho ngài A-nan và chư tỳ-kheo hiện diện. Tâm tôi tràn đầy lòng biết ơn. Tôi biết ơn chư Thánh Tăng, chư Tổ và những bậc Thầy đi trước vì công cuộc hoằng pháp đã không nề khó nhọc hoằng hoá, giảng dạy, miệt mài phiên dịch, và gần nhất là Ôn-mỹ mười năm thăm lặng dịch và chú giải Kinh-đề Tam tạng Thánh điển được lưu truyền trong nhân gian; để ngày nay thế hệ chúng tôi được trì tụng những câu văn chân thật, chuẩn xác nhất từ kim khẩu Đức Thế Tôn:

"Này A-nan, những pháp Ta đã giảng thuyết, trong cũng như ngoài đều đã hoàn tất. Ta không bao giờ tự xưng có sở kiến thông đạt. (4) Ta nay đã già rồi, tuổi đã đến tám mươi rồi. Cũng như cỗ xe cũ kỹ, nhờ lực phương tiện tu sửa mà có thể đi đến nơi. Thân ta cũng vậy, nhờ sức phương tiện còn duy trì được một ít tuổi thọ, tự lực tinh tấn mà nhận chịu sự đau nhức này. Khi Ta không suy niệm tất cả tướng, nhập vô tướng tâm định, thân an ổn, không có não loạn. Vì vậy, A-nan, hãy tự thắp sáng mình; thắp sáng bởi pháp, chớ thắp sáng bởi cái khác. Hãy tự nương tựa mình, nương tựa nơi pháp, chớ nương tựa nơi khác. Thế nào là 'Hãy tự thắp sáng mình; thắp sáng bởi pháp, chớ thắp sáng bởi cái khác; hãy tự nương tựa mình, nương tựa nơi pháp, chớ nương tựa nơi khác'? Này A-nan, tỳ-kheo quán nội thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán ngoại thân; quán nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán tâm, quán pháp cũng vậy. Này A-nan, đó gọi là 'Hãy tự thắp sáng mình; thắp sáng bởi pháp, chớ thắp sáng bởi cái khác; hãy tự nương tựa mình, nương tựa nơi pháp, chớ nương tựa nơi khác...' Này A-nan, sau khi Ta diệt độ, nếu ai có thể tu hành pháp này, người đó là đệ tử chân thật của Ta, là bậc nhất hữu học." (5)

Thế Tôn một lần nữa xác nhận ai mới là đệ tử chân thật của Như Lai sau khi Ngài diệt độ. Đó là người nào tinh cần không biếng nhác; tu tập Tứ niệm xứ; tự thắp sáng mình, thắp sáng bởi pháp; tự nương tựa mình, nương tựa nơi pháp... Hơn hai ngàn năm sau, ánh sáng từ 'người con chân thật của Như Lai' vẫn được gìn giữ và tiếp nối. Ôn là hiện thân của ánh sáng ấy. Ôn là hiện thân của đấng vô úy, bậc trừ sạch các uế trước, Tuệ nhân không hạn lượng. Ôn là dòng suối mát Đại Bi làm tươi nhuận những mảnh đất tâm cần cỗi nhất. Ôn là hiện thân của Bồ-đề nguyện và Bồ-đề hành. Ôn không chỉ tự nương tựa mình, mà còn là chỗ nương tựa cho nhiều người; Ôn không chỉ tự thắp sáng mình, mà còn thắp sáng trăm ngàn ngàn đèn khác.

Nhớ lại có lần nhìn thấy Ôn bệnh, tôi không giấu được sự đau lòng trong ánh mắt. Ôn hỏi tôi, "Thầy Thầy già tôi quá hả?" Tôi không biết trả lời sao. Một lần khác tôi hỏi Ôn, "Bạch Ôn, những lúc sốt cao như vậy, Ôn có đau lắm không?" Ôn ôn tồn nói, "Năm yên thì không đau." Đọc lại đoạn Kinh trên tôi hiểu hơn cái "năm yên thì không đau" mà Ôn muốn nói. Xưa Đức Thế Tôn cũng đã nói, "Khi Ta không suy niệm tất cả

tướng, nhập vô tướng tâm định, thân an ổn, không có não loạn." Nếu xưa Đức Thế Tôn tự biết thời, đã bằng ý định tam-muội, xả thọ hành và lưu mạng căn, chờ chúng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di của Ngài hội đủ, chờ cho bốn chúng đệ tử của Ngài "lại có thể tự điều phục, dũng mãnh, không khiếp sợ, đã đến chỗ an ổn, đã đạt mục đích của mình, là hướng đạo của loài người, rao giảng kinh giáo, hiển bày cú nghĩa, nếu có dị luận thì có thể hàng phục bằng Chánh Pháp... quảng bố phạm hạnh, diễn rộng giác chi, khiến cho chư Thiên và loài người thấy đều thấy được sự thần diệu," (6) thì nay Ôn vì công việc của Hội Đồng Hoằng Pháp, của Hội Đồng Phiên Dịch và nhiều việc khác cần thu xếp ổn thoả trước khi thị tịch nên Ôn đã nhận chịu sự đau nhức của thân ngũ uẩn sắp đến thời kỳ hoại diệt, tan rã. Thời gian ấy là khoảng thời gian đau lòng nhất và cũng là khoảng thời gian tôi được trưởng dưỡng trong Pháp hơn lúc nào hết. Ôn đã dạy tôi bằng đời sống của Ôn. Ôn tinh cần phiên dịch chú giải Kinh không biết mệt mỏi. Ôn dạy tôi năng lực của Thiền Định trong khi khéo léo trấn an tôi: "Một vị chứng Sơ thiền thì không ai có thể làm tổn hại được." Ôn dạy tôi sự im lặng của bậc Trí. Và bằng tâm Từ Bi vô lượng, Ôn đã nhiếp phục, đã hoá giải những điều tướng chừng như bất khả.

Những giờ trà của mùa hạ cuối cùng ấy cứ thế qua dần đi. Trong một lần uống trà, Ôn biểu tôi liên hệ bên Đài Loan cho Diệu Nguyệt (cố đệ tử của tôi) thọ giới Thức-xoa-ma-na. Và sau đó cứ mấy hôm Ôn lại hỏi, "Khi nào đi Đài Loan." Hơn ai hết, tôi biết Ôn chưa từng quên một điều gì. Ôn hỏi đi hỏi lại chỉ vì muốn cho tôi hiểu sự quan tâm mà Ôn dành cho tôi-người học trò luôn nhỏ dại trong mắt Ôn-cũng như người đệ tử cháu Diệu Nguyệt còn thơ dại trong Pháp mà thôi. Sau này tôi mới hiểu, khi Ôn tịch rồi, chính những ký ức như thế này đã tiếp thêm sức mạnh cho tôi, để tôi đứng dậy, đi tiếp.

Sau mùa an cư ấy, Ôn lên Sài Gòn để tái khám. Mấy hôm sau đó, hai thầy trò tôi từ Long Thành lên bệnh viện thăm Ôn trước khi đi Đài Loan. Sáng hôm ấy mấy Ôn con cùng uống trà thật vui. Lâu lâu Ôn lại nhìn đồng hồ treo tường nhắc, "Coi chừng trễ giờ bay nghe không." Lúc này, ngồi viết những dòng này, tôi càng thương Ôn hơn, càng kính phục sức nhẫn chịu của Ôn. Thì ra Ôn sợ tôi lo, không chịu đi Đài Loan mà đã tỏ ra rất khoẻ khoắn, như không có chuyện gì xảy ra cả.

Sáng 18 tháng 9 năm 2023, hai thầy trò tôi vô bệnh viện thăm Ôn. Chỉ sau bảy ngày từ Đài Loan trở về, thể mà mọi việc khác hẳn đi. Tôi pha trà Ôn uống như thường lệ. Mấy Ôn con cùng ăn bánh trung thu Đài Loan tôi mang về. Trong phòng lúc ấy có thêm 4 thầy túc trực bên Ôn nữa. Ôn quay sang bảo tôi, "Lát nữa Bác sĩ khám xong, Khánh Năng lại đây Thầy dặn một chút." Tôi dạ. Và khi tôi đến gần bên thì Ôn nói: "Kể Thầy nghe đi Đài Loan có gì vui, rồi Thầy dặn công việc một chút." Ôn ngừng một lúc rồi lại nói: "Thôi, để Thầy nói trước." Và Ôn nói, "Giờ

không giấu nữa, Bác sĩ nói ung thư đã vô tới phổi, bây giờ thời gian tính từng ngày từng giờ..." Đó là lần đầu tiên Ôn hiện tượng cho biết ngày nhập diệt sắp gần kề. Trưa ấy thăm Ôn về, tôi xin chị Kim Liên cho hai thầy trò ở nhờ nhà chị để vô ra bệnh viện với Ôn; tôi quyết định ở lại Sài Gòn, chứ không về dưới thất ở Long Thành nữa.

Sáng hôm ấy tôi thỉnh Ôn chứng minh truyền lại y cho Diệu Nguyệt. Ôn nói, "Chờ về chùa để nói được nhiều điều." Vậy mà chỉ ba hôm sau thì Ôn ngoắt tay gọi tôi lại bảo, "Con mang y vô để Thầy truyền y cho Diệu Nguyệt kéo tới." Tôi dạ và nhanh chóng nhìn đi hướng khác. Tôi tránh đối diện với ánh nhìn của Ôn, tôi không muốn để Ôn nhìn thấy sự yếu đuối trong tâm tôi lúc ấy. Vì tôi biết rõ, điều đó cũng có nghĩa Ôn sẽ không về lại thất ở chùa Phật An được nữa cho đến khi tịch.

Hai giờ chiều hôm ấy hai thầy trò tôi quay lại bệnh viện. Sau khi Bác sĩ đưa Ôn đi hút dịch tràn vô phổi lên, vừa thấy tôi Ôn liền bảo: "Cho Thầy năm phút." Nhìn Ôn thờ đốc, lòng tôi ghen lại. Tôi thưa, "Dạ, Ôn nghỉ ngơi đã, khi nào cũng được mà Ôn." Ôn bảo, "Thầy không còn nhiều thời gian nữa." Đúng năm phút sau thì Ôn bắt đầu dạy và truyền y cho Diệu Nguyệt. Ôi! Từ Bi tâm vô lượng của Ôn! Ôn là minh chứng của Pháp, vì Pháp. Ôn luôn vì lợi lạc của người khác mà không nề mệt nhọc để truyền dạy cho đến hơi thở cuối cùng. Thời gian ấy Ôn cứ thế mà giải quyết từng việc một; kêu riêng một số Thầy, Cô đến dặn dò. Thời gian ấy cũng là thời gian hai vợ chồng cô Hợi (em gái của Ôn) và chị Na (con gái của nhà văn Nhã Ca) từ Pháp và Thụy Điển về. Hai vợ chồng cô Hợi vì lớn tuổi nên thuê khách sạn gần bệnh viện để tiện đi bộ vô ra. Còn chị Na thì cùng với hai thầy trò tôi ở nhờ nhà chị Kim Liên ở quận Bình Thạnh, ngày ngày cùng đón xe grab vô bệnh viện. Trong suốt thời gian Ôn nhập viện đó, chúng tôi chứng kiến có những ngày Ôn sốt cao nằm vùi, hơi thở yếu ớt; và cũng có những ngày nhìn Ôn khoẻ khoắn lạ thường, vô bệnh khi Ôn cần giải quyết việc gì đó cho xong. Tuy vậy, chúng tôi vẫn không tài nào hiểu được nghị lực và định lực phi thường ấy của Ôn.



Một tháng cũng nhanh chóng qua đi. Hai vợ chồng cô Hợi và hai vợ chồng chị Na phải trở về Pháp và Thụy Điển. Ngày chị Na chào Ôn đi, Ôn hỏi, "Bên đó về Việt Nam xin visa có khó không?" Khi nghe chị trả lời là không khó thì Ôn nói, "Vậy ổn rồi. Đi về đi rồi tháng sau quay lại." Trên đường về, chúng tôi nói với nhau: Ôn mình thiệt là, từ Thụy Điển về mà Ôn làm như từ Long Thành lên vậy. Chúng tôi đâu biết được, Ôn tự biết thời khắc, có điều Ôn không tiện nói rõ cho chúng tôi ngày nào ra đi thôi. Sau khi mọi người đi hết, tôi không được vô bệnh viện nhiều nữa, mà chỉ hạn chế còn 2 tiếng mỗi ngày. Giai đoạn đó cô Đào cũng qua ở lại nhà chị Kim Liên để cùng chị nấu ăn cho Ôn và mấy thầy.

5 giờ 30 mỗi sáng, hai thầy trò tôi xách thức ăn, đón xe grab từ Bình Thạnh qua Bệnh viện Quốc tế Mỹ ở quận 2 để đứng 6 giờ Ôn dùng sáng. Mấy thầy túc trực bên Ôn cả đêm nên chia nhau ngủ. Khi vào, để mấy thầy được ngủ thêm, tôi dọn thức ăn và thỉnh Ôn dùng. Sau khi Ôn dùng xong thì chúng tôi cùng nhau ăn sáng. Thường khoảng 7 giờ là Ôn biểu "pha trà uống", 8 giờ hai thầy trò tôi ra về. Lần nào cũng vậy, mỗi khi tôi chào Ôn ra về Ôn đều nói, "Ừ, mai vô nghe." Ngày ngày đi qua như vậy cho đến gần cuối tháng 10 dương lịch khi Ôn được đưa từ bệnh viện về nhà Quảng Diệu Trần Bảo Toàn. Từ lúc ấy hai thầy trò tôi không được đến mỗi ngày nữa. Tôi về lại thất ở Long Thành và chỉ được lên thăm Ôn hai bữa một tuần. Mỗi lần lên Sài Gòn thăm Ôn về, tôi đều gọi kể cho cô Hợi và chị Na tình hình sức khoẻ của Ôn để mọi người yên tâm. Linh cảm cho tôi biết Ôn sẽ về lại Long Thành dịp giỗ Ôn Trí Quang. Tôi nói với cô Hợi và chị Na ráng thu xếp để về lần cuối với Ôn. Đến bây giờ tôi vẫn không hiểu vì sao tâm tôi lúc ấy lại nghĩ Ôn sẽ về Long Thành dịp giỗ Ôn Trí Quang nữa. Tôi hối quý vị nhanh nhanh về để được ở gần Ôn thêm đêm hôm, vì cứ nghĩ là Ôn sẽ ra đi hôm 14 hoặc Rằm tháng 10 âm lịch. Tôi đoán sai 3 hôm. Cũng may là quý vị về đến Phật An sáng 12 âm lịch, kịp gặp Ôn lần cuối.

Đầu giờ chiều ngày 12 tháng 10 âm lịch, chúng tôi-hai vợ chồng cô Hợi, chị Na, hai vợ chồng chị Hoa, chị Kim Liên và hai thầy trò tôi-từ Phật An đi bộ qua thất tôi đang ở để hai vợ chồng cô Hợi nghỉ ngơi sau một chuyến bay dài. Mọi người uống trà nói chuyện một lúc. Sau đó hai vợ chồng cô Hợi qua phòng bên để nghỉ. Chị Kim Liên và hai vợ chồng chị Hoa lên lại Sài Gòn. Chị Na và tôi định rửa bộ ấm trà xong rồi qua lại với Ôn. Đang loay hoay với bộ ấm trà thì thầy Quảng Ngộ gọi điện báo, "Cô qua gấp nghe." Tôi nhìn chị Na, cả hai chúng tôi lúc đó như đã mơ hồ hiểu... Tôi qua gọi hai vợ chồng cô Hợi, và chúng tôi đi bộ thật nhanh qua thất Ôn. Lúc ấy là 16 giờ chiều. Quý thầy chùa Phật An đang quý ngoài hành lang phòng Ôn đồng thanh niệm Phật. Chúng tôi vô phòng Ôn. Ôn nằm bất động. Quý Thầy và Cô hiện diện lúc ấy đều y hậu chỉnh tề niệm Phật. Riêng tôi, tôi quý xuống một bên, để mặc những giọt nước mắt cứ thế rơi.

Một lúc sau thì Ôn Minh Tâm vào. Ôn bảo tắt



cả Ni và Phật tử nữ tạm ra phòng kế bên. Trong phòng lúc đó chỉ còn lại Ôn Minh Tâm và mấy thầy. Khoảng 15 phút sau thì chúng tôi được phép vô trở lại. Lúc này nhục thân Ôn trong áo hậu vàng. Một số các Thầy, Cô thay phiên nhau hầu bên nhục thân Ôn. Tôi lúc ấy không khóc, nhưng cảm thấy thân tâm mình như bị đóng băng. Tôi ngồi lặng bên nhục thân Ôn. Khoảng 21 giờ khi ngược nhìn lên, bỗng dưng tôi thấy nét mặt và khuôn miệng Ôn như mỉm cười nhẹ. Nhờ nụ cười nhẹ ấy mà tâm tôi đã nhẹ hẳn đi. Một thời gian sau thì nước chảy ra từ khe miệng Ôn; thủy đại đã rồi. Về khuya, các Thầy, Cô đều rút đi nghỉ ngơi. Căn phòng trở nên vắng lặng, u tĩnh. Chỉ còn lại hai thầy trò tôi và vài vị cư sĩ. Tôi đứng dậy đánh lễ Ôn, trong tâm thầm phát nguyện những điều mà tôi chưa nói với Người lúc Người còn sống. Chúng tôi ngồi như vậy cho đến 6 giờ sáng hôm sau.

Mãi đến hôm nay khi đọc lại bài Kinh Du Hành, thì tôi mới thấy hình ảnh ngài A-nan vin thành giường than khóc khi Đức Thế Tôn nhập diệt thật thân thương và gần gũi biết bao: *"Như Lai diệt độ sao mà vội thế! Đại pháp chìm lặng làm sao nhanh quá! Con mắt thế gian diệt mất thì chúng sanh suy đoạ lâu dài! Ta nhờ ơn Phật xuất gia mà chỉ đạt được bậc học địa, nhưng sự nghiệp tu chưa thành mà Như Lai đã diệt độ."* (7) Ngài A-nan là minh chứng bình dị mà thiêng liêng của tình thầy trò. Ngài là sự đồng cảm sâu sắc nhất cho những giọt nước mắt lặng thầm rơi của tôi từ khi Ôn tịch cho đến sau lễ trà tỳ và mãi đến sau này.

Mấy ngày liền tôi đọc đi đọc lại Kinh Du Hành. Mỗi lần đọc lại, hình ảnh Đức Thế Tôn và chư Thánh Tăng bao quanh lúc Ngài nhập Niết-bàn càng rõ nét trong tâm tôi. Mỗi lần đọc lại, tôi như được sống thêm một lần nữa những ngày tháng bên Ôn. Tôi cảm thấy Ôn như vẫn còn đây, bên tôi, trong tôi. Càng đọc, tôi càng cảm nhận rõ hơn tâm Đại Từ Bi và Tuệ nhãn không hạn lượng của Đức Thế Tôn.

Khép lại trang Kinh. Tôi nghe như vắng vắng bên tai mình lời di giáo tối hậu của Đức Thế Tôn:

"A-nan, Ta cũng biết trong chúng này dù một vị tỷ-kheo nhỏ nhất cũng thấy được dấu Đạo (8), không còn đoạ vào đường dữ, chỉ trải qua bảy lần sinh lại cõi Dục này để tu hành là dứt hết thống khổ..."

"Các người hãy quan sát rằng, Như Lai mỗi khi xuất thế, như hoa ưu-đàm-bát lâu lắm mới hiện một lần..."

"Thế nên các tỷ-kheo chớ có buông lung. Ta chính nhờ không buông lung mà được thành Đẳng Chánh Giác. Vô lượng điều lành toàn nhờ không buông lung mà có được. Hết thảy vạn vật đều vô thường, đó là lời dạy cuối cùng của Như Lai." (9)

Tôi chợt nhớ ra lời nhắc nhở cuối cùng của Ôn: *"Thế gian hăng như mộng."* Đó là câu đề tặng cuối cùng bằng chữ Hán Ôn viết cho tôi ở tập thơ Dreaming the Mountain trong mùa hạ cuối cùng ấy. Trước đó một năm, mùa hạ năm 2022, Ôn cũng đã cho tôi bức thư pháp với nội

dung tương tự bằng chữ Nôm:

*"Thời gian vô cánh ngang đầu  
Sanh già bệnh chết tránh đâu vận cùng  
Khổ đau là khối tình chung  
Ai nâng côi thế qua bùn tử sinh."*

Hoặc gần hoặc xa, lúc trực tiếp lúc gián tiếp, Ôn đã từng bước chuẩn bị tâm cho tôi. Ấy vậy mà ngày Ôn tịch, tôi thấy mình như rơi xuống một khoảng không mênh mông, không một điểm tựa.

Mùa Phật Đản năm nay, lần giở trang Kinh xưa, tôi chỉ muốn cúng dường lên Đức Thế Tôn, cúng dường lên Ôn tâm ý lãnh thọ và nỗ lực thực hành Chánh Pháp của mình.

Kính lễ Đức Thế Tôn, đấng Đạo Sư Vô Thượng, Đại sa-môn tối cao, đấng Đại Hùng bậc nhất, đấng Thiện Thệ tối thượng, Chí Tôn giữa trời người.

Kính lễ đấng Vô cầu, trừ sạch các uế trước, Tuệ nhãn không hạn lượng.

Kính lễ đấng Vô đẳng, hy hữu khó nghĩ nghĩ.

Kính lễ Ôn, người Thầy đã cho con thêm một lần nữa được sinh ra trong Pháp.

*Mùa Phật Đản tha phương 2569 – Ất Tỵ 2025*  
**Thích Nữ Khánh Năng | Hạnh Thân**

- 1) Tuệ Sỹ dịch & chú, Thanh Văn Tạng, Tập 1: Kinh Bộ I, Trường A-Hàm, quyển 1 (Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất: Hội Đồng Hoằng Pháp, 2022), 95-191.
- 2) Tuệ Sỹ dịch & chú, Thanh Văn Tạng, Tập 1: Kinh Bộ I, Trường A-Hàm, quyển 1, 114.
- 3) Tuệ Sỹ dịch & chú, Thanh Văn Tạng, Tập 1: Kinh Bộ I, Trường A-Hàm, quyển 1, 121.
- 4) Theo bản Pāli: "Này A-nan, trong giáo pháp, Như Lai không bao giờ là vị thầy có bàn tay nắm chặt." Nghĩa là Như Lai không bao giờ giấu giếm, không chỉ dạy hết.
- 5) Tuệ Sỹ dịch & chú, Thanh Văn Tạng, Tập 1: Kinh Bộ I, Trường A-Hàm, quyển 1, 115.
- 6) Tuệ Sỹ dịch & chú, Thanh Văn Tạng, Tập 1: Kinh Bộ I, Trường A-Hàm, quyển 1, 116.
- 7) Tuệ Sỹ dịch & chú, Thanh Văn Tạng, Tập 1: Kinh Bộ I, Trường A-Hàm, quyển 1, 155.
- 8) Đã chứng quả Dự lưu
- 9) Tuệ Sỹ dịch & chú, Thanh Văn Tạng, Tập 1: Kinh Bộ I, Trường A-Hàm, quyển 1, 159.



# ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN

## DO GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ TỔ CHỨC TẠI THỦ ĐÔ HOA THỊNH ĐỐN

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

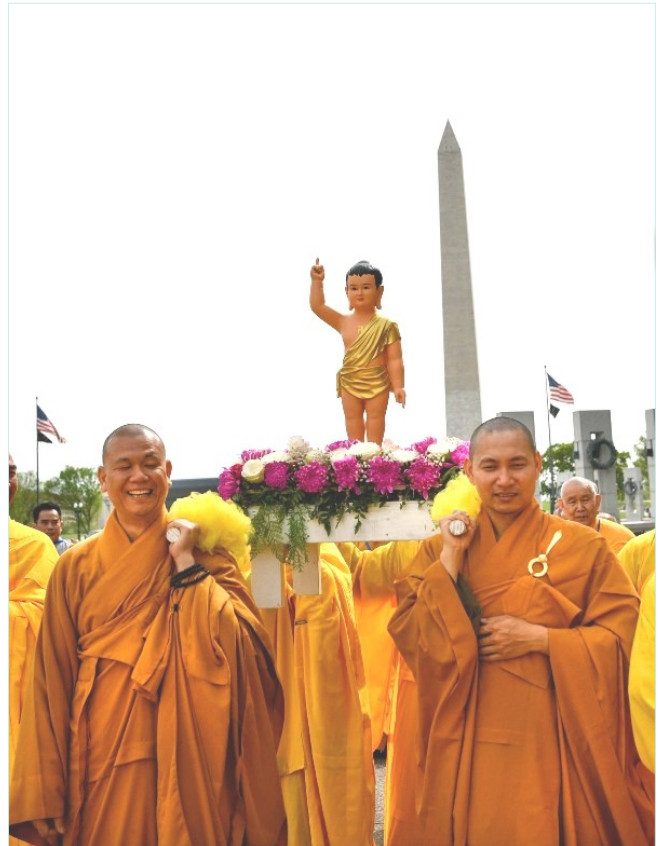
Nam Mô Lâm Tỳ Ni Viên Vô Ưu Thọ Hạ Thị Hiện Đản  
Sanh Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trong Trường A Hàm – Kinh Du Hành nói rằng:  
*"Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn,  
Nhất thiết thế gian sanh lão bệnh tử."*



Với câu tuyên ngôn bất hủ khi sơ đản sanh, đức Thế Tôn đã chỉ thẳng sự thật nhiệm mầu: rằng trong cõi đời đầy biến động của Sanh – Lão – Bệnh – Tử, chỉ có trí tuệ tỉnh giác mới là con đường đưa chúng sanh vượt thoát khổ đau. Và cũng với tinh thần ấy, hơn hai ngàn năm sau, vào ngày 19 và 20 tháng 4 năm 2025 vừa qua, nơi thủ đô Washington, D.C; trái tim chính trị của Hoa Kỳ, ánh sáng giác ngộ ấy một lần nữa được thắp lên trong lòng đại chúng.

Lần đầu tiên trong suốt năm mươi năm hiện diện nơi xứ người, Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ đã tổ chức một đại lễ Phật Đản có quy mô lịch sử, quy tụ gần 3.000 Tăng Ni và Phật tử từ năm mươi tiểu bang và các quốc gia. Giữa lòng đô thị hiện đại, đoàn xe cung rước tôn tượng đản sanh uy nghiêm, cờ phướn ngũ sắc tung bay rợp trời, hòa quyện cùng tiếng chuông, tiếng mõ, và dòng người trang nghiêm đi thiền hành quanh bờ hồ trong chánh niệm. Hình ảnh tôn tượng đức Phật sơ sinh giữa lễ đài tràn ngập ánh sáng và hoa sen là hiện thân của



hạnh phúc lớn lao của người con Phật: Được sống trong thời đại có Phật pháp, được nương tựa Tam bảo và được góp mặt trong ngày lễ thiêng liêng nhất của Phật giáo.

*"Có ba điều hiếm có trong đời:*

*Một là được làm người,*

*Hai là được nghe Phật pháp,*

*Ba là được gặp bậc Giác ngộ xuất hiện ở đời."*

(Tập A Hàm – Kinh số 1152)

Đại lễ ấy không chỉ là nghi lễ kỷ niệm, mà còn là một tuyên ngôn trang trọng về sự hiện diện và trưởng thành của Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại. Bao tâm huyết của quý Tôn đức giáo phẩm, bao



TRỞ VỀ MỤC LỤC





công sức lặng thầm của chư Tăng Ni và hàng trăm Phật tử trong ban tổ chức. Tất cả đã góp phần dựng nên một khung cảnh uy nghi, một đại lễ trang nghiêm, xứng tầm tâm linh và văn hóa. Trong cái nắng se lạnh của đầu xuân nước Mỹ, từng nhịp bước trong lễ rước, từng vòng tay chấp, từng tiếng niệm vang lên đều là những bông hoa dâng lên đấng Cha Lành của ba cõi sáu đường.

Chúng con xin cúi đầu dâng lễ và cảm niệm ân đức của chư Tôn trưởng lão Hòa thượng, những bậc long tượng của Phật giáo. Dù tuổi cao sức yếu, thân thể không cho phép, vẫn không quản ngại đường xa, đã quang lâm từ những ngày đầu để chứng minh, để dìu dắt, để âm thầm góp lực cho một sự kiện chưa từng có trong lịch sử Phật giáo Việt tại Hoa Kỳ. Những bước chân của quý Ngài giữa rừng người, giữa khung cảnh thiêng liêng nơi thủ độ, chính là sự tiếp nối của dòng chánh pháp, là biểu hiện sống động của "Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh."

*"Như Lai ra đời vì một đại sự nhân duyên:  
Khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật."*

(Kinh Pháp Hoa – Tựa phẩm thứ Nhất)

Chúng con cũng xin thành tâm sám hối trước chư Tôn đức và toàn thể đại chúng. Trong quá trình tổ chức một sự kiện quy mô lớn như vậy, không sao



tránh khỏi những thiếu sót trong khâu đưa đón, sắp xếp, hậu cần và tiếp tân. Có những điều chúng con chưa kịp lo chu toàn, có những khâu bị động do hoàn cảnh khách quan, và cũng có thể có những điều khiến quý vị chưa được hài lòng. Với lòng thành thật từ đáy lòng, chúng con xin cúi đầu đón nhận mọi lời góp ý với tâm niệm cầu học, cầu tiến và cầu sám hối. Mong quý vị mở lòng từ bi hoan hỷ, như nước từ mắt gột rửa bụi trần, để ban tổ chức có thể học hỏi và trưởng thành hơn trong những lần Phật sự kế tiếp.

Về phần hình ảnh, do sự kiện diễn ra cùng lúc tại nhiều địa điểm, nhiều nhóm truyền thông đã tác nghiệp từ sáng sớm đến khuya muộn. Tổng vụ truyền thông đang tích cực thu nhận toàn bộ tư liệu từ quý cộng tác viên khắp nơi để tuyển chọn, biên tập, và gửi đến đại chúng trong thời gian sớm nhất. Xin quý vị hoan hỷ đợi chờ. Vì mỗi tấm hình không chỉ là kỷ ức, mà còn là chứng tích của một sự kiện chưa từng có trong dòng lịch sử Phật giáo Việt trên đất Hoa Kỳ.

*"Chánh pháp không mất vì người ngoài phá hoại,  
Mà sẽ lu mờ khi người trong không hành trì."*

(Kinh Đại Bát Niết Bàn – Trưởng Bộ Kinh)

Nguyện cầu ánh sáng từ bi và trí tuệ của đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni sẽ soi sáng cho tất cả chúng ta, để dù ở phương Đông hay phương Tây, dù đang cư trú giữa núi rừng hay giữa lòng phố thị, chúng ta vẫn mãi là người con Phật, sống và thực hành đúng theo Chánh pháp. Bởi chỉ khi ấy, Phật pháp mới trường tồn, Tam bảo mới huy hoàng, và lời nguyện "Phật pháp xương minh, thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc" mới trở thành hiện thực.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát



*Philadelphia - April 22, 2025*  
**Tổng vụ Truyền thông GHPGVNTN Hoa Kỳ**  
*Photos: Nguyễn Tiên Anh*



**TRỞ VỀ MỤC LỤC**

# NHẬN DIỆN “NĂM TRIỀN CÁI” trong kinh TỨ NIỆM XỨ

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

## I. DẪN NHẬP

Đức Phật đã từng xác định pháp tu Tứ Niệm Xứ là “*Con đường độc nhất đưa đến: Thanh tịnh chúng sanh; Vượt khỏi sầu não; Diệt trừ khổ ưu; Thành tựu Chánh trí; Chứng ngộ Niết-bàn*”. Người nào muốn đạt được năm điều lợi ích nêu trên, thì người ấy phải học và thực tập những gì Đức Phật dạy trong bài kinh này. Kinh Tứ Niệm Xứ dạy hành giả thiết lập Chánh niệm trên bốn lãnh vực Thân, Thọ, Tâm và Pháp. Các bài trước, người viết đã lần lượt giới thiệu các phần quán Thân, quán Thọ và quán Tâm. Nay, xin mạn phép chia sẻ đề tài thứ tư là “*Quán Pháp trên các Pháp*”

## II. Ý NGHĨA VỀ TỪ “PHÁP”

Từ “Pháp” trong giáo lý nhà Phật được hiểu là tất cả những gì thuộc về nhân sinh và vũ trụ, tinh thần và vật chất, tâm lý và vật lý. Pháp chia làm hai nhóm: Tâm pháp và Sắc pháp. Tâm pháp là những pháp trừu tượng không có hình tướng nhưng có tri giác, thí dụ như: “*Suy nghĩ, vui, buồn, phiền não, thương, ghét v.v...*”. Sắc pháp có hình tướng nhưng không có tri giác, thí dụ như: “*Cái bàn, cái ghế, cái nhà, phòng học, chiếc xe, bình bông v.v...*”

Về ý nghĩa “Pháp” tạm có hai nghĩa chính, đó là Phật pháp và Vạn pháp.

**1) Phật pháp:** Là những chân lý thường hằng trong vũ trụ đã được Đức Phật nhận ra và giảng dạy nhằm giúp chúng sanh giác ngộ, thoát khỏi luân hồi sanh tử. Chẳng hạn như các đặc tính của hiện tượng thế gian là “*Vô thường-Khổ-Vô ngã, Bốn sự thật cao quý (Tứ diệu đế), Duyên khởi Duyên sinh*” hay những phương pháp tu tập để chứng nghiệm trên thân tâm hành giả như: “*Chú tâm cảnh giác, Chánh niệm tỉnh giác, Không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng, Thu thúc lục căn, Văn-Tư-Tu, Giới-Định-Tuệ, Thiền Chỉ, Thiền Quán, 37 phẩm trợ đạo v.v...*”

Pháp học và pháp hành do Đức Phật giảng dạy, hiện còn ghi lại trong Tam tạng kinh điển (Kinh, Luật, Luận). Tất cả đều là Pháp mà là Pháp Phật, được tôn xưng là Pháp bảo, tức một trong ba ngôi Tam bảo (Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo).

**2) Vạn pháp (Hiện tượng thế gian):** Là tất cả mọi hiện tượng thế gian, cái gì, cái chi... cũng gọi là pháp. Thí dụ như con người là một pháp, con vật là một pháp, sợi tóc là một pháp,

cái nhà là một pháp, cái ghế là một pháp, chiếc xe là một pháp, cây xoài là một pháp, cây bưởi là một pháp; suy nghĩ, buồn, vui, thương, ghét, mỗi sự kiện, mỗi hiện tượng v.v... đều là một pháp. Nói chung bất cứ thứ gì trên thế gian này mà giác quan tiếp xúc được thì gọi là pháp. Và thế gian thì có vô số pháp nên kinh gọi là Vạn pháp.

## III. QUÁN “PHÁP TRÊN CÁC PHÁP”

“*Quán Pháp trên các Pháp*” nghĩa là quán bất cứ pháp nào xuất hiện trên thân tâm của hành giả. Nhưng trong kinh Tứ Niệm Xứ, không phải pháp nào cũng quán. Đức Phật chỉ dạy chúng sanh quán các pháp đưa đến sự giác ngộ giải thoát cho người tu tập như: *Năm triền cái, Năm uẩn, Sáu nội-ngoại xứ, Thất Bồ đề phần (Thất giác chi), Tứ đế*. Quán ở đây là ghi nhận sự xuất hiện của một pháp nào đó diễn ra trên thân tâm của hành giả, từ khi nó bắt đầu sanh khởi đến khi nó chấm dứt. Đức Phật hoàn toàn không đưa ra phương pháp đối trị, dập tắt hay nuôi dưỡng, mà chỉ “*minh sát*” nghĩa là soi sáng thực tại đối tượng. Khi hành giả “*tuệ tri*” được nó, thì nó biến mất. Ngay khi đó, hành giả nhận ra được bản chất tự “*sinh diệt*” của pháp đang quán. Pháp đầu tiên Đức Đạo Sư dạy quán trong kinh Tứ Niệm Xứ là pháp “*Năm Triền Cái*”.

## IV. “NĂM TRIỀN CÁI” LÀ GÌ?

Muốn quán đề mục “*năm triền cái*” chúng ta cần hiểu “*triền cái*” là gì thì mới quán được.

“*Triền*” có nghĩa là trì kéo, trói buộc, khiến mình không thoát ra khỏi sự nặng nề của nó. “*Cái*” là cái lọng hay cây dù che lấp, cản trở khiến cho tâm mình mù mờ, không sáng suốt. Nó là chướng ngại lớn khiến hành giả tu thiền không thể định.

“*Triền cái*” gồm năm món: Tham, Sân, Hôn Trầm-Thụy Miên, Trạo cử-Hội quá và Nghi ngờ.

Tham tiếng Pali là “*Chanda*” có nghĩa là mong muốn, ước nguyện, động lực, thúc đẩy. Tham dục này có khi thiện, có khi bất thiện, có khi không thiện cũng không bất thiện, tùy theo cái Tâm mình đi kèm. Thí dụ: Ham tu, ham học Phật pháp, ham làm việc thiện. Đó là tham dục, nhưng là dục tốt. Cũng vậy, trong 37 phẩm trợ đạo có phẩm “*Tứ như ý túc*” gồm bốn yếu tố: Dục, Cần, Tâm, Quán. Yếu tố đầu là: “*Dục như ý túc*” là một loại dục cực mạnh. Nhờ có dục (ước nguyện) thanh cao, muốn đạt được các tầng định



hướng tới giải thoát giác ngộ ban đầu đó, mà về sau người tu chứng đắc được định. Dục này lại là thiện pháp. Còn tham lam muốn chiếm đoạt tài sản, tiền bạc của người khác thì đó là dục xấu là bất thiện. Cho nên dục cũng có nhiều loại, chúng ta cần phân biệt hiểu rõ, để khi gặp tình huống ngoài đời chúng ta không bị lúng túng khi xử lý. Đặc biệt, trong đoạn kinh này, Đức Đạo Sư bàn đến ái dục và xem "ái dục là một triền cái". Vậy ái dục là gì?

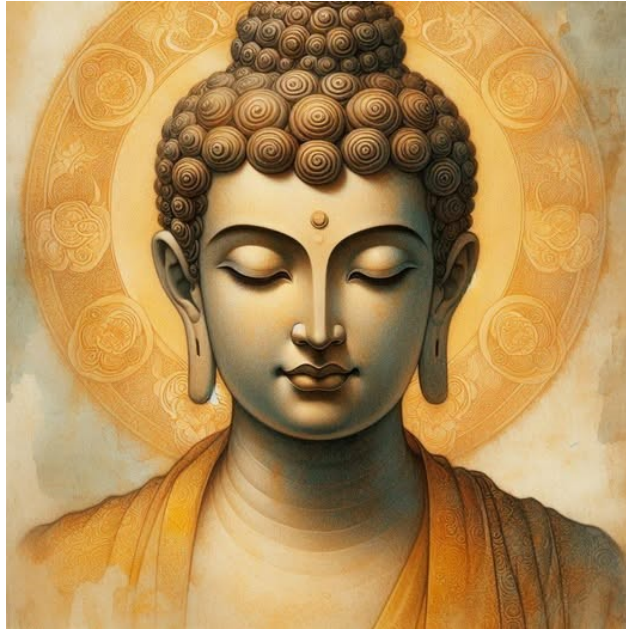
### 1) Triền cái thứ nhất là "Ái dục":

Tiếng Pali là "tanhā" (dưới chữ "n" có dấu nặng) nghĩa là "lòng khát khao ham muốn được thỏa mãn sự đòi hỏi của năm giác quan" về điều gì đó thuộc phạm vi tài, sắc, danh, thực, thụý trong đó có thú vị nhục dục... Dính với Ái dục là dính với phiền não. Tại sao? Vì lúc nào mình cũng sống trong lo sợ mất mát đối tượng mình yêu thương duyên ái. Muốn rời bỏ tâm ái dục này thật là khó, bởi con người ta sống với tâm ái dục này từ nhiều đời nhiều kiếp, đến đời này nó đã trở thành kiết sử trói buộc thân tâm mình, cho nên mình cảm thấy duyên ái là chuyện bình thường, thậm chí nó làm mình đau khổ, mình cũng chấp nhận...

Thí dụ như có một ngày con mình không may gặp nạn, thì mình lo lắng, sợ hãi vô cùng, vì mình thương yêu nó. Còn như nghe tin con người khác gặp nạn thì mình không lo lắng nhiều như lo cho con mình. Lo lắng, sợ hãi là tâm trạng của phiền não, đau khổ. Hay là chồng/vợ của mình có tình ý với người khác thì mình ghen tuông đau khổ vì mình bị dính với hai chữ "luyến ái", chứ người không quen biết thì họ làm gì cũng mặc kệ. Hoặc mình sẽ khổ sở vô cùng nếu tài sản tiền bạc của mình bị thất thoát, còn người khác bị mất mát cái gì... thì đó không phải là nỗi lo của mình. Khi mình đam mê, luyến ái với cái gì rồi thì khó mà buông bỏ, cho nên ái dục hay khát ái là những yếu tố căn bản của phiền não khổ đau, là nguyên nhân đưa đến luân hồi sinh tử triền miên.

Vì thế Đức Phật cho rằng "ái dục là triền cái". Triền cái vì nó ngăn che không cho tuệ giác mình phát huy. Nếu tuệ giác phát huy thì mình hiểu vạn vật đều vô thường, dù duyên nó ở với mình, không đủ duyên thì nó ra đi. Vật chất, tài sản, tình yêu vợ chồng, tình thương con cái cũng không khác. Nếu hết duyên mình có làm gì, bị lụy ra sao, cầu khẩn thế nào thì cũng không giữ được.

**2) Triền cái thứ hai là "Sân":** Giáo lý nhà Phật nhấn mạnh Tham, Sân, Si là ba pháp độc hại. Ba cảm thọ đó luôn xuất hiện đầu tiên trong mọi phản ứng của tâm. Những gì khiến ta khoái lạc, yêu thích, cứ muốn được mãi như vậy, đó là tâm Tham. Ham thích điều gì mà không được thỏa mãn thì cảm thấy bức tức, khó chịu thì đó là



tâm Sân. Người ta thường nói "giận quá mất khôn" vì trong lúc nóng giận mình không kiểm soát được lời ăn tiếng nói và hành động tổn hại đến người và tổn hại ngay cả với chính mình.

Sân có hai mức độ. Mức độ thứ nhất là sân xuất hiện ở trong tâm. Đó là sự buồn giận, tức tối, âm ỉ trong tâm. Mức độ thứ hai là cơn giận dữ bộc phát ra lời nói trách móc, than phiền, chửi bới, hoặc hành động đập phá làm tổn thương người đối diện. Mức độ sân thứ nhất tuy không làm tổn thương người đối diện, nhưng lại tổn thương chính mình. Vì sự buồn phiền, sân hận đó cứ âm ỉ trong tâm ngày này qua ngày

khác, sẽ khiến mình dễ mắc bệnh trầm cảm. Có câu nói "Hận này đến chết vẫn mang theo". Nếu thực sự một người sắp chết mà tâm vẫn còn mang mối hận thù với ai đó, thì thật là nguy hiểm, vì người đó sau khi chết sẽ bị sanh vào một trong ba đường ác.

### 3) Triền cái thứ ba là Hôn trầm-Thụy miên:

Hôn trầm-thụy miên là trạng thái tâm mê mờ, tầm tối, luôn cảm thấy người nặng nề, làm biếng, dă dượt, không muốn làm, không muốn học... chỉ muốn thả trôi mọi việc. Người bị hôn trầm trong lúc ngồi thiền cảm thấy lơ mơ, lơ đãng, không rõ biết gì cả, đến khi ngủ gật, mới giật mình tỉnh giấc. Để trị được hôn trầm phải có sự tỉnh giác. Tỉnh từng giây, từng phút, từng giờ, rồi từng ngày và đến cuối cùng là toàn giác. Muốn tỉnh giác chỉ có một cách duy nhất là phải thực tập quan sát.

### 4) Triền cái thứ tư là Trạo cử/hối quá:

Trạo là nhô lên, trời lên; cử là di động, nhúc nhích. Trạo cử là sự xao động bất an trong tâm, biểu hiện ra ngoài thân và lời nói. Cho nên trạo cử có ba loại: Thân trạo cử, miệng trạo cử và ý trạo cử. Còn hối quá là sự hối tiếc.

**- Thế nào là thân trạo cử?** Đó là người đứng ngồi không yên. Khi đứng thì ổng a, ổng ọ, nhún nha nhún nhẩy. Mắt không nhìn thẳng mà liếc ngang liếc dọc. Khi ngồi thì gõ tay lên bàn hay trên thành ghế. Còn chân thì nhúc nhích rung đùi không yên. Đó là thân trạo cử. Miệng

trạo cử là không im lặng được. Không nói thì không chịu được. Người ta vừa mở miệng là mình nhảy vô liền, hoặc người ta nói chưa hết câu là mình chặn lại giành nói. Sở dĩ miệng trạo cử ưa nói năng là tại vì tâm trạo cử. Tâm trạo cử là tâm không an trú trong pháp quán, tâm suy nghĩ lung tung hết chuyện này đến chuyện khác, hết chuyện mình đến chuyện người, hết chuyện quá khứ, hiện tại và chuyện chưa xảy ra ở tương lai, đó là tâm trạo cử. Có một từ khác tương đương với trạo cử là phóng dật. Phóng dật là phóng tâm xa lìa đề mục tu tập. Người có tâm phóng dật là người bị thất niệm.

Còn **"hối quá"** là sự hối tiếc dày vò khiến tâm luôn phiền não. Lưu ý **"hối quá"** khác với **"tâm quý"**. Tâm quý là người phạm lỗi, biết xấu hổ, hối hận, thành tâm sám hối và tự hứa sẽ không tái phạm. Còn **"hối quá"** là hối hận, hối tiếc những việc làm có khi tốt có khi xấu. Thí dụ như thời gian qua thích cái này, thích cái kia, mà không lấy, không mua, bây giờ muốn lấy muốn mua cũng không còn cơ hội, nên cứ tiếc nuối hoài.

**5) Triển cái thứ năm là Nghi ngờ:** Trạng thái Nghi ngờ là trạng thái tâm hoang mang, do dự, không quả quyết. Nghi ngờ pháp môn mình tu tập không đưa đến giải thoát giác ngộ. Hoặc là nghi ngờ chính bản thân mình không có khả năng tu tập pháp môn đang hành trì. Khi có bất cứ những loại nghi ngờ nào xuất hiện, hành giả cần phải tìm cách giải tỏa để tâm không còn hoang mang cản trở con đường tu tập của mình.

## V. QUAN SÁT hay NHẬN DIỆN "NĂM TRIỀN CÁI"

Năm triền cái là những pháp bất thiện vì nó cản trở việc tu tập của hành giả. Nó trôi buộc, che lấp khiến cho tâm hành giả mù mờ không sáng suốt, tâm luôn dao động, không thể vào định được. Muốn đạt được định hành giả phải tập trung tâm vào một đối tượng để phát huy các triền chi: **"tâm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm"** nhằm đoạn trừ năm triền cái: **"tham, sân, hôn trầm-thụy miên, trạo cử-hối quá, nghi ngờ"**. Nhưng đó là pháp tu thiền định. Còn thiền quán (Vipassana) trong kinh Tứ Niệm Xứ dạy rằng: Khi một trong năm triền cái sanh khởi thì hành giả chỉ ghi nhận, quan sát một cách đầy đủ tiến trình sanh, trụ, đoạn diệt của triền cái đó, mà không có sự tham dự của ý căn, ý thức hay trí năng, chỉ có cái biết của tâm thiền là tuệ giác tức chánh niệm mà thôi!

Kinh Trung Bộ, phẩm Tứ Niệm Xứ, phần quán Pháp, Đức Phật dạy như sau: **"...Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nội tâm có ái dục, tuệ tri: 'Nội tâm tôi có ái dục,' hay nội tâm không có ái dục, tuệ tri: 'Nội tâm tôi không có ái dục'. Và với ái dục chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với ái dục đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với ái dục đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy."** \* (hết trích)

Đức Phật dạy muốn thoát khỏi sầu não do ái dục gây ra, thì mình phải nhận diện ra nó bằng cách ngồi yên lặng nhìn vào trong tâm mình, xem ngay trong giây phút này, mình có đau khổ, có duyên ái khởi lên hay không? Nghĩa là mình có đang thương nhớ người này, thương nhớ người kia hay không? Mình có ham muốn cái này, ham muốn cái kia hay không? Nếu có thì mình phải nhận ra: **"Đây là tâm ham muốn, đây là tâm ái dục!"**. Ái dục đang sanh khởi. Mình biết là nó đang có mặt ngay lúc này. Hoặc ái dục không sinh khởi, thì lúc đó mình biết rằng: **"Ái dục không có mặt"**, tức là ngay lúc này mình không bị khổ vì ái dục. Nếu thấy không có ái dục, thì **"biết không có ái dục"**. Hoặc ái dục nổi lên, rồi chấm dứt, thì cũng chỉ **"tuệ tri như vậy"**. Hay là ái dục đã đoạn diệt không còn khởi lên ở tương lai, thì cũng **"biết như thế"**.

Đức Đạo Sư dạy chúng ta nhận diện **"ái dục"** biết nó có mặt, hay không có mặt, sự nhận diện biết rõ đó gọi là **"tuệ giác"**. Khi chúng ta nhìn **"ái dục"** bằng **"tuệ giác"**, thì ngay lúc đó tuệ giác đang hiện hữu, chúng ta không bị những suy nghĩ tiêu cực đau buồn về đối tượng làm khổ mình, hoặc sung sướng phần khởi khi niềm vui hạnh phúc khởi lên. Tất cả mọi thứ vui buồn tự nhiên rơi rụng ngay khi tuệ giác có mặt. Và cứ thế, tuệ giác phát sanh mỗi lúc một mạnh hơn.

Đó là cách Đức Đạo Sư dạy chúng ta đoạn trừ được triền cái **"ái dục"** bằng cách quan sát, chánh niệm, chứ không can thiệp dập tắt hình ảnh hay tư tưởng duyên ái đó ra khỏi tâm thức mình. Bởi nếu mình cố ý can thiệp bằng cách dập tắt nó, sẽ chỉ khiến tâm mình có cơ hội nổi sân.

Chúng ta cần nhớ là Tâm mình chỉ làm được một thứ trong một lúc thôi. Khi nó đang là niệm Tham thì không thể có niệm Tuệ. Chính vì thế mà Đức Phật dạy lúc nào chúng ta cũng giữ niệm biết. Đối tượng như thế nào nhận biết như thế đó mà thôi!

**2, 3, 4, 5) Nhận diện các triền cái Sân hận, Hôn trầm, Trạo Cử và Nghi ngờ:** Về cách quán sát các triền cái: Sân hận, Hôn trầm, Trạo cử và Nghi ngờ, kinh Tứ Niệm Xứ dạy cũng giống như cách quán triền cái Ái dục, nghĩa là hành giả chỉ cần chánh niệm liên tục trên các triền cái, từ khi nó sinh khởi cho đến khi nó tự tan biến, để nhận ra tánh **"sinh diệt"** của nó.

Ngoài những giờ tọa thiền. Hành giả cần thực hiện quán thân, tức giữ chánh niệm trên thân. Chánh niệm trong khi đi, trong khi đứng, trong khi ngồi. Bước đầu thực tập chánh niệm, tức luôn có cái thấy biết. Thí dụ: Biết đôi tay mình cử động. Biết đôi chân mình đi. Nghe giọng nói hay nghe hơi thở của mình thì đó là chánh niệm. Mỗi lần chánh niệm là mỗi lần tuệ giác xuất hiện. Chỉ có chánh niệm mới làm cho sự tỉnh giác phát sinh, và nó mới có thể đối trị lại năm triền cái.

Sau cùng Đức Phật đi đến kết luận: **"Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay**



sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. **"Có những pháp ở đây"**, vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Đây các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái." (hết trích).

Những vị Tỷ-kheo nào quán năm triền cái như lời dạy của Đức Thế Tôn trong kinh Tứ Niệm Xứ, nghĩa là khi các bất thiện pháp đó có mặt, vị ấy an trú chánh niệm trên các pháp đó. Nhờ vậy mà tuệ giác (chánh niệm) ngày một phát triển mạnh mẽ hơn. Tuệ giác nhận diện bản chất sanh diệt của các pháp, nên vị ấy không còn nương tựa hay chấp trước một vật gì trên đời. Tại đây, Đức Phật xác định vị ấy sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái.

## VI. KẾT LUẬN

"Năm triền cái" bị xem là năm pháp bất thiện, nó là những tập khí tùy miên nằm sâu trong tiềm thức. Khi đủ duyên nó trỗi lên tri kéo, che đậy tâm thức khiến con người chịu nhiều phiền não, đã thế nó còn là nguyên nhân đưa đẩy con người tạo nghiệp. Rồi chính cái nghiệp này lôi kéo mình đi vào vòng luân hồi sinh tử. Cho nên, năm triền cái này dù ở dạng vi tế phát sinh nơi tâm, hay ở dạng thô, giận dữ thông qua nét mặt, lời nói, hành động... thì cũng cần phải được nhận diện rõ và xử lý theo lời Phật dạy bằng cách áp dụng phương thức **"Nhiệt tâm-Tĩnh giác-Chánh niệm"** trên triền cái xuất hiện. Đó là **"Quán Pháp"**, là tu theo thiền Tuệ còn gọi là thiền Minh Sát (Vipassana).

Tu thiền Minh Sát là phát huy tuệ giác trong từ sát-na thời gian. Khi có một pháp thiện hay bất thiện xuất hiện trên thân tâm, chẳng hạn như một trong năm triền cái sanh khởi, hành giả an trú chánh niệm ngay trên triền cái đó. Khi triền cái biến mất, hành giả cũng nhận diện tâm đang không có triền cái. Nhờ an trú trong chánh niệm mà hành giả nhận diện tiến trình khởi sinh, tồn tại và biến mất của đối tượng. Từ đó, hành giả nhận ra đặc tính của các pháp là: **"vô thường, khổ, vô ngã."** Tu tập thuần thực, hành giả tiếp tục nhận ra đặc tính "sanh-diệt" của hiện tượng thế gian.

Lưu ý: Chúng ta biết rằng trong tâm con người chỉ xuất hiện một niệm, nên khi niệm tuệ có mặt, thì ngay khi đó từng niệm tham, sân, hôn trầm, trạo cử, nghi ngờ tự động rơi rụng. Đó là cách tu tập đoạn trừ năm triền cái, Đức Phật dạy trong bài kinh Tứ Niệm Xứ.

Trước khi tạm ngưng đề tài **"Quán Năm Triền Cái"**, người viết nguyện chúc các hành giả hữu duyên sớm thành tựu pháp tu theo lời Phật dạy.

(Sinh hoạt ngày 04/5/25 với đạo tràng TTK.  
Houston, Texas)



Bài xướng:

## BẠN GHÉ THĂM

*Nắng ấm mây lành đón bước ai  
Gửi trao chân thật ý đơm cài  
Nhà tranh một góc tình không cạn  
Cửa rộng bốn mùa nghĩa chẳng phai*

*Uống bát trà xanh ôn kỷ niệm  
Lưu hương đạo vị suốt canh dài  
Nâng ly quên hết đời đen bạc  
Gió cuốn ưu phiền nhẹ lướt bay.*

## TUỆ UYÊN

Bài Họa:

## CHUYỂN NGHIỆP

*Trì kinh niệm Phật chuyển trần ai  
Bẻ khóa vô minh tháo đại cài  
Ý hướng làm lành ưu não cạn  
Tâm mong lánh dữ khổ sầu phai*

*Thong dong tác dạ lòng an trải  
Lặng lẽ vườn thiền trúc biếc lay  
Quảng gánh lo âu xa nghĩa bạc  
Oán cừ lũy kiếp nhẹ nhàng bay..!*

**TRÚC NGUYỄN –  
THÍCH CHÚC HIỀN**  
(cảm họa)



# LY NGÔN TỊCH TỊNH

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT  
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Kính thưa Anh Chị Em Lam Viên thương mến,  
Hôm nay Nhóm Áo Lam (NAL) xin kể câu chuyện của một vị Trưởng lão đặc quả vị A Na Hàm rồi mà không nói cho các đệ tử của mình biết.

Thưa Anh Chị Em,

Thời Đức Phật còn tại thế, có một vị trưởng lão tu tập rất tinh tấn, đã chứng được quả vị thứ 3 trong hàng Thanh Văn là quả vị A Na Hàm, nhưng trưởng lão không tiết lộ quả vị mình đã chứng. Khi các đệ tử của ông hỏi ông đã chứng được quả vị nào chưa, ông nghĩ rằng: Mình hãy cố gắng thêm nữa để đạt quả vị A La Hán rồi hãy cho các đệ tử biết cũng không muộn.

Nhưng chẳng bao lâu, vị Trưởng lão qua đời mà chưa đắc được quả vị A La Hán. Các đệ tử của ông vì thương tưởng vị thầy kính yêu nên đến hỏi đức Thế tôn, chẳng biết thầy của mình được tái sinh vào cảnh giới nào. Đức Phật bảo: "Này các tỷ kheo! Thầy của các vị đã chứng được quả vị thứ 3 là A Na Hàm trước khi rời bỏ thân xác, nay được tái sinh vào cõi Trời Phạm Thiên. Vì đã từ bỏ được mọi ham muốn về các thú vui vật chất và nỗ lực tinh cần, vị trưởng lão ấy sẽ chứng đắc quả vị A La Hán sau này." Rồi ngài nói lên bài kệ sau đây, nhờ đó, một số tỷ kheo chứng được quả vị A La Hán:

*"Khát cầu pháp ly ngôn,  
sung mãn tâm cứu xét,  
không đắm mê dục lạc,  
ấy là bậc thương lưu."*  
(Kinh Pháp Cú, kệ 218)

Thi sĩ Phạm Thiên thư đã thi hóa bài kệ này:

*"Người ly ngôn, tự tuyệt  
chẳng mê đắm tham cầu  
như mây vàng đầu núi  
như hoa nở nhiệm màu."*

Thưa Anh Chị Em Lam Viên thương mến,  
A Na Hàm là quả vị thứ 3, sau quả vị A La Hán để bước lên hàng Thánh. Chứng được quả vị này hành giả đã phải tự thắng biết bao cơn giông bão trong tâm... Nếu là phàm phu thì đã muốn khoe ra cho mọi người biết mình "giỏi" như thế nào nhưng với bậc đã chứng quả, họ giữ im lặng, không tiết lộ với ai, dù là với những người đệ tử yêu quý. Đó là một đức tính cao quý của bậc tu

hành, không khoe khoang quả vị mình đã chứng được. Đối với chư vị, đó chỉ là một kết quả tự nhiên của sự tu tập tinh cần, cũng ví như một đám mây đẹp hiện ra ở đầu núi, một đoá hoa nở ra trong đất trời yên tĩnh, màu nhiệm không cần phải có ai biết, ai hay!

Như đức Thế tôn của chúng ta, đã chiến thắng mình suốt đêm trường... với hàng vạn ma quân của đội ngũ Tam độc THAM SÂN SI để khi Sao Mai vừa mọc Ngài đã đạt thành Phật quả!!

Thương kính chúc ACE Lam viên một mùa Phật Đản an lạc, thanh tịnh, giải thoát và tràn hương Từ Bi.

Trân trọng,  
**Nhóm Áo Lam**

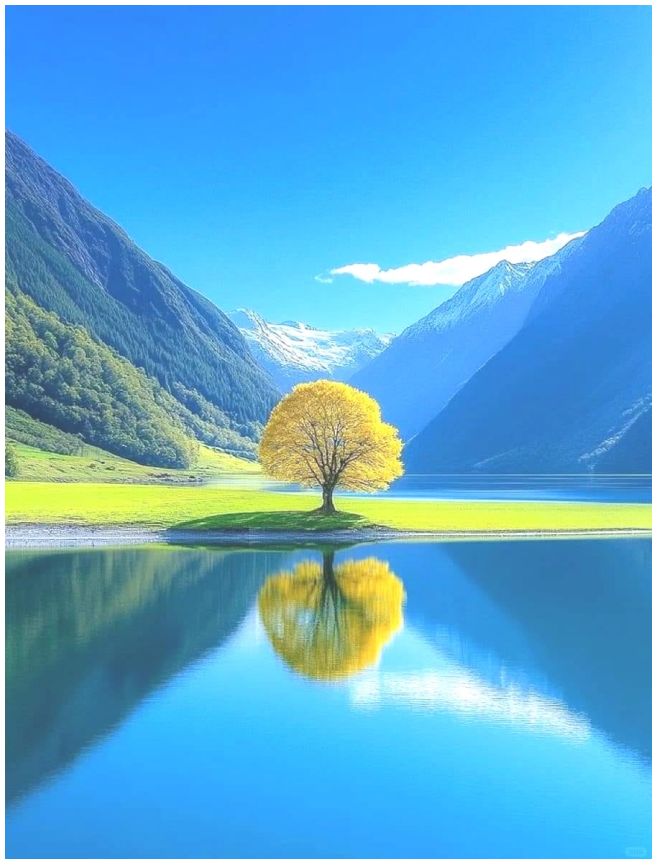


Photo: Zahidul Islam Milton





TÀNG NI VIỆT NAM HẢI NGOẠI  
TRUNG TÂM VĂN HÓA PHẬT GIÁO  
**CHÙA BẢO QUANG**

713 N. Newhope St, Santa Ana, CA 92704  
Phone: (808) 222-0909 | (714) 206-6169



## THƯ CUNG THỈNH VÀ THƯ MỜI LẦN 2

V/v Đại Lễ Hiệp Kỳ Tổ Sư - Ngày Về Nguồn Kỳ Lân Thứ 14  
Mừng Chu Niên 35 Năm (1990-2025) Chùa Bảo Quang  
(Từ Ngày 26 đến 28 Tháng 9 Năm 2025)

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.  
Nam Mô Tây Thiên Đông Độ Việt Nam Lịch Đại Tổ Sư Bồ Tát Ma Ha Tát.

Kính bạch chư Tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, chư Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni,  
Kính thưa quý Đồng Hương Phật Tử,

Để tưởng nhớ công đức cao vời của chư lịch Đại Tổ Sư đã dày công khai sơn phá thạch, kiến tạo già lam, hoàng truyền mạng mạch Phật pháp làm cho giáo pháp vàng ngọc quý báu của Đức Thế Tôn mãi được luân lưu, cứu trụ trong thế gian, mang lại niềm hỷ lạc, xoa dịu phần nào nỗi thống khổ trong kiếp nhân sinh; để cho bản thể tăng già mãi mãi hoà hợp thanh tịnh, tỏa sáng trong tình Linh Sơn cốt nhục bất hoại, làm chỗ nương tựa vững chắc cho bốn chúng đệ tử Phật trên con đường tìm về chân phúc và bất tử và theo như tinh thần nội dung Thư Cung Thỉnh và Thư Mời Lần Thứ 1 mà chúng con/ chúng tôi đã thưa gửi vào trung tuần tháng 12 năm 2024 vừa qua; để cho những ngày Đại Lễ được diễn ra trang nghiêm, thanh tịnh và long trọng, ấm tình đạo vị, nay chúng con/ chúng tôi một lần nữa nhất tâm kiến thỉnh chư Tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, chư Tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni từ bi hoan hỷ chấp tích quang lâm chứng minh, thuyết giảng và tham dự **Đại Lễ Hiệp Kỳ Tổ Sư - Ngày Về Nguồn Kỳ Lân Thứ 14, Mừng Chu Niên 35 Năm (1990-2025) Chùa Bảo Quang và tại:**

- Địa điểm: **Chùa Bảo Quang: 713 N. Newhope Street, Santa Ana, CA 92704**  
- Thời gian 3 ngày: **Từ thứ sáu, ngày 26 tháng 9 năm 2025 đến Chủ Nhật ngày 28 tháng 9 năm 2025.**  
(Có chương trình riêng)

Đồng thời trân trọng kính mời quý Đồng Hương Phật Tử hoan hỷ dành thời gian quý báu đến tham dự Đại Lễ nói trên.

\*Quý Ngài và quý vị ở các quốc gia khác về tham dự Lễ xin hoan hỷ đặt vé đến sân bay quốc tế Los Angeles. Quý Ngài và quý vị ở các tiểu bang Hoa Kỳ về dự lễ, xin hoan hỷ đặt vé đến sân bay John Wayne ở Santa Ana (John Wayne Airport) và sân bay Long Beach (Long Beach Airport), để BTC tiện đưa đón.

Sự hiện diện quý báu của chư Tôn Đức Tăng, Ni và quý liệt vị là niềm khích lệ lớn lao cho Ban Tổ Chức chúng con/ chúng tôi trên bước đường hoàng dương Chánh pháp.  
Kính nguyện Phật thường gia hộ cho quý Ngài pháp thể thường an, Phật sự viên thành. Kính chúc quý Đồng Hương Phật Tử và Bửu quyến thân tâm thường an lạc, vạn sự cát tường, luôn sống an lành trong ánh hào quang của chư Phật.

Nam Mô Thường Hoan Hỷ Bồ Tát Ma Ha Tát

TM. Ban Tổ Chức.  
Trưởng Ban,

Ty Kheo Thích Thông Hải  
Viện Chủ Chùa Bảo Quang



# CÁCH NGÔN VỀ GIÁO DỤC

PHÁP HOAN tuyển dịch

"Giáo dục là chìa khoá để mở tung cánh cửa vàng của tự do."

*"Education is the key to unlock the golden door of freedom."*

– **George Washington Carver**

"Vẻ đẹp của giáo dục là không ai có thể tước đoạt nó từ anh."

*"The beautiful thing about learning is that no one can take it away from you."*

– **B.B. King**

"Gốc rễ của giáo dục có vị đắng, nhưng hoa trái của nó lại ngọt ngào."

*"The roots of education are bitter, but the fruit is sweet."*

– **Aristotle**

"Giáo dục là nền móng để chúng ta xây dựng tương lai của mình trên đó."

*"Education is the foundation upon which we build our future."*

– **Christine Gregoire**

"Giáo dục là sự chuyển dịch từ bóng tối ra ánh sáng."

*"Education is the movement from darkness to light."*

– **Allan Bloom**

"Giáo dục không phải là làm đầy cái xô, giáo dục là thắp lên ngọn lửa."

*"Education is not the filling of a pail but the lighting of a fire."*

– **Unknown**

"Giáo dục đích thực là kiến trúc của tâm hồn."

*"All real education is the architecture of the soul."*

– **William Bennett**

"Giáo dục là vũ khí mạnh nhất mà anh có thể sử dụng để thay đổi thế giới"

*"Education is the most powerful weapon which you can use to change the world."*

– **Nelson Mandela**

"Mục đích của giáo dục là thay thế một cái đầu trống không bằng một cái đầu cởi mở."

*"Education's purpose is to replace an empty mind with an open one."*

– **Malcolm Forbes**

"Giáo dục là vắc-xin chống lại bạo lực."

*"Education is the vaccine of violence."*

– **Edward James Olmos**

"Thành quả cao nhất của giáo dục là lòng bao dung."

*"The highest result of education is tolerance."*

– **Hellen Keller**

"Mục đích của giáo dục là biến những tấm gương thành cửa sổ."

*"The purpose of education is to turn mirrors into windows."*

– **Sydney J. Harris**

"Giáo dục là tấm giấy thông hành đến tương lai, và ngày mai thuộc về những ai hôm nay trang bị tốt."

*"Education is the passport to the future, for tomorrow belongs to those who prepare for it today."*

– **Malcolm X**

"Sống như thể anh sẽ chết ngày mai, học như thể anh muôn đời tồn tại."

*"Live as if you were to die tomorrow. Learn as if you were to live forever."*

– **Mahatma Gandhi**

\* Đặt thỉnh 4 ấn phẩm:

1) 100 bài Waka-Haiku-Kanshi (nhiều tác giả)

2) 100 bài Haiku của Matsuo Basho

3) Trời Cao Gió Lộng (100 bài Waka Haiku Kanshi của thiền sư Ryokan Taigu)

4) Tám Vạn Bốn Nghìn Cây (100 bài Haiku của Pháp Hoan)

cùng 2 tập thơ qua comment, messenger hoặc qua email: conglapmai@gmail.com





## LÃO SƯ BỊ HÀNH HẠ

Thuở xưa có một lão sư  
Và hai đệ tử sớm trưa theo hầu,  
Chân ngài già cả nên đau  
Đuỗi thời khổ sở, đi sao nhọc nhằn  
Phải chống nạng rất khó khăn  
Nên nhờ đệ tử bóp chân cho ngài  
Mỗi người bóp một bên thôi  
Hai chân phải, trái hai người chia nhau.  
Hai chàng đệ tử từ lâu  
Mãi luôn kinh chống, có đâu thuận hòa  
Dù cho cùng ở chung nhà  
Coi như nghiệp báo oan gia lâu đời.  
Đợi ngày một kẻ đi chơi  
Kẻ kia ở lại tức thời ra tay  
Đập chân bên đó gãy ngay  
Cái chân mà bạn thường ngày bóp xoa.  
Ban chàng khi trở về nhà  
Thấy thời giận giữ bùng ra thét gầm  
Trả thù cho hả cơn sân  
Đập chân còn lại chẳng cần xót xa  
Cái chân mà kẻ ở nhà  
Thường hay xoa bóp. Thế là hoà nhau.  
Riêng ông thầy chịu đòn đau  
Hai chân bị đập gãy mau hết rồi.

\*

*Truyện này thí dụ ở đời  
Cùng tu học Phật lắm người ganh đua  
Đại thừa bài xích Tiểu thừa,  
Tiểu thừa lại chẳng thích ưa Đại thừa  
Kinh qua, chống lại dây dưa  
Cùng nhau tranh chấp kể như tự mình  
Đều là Phật tử thuần thành  
Lại đem giáo pháp vô tình hủy tiêu.*

thơ

**TÂM MINH  
NGÔ TĂNG GIAO**

(Thi hóa phỏng theo Kinh Bách Dụ)

## The Master's Aching Legs

Once a master told two of his disciples to take care of his aching legs. Each one had to massage continuously each of his two legs. The two disciples bear strong dislike of each other. When one left for a break, the other broke with a stone the leg that the first one had massaged out of spite.

The first one, angry at his doings, broke the other leg that the second one had massaged.

So are the Buddhist disciples. The scholars of Mahayana criticize the Hinayana, and vice-versa. Therefore, these two schools' scriptures of the Great Saint, run the risk to be both vanishing.

(Excerpted from "SAKYAMUNI'S ONE HUNDRED FABLES", translated by Tetcheng Liao)



# NĂM MƯƠI NĂM, MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

*Tiểu Lục Thần Phong*

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN



*Đoàn xe hoa rước Phật*

Phật giáo cũng như vận mệnh của người dân, luôn thăng trầm theo thời cuộc. Năm mươi năm trước quốc độ trải qua cuộc bể dâu tang thương, rồi kế tiếp là những ngày tháng khắc nghiệt điều linh đã khiến hàng triệu người phải ly hương. Người ra đi có thể là di tản, vượt biên, vượt biển... Lao vào cõi chết để tìm đường sống. Người ra đi mang theo cái thân thể gầy gò ốm yếu, cái tâm hồn tan nát tã tơi. Người ra đi với hai bàn tay trắng, bỏ lại tất cả sau lưng. Sau khi đến được vùng đất mới, gầy dựng lại từ đầu. Một trong những việc ấy là xây dựng những ngôi chùa Việt trên đất mới, ngoài việc học hành mưu sinh, việc hoằng pháp, thực hành Phật pháp lại thiết tha. Việc xây chùa không phải là một chuyện dễ, nó không chỉ về kinh tế mà còn những vấn đề pháp lý, văn hóa và thái độ của cư dân bản xứ... Phải nói là trăm khó ngàn khăn, tuy nhiên với lòng mộ đạo cao, với tín tâm Tam Bảo sâu, với sự quyết tâm không ngại khó... từ đó những ngôi chùa dần dần mọc lên trên khắp xứ sở Cờ Hoa nói riêng và toàn thế giới nói chung.

Năm mươi năm đã trôi qua, giờ đây Phật giáo Việt đã có chỗ đứng vững vàng, có cơ sở khang trang, có tư cách pháp nhân... Có những đạo tràng độ được cả người bản xứ. Cụ thể như những đạo tràng thuộc Làng Mai, chùa Việt Nam (Texas)... Phật giáo Việt Nam hải ngoại may mắn có được những bậc cao tăng thạc đức, tinh thông nội điển lẫn ngoại điển, có thể kể như: Ngài Thích Thiên Ân, ngài Thích Trí Chơn, ngài Thích Nhất Hạnh, ngài Thích Như Điển, ngài Thích Nguyên Tạng... Những lớp tu sĩ trẻ cũng đầy năng lực như sư cô Thích Nữ Hạnh Từ...

Năm nay GHPGVNTN hải ngoại tổ chức lễ kỷ niệm ngày đức Phật đản sanh tại công viên JFK Hocky Fields. Đây là một địa điểm tuyệt vời nằm

bên bờ hồ Tidal Basin, chung quanh là cả một quần thể di tích lịch sử như: Đài tưởng niệm Washington (Washington Monument), đài tưởng niệm Abraham Lincoln (Abraham Lincoln Memorials), đài tưởng niệm chiến tranh Việt Nam, đài tưởng niệm chiến tranh Triều Tiên, đài tưởng niệm chiến tranh Đệ nhị Thế chiến... Để xin được giấy phép để tổ chức lễ Phật đản chung của cộng đồng Việt Nam hải ngoại ở đây là cả một quá trình cam go. Ban tổ chức liên tục xin phép, giải trình với chính quyền sở tại để thuyết phục họ. Phải nói là các sư và các thiện nguyện viên thật xuất sắc. Ngoài việc xin giấy phép ra, ban tổ chức phải chuẩn bị cả một núi công việc từ vận động tài chánh, tổ chức đưa đón, xe cộ, ăn ở cho cả ngàn con người, phải liên lạc thuê mượn cảnh sát giữ an ninh, nhân viên y tế... Ban tổ chức và toàn thể tình nguyện viên đã làm một cách năng nổ, nhiệt tình và chu đáo.



*HT Thích Nguyên Siêu – Chủ tịch Hội đồng Điều hành GHPGVNTNHK, HT Thích Tín Nghĩa – Tăng trưởng Hội đồng Giáo phẩm GHPGVNTNHK, HT Thích Như Điển – Chánh Thư ký Hội đồng Hoằng Pháp trong đoàn rước Phật*

Lễ Phật đản năm nay là một sự kiện lớn của Phật giáo Việt Nam hải ngoại, đánh dấu một chặng đường năm mươi năm qua. Lễ Phật đản năm nay tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn của nước Mỹ là một cuộc "ra mắt" lớn với công chúng Mỹ. Rất nhiều người Mỹ và khách du lịch đã tò mò ghé lại xem buổi lễ.

Lễ Phật đản đánh dấu năm mươi năm có sự tham gia của quý Hòa thượng khắp các châu lục. Hòa thượng Thích Như Điển và pháp lữ từ Đức quốc – châu Âu. Thượng tọa Thích Nguyên Tạng và pháp lữ từ Úc châu đến. Quý Hòa thượng, Đại đức tăng ni và đồng hương Phật tử từ khắp các



tiểu bang tụ hội về. Có thể điểm sơ qua: California, Michigan, Nevada, Florida, Georgia, North Carolina, South Carolina, Tennessee, Pennsylvania... Có thể nói là buổi lễ Phật đản năm nay lớn nhất, đông đảo nhất từ trước tới nay. Quý thầy, quý sư cô, toàn thể đồng hương Phật tử thấy đều hoan hỷ vô cùng. Ngoài những nghi lễ thường thấy, ở lễ Phật đản năm nay còn có chương trình cầu nguyện cho Việt Nam tại đài tưởng niệm chiến tranh Việt Nam. Chùa Giác Sơn và ban tổ chức đã tổ chức đoàn xe hoa rước Phật biểu diễn quanh khu vực trung tâm, khu vực quyền lực nhất nước Mỹ đó là khu vực quanh những con đường bọc lấy Bạch Cung, Đài tưởng niệm Washington (người Việt ta quen gọi là tháp bút chì), chạy quanh Nation Mall... Lời kinh tiếng kệ, chuông trống bát nhã vang lên giữa đất trời Hoa Thịnh Đốn. Giáo pháp của Thế Tôn được hoằng truyền ngay tại vùng đất thần kinh của Mỹ, trái tim của nước Mỹ. Những người con Phật không khỏi xúc động trong khoảnh khắc này và ngay tại đây. Những bộ cà sa sáng lên trong cảnh quan xanh tươi của công viên. Những tà áo dài tha thướt của hàng Phật tử Việt Nam làm ngỡ ngàng ánh mắt của cư dân địa phương và khách du lịch. Những lá cờ Phật giáo tung bay phần phật trong nắng gió thủ đô như hòa điệu với những lá cờ Hoa Kỳ vốn có khắp mọi nơi ở khu vực National Mall này.



*Rước Phật trước đài tưởng niệm Abraham Lincoln*

Năm mươi năm, lần đầu tiên cả một rừng cờ năm màu của Phật giáo bay phất phới suốt mấy ngày qua ở Hoa Thịnh Đốn. Nếu sự kiện đức Phật đản sanh ở Lâm Tỳ Ni là một sự kiện vô tiền khoáng hậu ở thế gian, thì sự kiện lễ Phật đản ở Hoa Thịnh Đốn là một cột mốc, một nét son trên dòng Phật sử của người Việt hải ngoại. Đây cũng là một sự kiện mới lạ đối với cư dân địa phương. Buổi sáng Chủ Nhật, ngày rước Phật và đi nhiều Phật quanh hồ trước đài tưởng niệm tổng thống Abraham Lincoln là một sự kiện nức lòng người. Hàng ngàn chư tôn đức, tăng ni và đồng bào, đồng hương Phật tử bước đi những bước chân an lạc. Tiếng rì rào xưng niệm danh hiệu đức Thế

Tôn lan tỏa vào không gian mênh mông bao la. Có lẽ từ ngày khánh thành tượng đài tưởng niệm cho đến hôm nay mới có một sự kiện đặc biệt này. Đạo Phật nói chung, Phật giáo nói riêng đã đem lại một không khí mới cho văn hóa của người bản địa.

Lễ Phật đản hay còn gọi là lễ Tam Hợp (Vesak) nhân năm mươi năm Phật giáo Việt Nam hình thành và phát triển ở hải ngoại, đã làm phong phú thêm văn hóa của xứ sở Cờ Hoa. Người Mỹ biết đến Phật giáo như một tôn giáo hòa bình. Tất nhiên những yếu tố lễ nghi, phẩm phục, ngôn ngữ có lạ mắt với họ. Họ có thể xem đó như là một yếu tố văn hóa huyền bí của phương Đông. Nước Mỹ, cụ thể là thành phố Nữ Ước đã lấy tên thiền sư Thích Nhất Hạnh để đặt tên đường. Đây là một sự vinh danh và công nhận công lao cũng như sức ảnh hưởng của ngài. Nữ Ước có đường Thích Nhất Hạnh là một sự vinh dự to lớn của Phật giáo nói riêng, toàn thể người Việt Nam nói chung.

Năm mươi năm là một quãng đường dài, là thời gian đủ tròn hai thế hệ. Quý Hòa thượng, tăng ni và quý đồng hương Phật tử đã bỏ ra biết bao công sức để có được ngày hôm nay. Năm mươi năm để có được một ngày long trọng và vinh dự như thế này. Không biết rồi năm mươi năm tới sẽ ra sao khi mà thời cuộc thay đổi một cách nhanh chóng và đầy bất ngờ. Mặt khác khoa học công nghệ, kỹ thuật, điện toán, trí thông minh nhân tạo phát triển cao độ đã làm thay đổi sâu sắc thói quen, hành vi của con người. Đạo Phật và Phật tử cũng không thể nằm ngoài quy luật vô thường, ắt sẽ có nhiều chuyển biến khác trong tương lai. Cũng như thế, năm mươi năm trước chẳng có ai biết được Phật giáo Việt Nam có một luồng chảy mạnh mẽ bên ngoài quốc gia, Phật giáo Việt Nam có một cơ đồ sự nghiệp hết sức đáng tự hào như thế này. Phật giáo Việt Nam hải ngoại nhờ sự lèo lái kiên trì bất khuất của các vị long tượng sư vương của GHPGVNTN nên mới có được ngày hôm nay.

Suốt chiều dài lịch sử của tộc Việt, của quốc gia. Phật giáo cũng trải qua nhiều thăng trầm thử thách, ngay cả những lúc khốc liệt nhất cũng không thể chia cách dân tộc với đạo pháp được. Dân tộc và đạo pháp luôn song hành với nhau. GHPGVNTN giữ đúng tôn chỉ này, hành hoạt trong lòng dân tộc, hòa vào lòng dân tộc. Năm mươi năm của Phật giáo Việt Nam hải ngoại cũng chính là năm mươi năm bền bỉ đi cùng năm tháng của GHPGVNTN.

**Tiểu Lục Thần Phong**  
Washington DC. 0425

# Noi theo chí khí người xưa

## THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

*Một lòng tưởng niệm Thánh Tổ Ni  
Kiều Đàm Di mẫu rạng ngời danh  
Hậu học hôm nay dâng tâm hướng  
Xin nguyện tu hành trọn kiếp Ni.*



Bên ngoài trời đang se lạnh, cái lạnh của những ngày đang xuân, trời mưa không ngớt, gió thổi không ngừng, bao nhiêu con tim đang cùng nhịp thở, cùng chung một lòng hướng về ngày Đại Lễ Tưởng Niệm Đức Thánh Tổ Ni Kiều Đàm Di vào ngày 08, 09 tháng 3 năm 2025 tại Huyền Không Monastery tọa lạc miền bắc California, nơi có thung lũng hoa vàng núi rừng trùng trùng điệp điệp, có Tu Viện Huyền Không đơn sơ với những tấm bạt che nắng đỡ mưa, có hơn 20 vị Ni đang ngày đêm công phu tu tập. Từ những những ngày qua Ni chúng và Phật tử ngày đêm làm việc không ngừng nghỉ, chuẩn bị thật chu tất cho một đại lễ, mong ước của Ni Sư trụ trì là làm sống lại hình ảnh hơn hai ngàn năm trăm của Thánh Tổ Ni tại mảnh đất thánh địa Ấn Độ.

Sáng thứ Sáu ngày 7 tháng 3 năm 2025 phái đoàn ni giới 49 người từ chùa Khánh Hỷ thành phố Garden Grove lên xe bus để lên chùa Đức Viên theo lời mời của Ni sư trụ trì chùa Đức Viên, dự lễ tưởng niệm 26 năm ngày sư bà tọa chủ khai sơn viên tịch, và cũng đáp lại lời thỉnh mời của Ni sư trưởng ban tổ chức Đại Lễ Tưởng Niệm Thánh Tổ Kiều Đàm Di lần thứ 4.

Chuyến đi từ miền nam cali lên tới miền bắc Cali khoảng hơn sáu giờ xe chạy. Buổi tối lễ tưởng niệm Sư bà tọa chủ vô cùng trang nghiêm, thanh tịnh và âm cúng. Các vị đệ tử của Sư bà đã tiếp nối ngọn đuốc thật rạng ngời, nghe lại

công hạnh người xưa mà thấy hổ thẹn cho sư tu tập chênh mảng của chính mình. Sư bà đã lược từng ve chai, từng tờ báo gom lại bán lấy tiền làm chùa xây dựng một nền móng vững chắc cho chư ni. Hạnh nguyện đó ngày nay hàng đệ tử vẫn tiếp bước. Chung quanh chánh điện im lặng chỉ có tiếng niệm A Di Đà Phật hòa theo tiếng gió nhẹ thổi, chẳng khác nào cảnh giới tây phương cực lạc. Từng bước chân nhẹ nhàng của các sư cô đi trong tình giác chánh niệm, nụ cười luôn hoan hỷ trên môi. Có nhìn thấy những hình ảnh đó mới biết được sức tu tập của Sư bà nghiêm mật như thế nào để có tầm ảnh hưởng đến đại chúng quá lớn mặc dù Sư bà đã theo Phật 26 năm rồi.

Mỗi bạn ghé qua thăm tu viện Huyền Không tuy mái nhà đơn sơ nhưng có một sự kiện lớn sắp diễn ra. Mấy hôm rày tiểu bang california mưa gió nhiều trời rất lạnh. Tại tu viện Huyền Không mọi người đang nỗ lực chuẩn bị cho đại lễ, đã ba lần lần bạt đưa lên bị gió thổi tan nát, sụp xuống, rồi lại dựng lên thầy trò vẫn lại làm tiếp... những giọt nước mắt cũng đã nhỏ xuống theo từng giọt mưa, cơn gió nhưng tất cả đều chung một chí hướng làm những gì tốt nhất đẹp nhất để dâng lên cúng dường Đức Thánh Tổ. Trời đất như thấu hiểu được tâm thành của những người con của Ngài, nên rồi trời quang mây tạnh công việc lại tiếp tục, không kể ngày đêm trời đang lạnh giá, sương rơi ướt áo, gió phủ đôi vai gây mọi người lại thức suốt canh thâu giữa cái lạnh giá rét. Thương quá sáu ni sư, sư cô và sáu Phật tử từ Việt Nam tổng cộng mười hai người, chưa từng hưởng được cái lạnh giá buốt mà giờ cả tháng phải sống chung, nhưng tất cả đều tươi cười hoan hỷ vì đã làm nên một việc cao cả đáng trân trọng.





Sáng thứ Bảy ngày 08 tháng 03 năm 2025 đại chúng được mời đến Tu Viện, trước cổng Tu Viện Huyện Không, rặng ngời với dòng chữ THÀNH KÍNH CUNG NGHĨN CHƯ TÔN ĐỨC NI QUANG LÂM, chào mừng chư đồng hương phật tử. Trang trọng hơn nữa trên cao cổ thêm ĐAI LỄ TUỞNG NIỆM ĐỨC THÁNH TỔ NI KIỀU ĐÀM DI. Hai bên trang hoàng thật đẹp nhẹ nhàng thanh thoát, những bàn tay của Ni sư trụ trì các đệ tử xuất gia tại gia làm nên một khung cảnh vô cùng ấm áp, rặng ngời, đèn hoa liên đối, tranh ảnh cây cảnh tươi mát. Chánh điện trang hoàng sáng ngời. Xa xa là Hương thất của Đức Phật, có cây bồ đề xanh mát, nhà làm bằng mái tranh, tre nứa, khung cảnh thắm lặng nhưng toát lên một sự huyền diệu làm rung động trái tim, y như mình đang thấy được tôn dung của Đức Phật đang hiện diện trong đó vậy. Hội trường có tượng Thánh Tổ đang nhìn xuống với ánh mắt từ bi, khuyến tấn đàn con gái của Ngài ngày một tinh tấn hơn trên con đường làm phật sự giữa chốn hồng trần đầy gian khổ thử thách này. Mọi sự thiết kế đều hoàn chỉnh dưới sự chủ đạo của thầy Nhật Thiện, thầy Pháp Trí và Ni sư Thuần Chơn trụ trì chùa Đức Nguyên tại Sài Gòn, cũng là em ruột của Ni sư trụ trì tu viện Huyện Không

Chiều ngày 08 tháng 03 hơn năm trăm người nữ trong hoàng tộc Thích Ca được tái hiện lại cảnh cầu xin Đức Phật cho xuất gia, đoàn người mình vẫn vài thô, tay cầm bình bát, chân trần dính đất, máu đã rỉ xuống từng ngón chân, thân thể ốm gầy nhưng tâm vẫn kiên định quyết một lòng "Vết khói lam chiều". Đoàn người nữ đi vào Hương thất của Đức Phật quỳ gối đầu đập sát đất, ba lần ngài A Nan đi ra lại vào thưa thỉnh lời khẩn cầu của Di Mẫu, tiếng khóc nức lên của mọi người, như vừa được nhìn thấy thân hình bằng xương bằng thịt của Đức Thế Tôn năm nào, mọi phiền não mọi lo toan đều được buông xuống trong giờ phút tái hiện cảnh cầu xin xuất gia này, thật là mẫu nhiệm.

Hoạt cảnh "VẾT KHÓI LAM CHIỀU" nghe như là một tiết mục văn nghệ bình thường, nhưng đó là tâm tư hoài bão mà Ni sư trụ trì tu viện Huyện Không đã suy tư đã bỏ ra nhiều tâm huyết công sức, dàn dựng họa cảnh để làm khơi lại lịch sử hơn hai ngàn năm gần như bị lãng quên theo thời gian. Ý nghĩa "Vết khói lam chiều" là những người nữ từ giai cấp cao quý, quý phái lần đầu tiên họ đã bước qua mọi thành kiến của gia đình, xã hội, giới tính thời cổ đại Ấn Độ mà ung dung mạnh mẽ thoát ra khỏi kiếp nữ nhi thường tình làm chần động tâm thức nhiều con người thời bấy giờ. Làm cho người nữ thấy được giá trị đích thực của mình không còn bị gò bó trong đời sống nhỏ hẹp gia đình bốn phận làm vợ làm mẹ làm dâu, chỉ quanh quẩn trong xo bếp, sinh con giữ cháu, nối dõi tông đường cho gia đình nhà chồng... mà khẳng định vị trí mình cũng có khả năng làm được tất cả những việc nam giới làm, người nam tu tập chứng quả thì người nữ cũng có khả năng đạt đến thánh quả. Tuy chỉ là một hoạt cảnh tái hiện lại cảnh xưa nhưng những dòng nước mắt hạnh phúc thật sự đã rơi xuống, thật sự xúc động



khi những Ni sư, Sư cô, những phật tử nữ đã khoát lên mình tấm vải thô mà hòa mình trong họa cảnh "Vết khói lam chiều".

Tiếng chuông trống bát nhã cử vang trong không trung hòa với tiếng nhạc lễ cung thỉnh chư ni, chuẩn bị cử hành lễ thấp nền tưởng niệm Thánh Tổ Kiều Đàm Di. Từng ngọn nến được thắp lên trong từng đóa sen thanh tịnh, mọi người đều nhất tâm cung kính dâng trọn tim mình lên đức Thánh Tổ chứng minh, những lời khẩn nguyện vang lên trong gió đưa tới tận chốn Thánh Địa xa xôi của hơn hai ngàn năm lịch sử. Buổi lễ thật cảm động mọi thị phi phiền não giờ đây đã dẹp sạch chỉ còn một sự thành kính trọn vẹn. Trời vẫn đang lạnh hơn khi đêm về, sương rơi nhiều hơn, gió cũng mạnh dần, nhưng mọi người vẫn im lặng tay dâng ngọn đèn chánh niệm, đặt ngọn đèn xuống dưới chân Tổ, nghe đâu đây những tiếng nức nẹn ngào, những dòng lệ âm thầm rơi xuống, nhưng rất hạnh phúc.

Sáng ngày 09 tháng 03 năm 2025 có buổi thuyết trình với chủ đề Thập Đại Đệ Tử Phật, nói lên hành trạng của mười vị trưởng lão Ni đã tu chứng thời Đức Phật. Tuy các sư cô có vài người còn non nớt trong đại chúng tu viện Huyện Không với bao nhiêu công việc thường nhật giờ lại đang nhiều phật sự lo cho đại lễ, vẫn dũng mãnh đứng trước ban giám khảo trình bày. Có vị rất hùng hồn trình bày đề tài tâm đắc của mình, có vị run quá phát khóc, nhưng thật đáng khen buổi thuyết trình thành công trong hòa hợp vui tươi. Đây là một chủ đề rất sáng tạo mới mẻ có sức thuyết phục mà Ni Sư trụ trì đã khơi xướng cho hàng đệ tử có dịp đứng trước đại chúng. Giờ phút cử hành đại lễ chính thức với nghi thức lục cúng vô cùng trang nghiêm, từng thức cúng được dâng lên Thánh Tổ với tâm thành kính dâng, tiếng nguyện hương của Ni sư trụ trì tha thiết mong Thánh Tổ quang giáng đạo tràng chứng minh pháp sự. Ni sư Giới Hương cung tuyên tiểu sử Thánh Tổ, Ni sư Tiến Liên thuyết trình đề tài Quả trình dẫn thân của Ni giới trong thời hiện đại; tiếp đến là lời đạo từ của Sư trưởng Đồng Kính trụ trì thiền viện Vô Ưu. Ni trưởng chia sẻ những kinh nghiệm tu tập, hành đạo thật vô



cùng quý báu. Tiếp nối ngọn đuốc rạng ngời của Thánh Tổ, Ni sư Nguyên Thiện cung kính trao lại cho Ni sư Diệu Phước trụ trì chùa Viên Minh đăng cai trong lần tổ chức thứ 5 vào năm 2026.

*Di Mẫu nghìn năm còn lưu dấu  
Hạnh nguyện sánh bằng bậc thượng nhưn  
Một lòng quyết chí hành bồ tát  
Cứu độ nữ nhi thoát khổ nàn.*

Hàng Ni giới chúng con xin dâng đầu đàn lễ Ngai với tất cả chí thành. Ngai đã thay Đức Thế Tôn dẫn dắt hàng Ni giới vượt ra khỏi vòng vây của tử sanh, chúng con đã cất bước theo dấu chân của Tổ Sư Ni, nguyện tu tập tinh cần. Trong bài Kinh Trì Pháp Túc Sanh truyện Di Mẫu nghe Đức Phật thuyết pháp liền chứng quả Tu Đà Hoàn. Với trí tuệ uyên thâm của bậc hiền trí có niềm vui tịch tịnh giải thoát trong chánh pháp của Như Lai, Di mẫu quyết tâm từ bỏ hoàng cung, buông rơi ngũ dục lạc, cần cầu xuất gia. Kiều Đàm Di, bậc mẫu nghi thiên hạ, đã không ngần ngại, không một chút lo sợ đã rũ bỏ mọi quyền quý cao sang, một danh phận tuyệt đỉnh đã vượt hàng ngàn cây số, cùng với năm trăm người nữ dòng họ Thích Ca quyết tìm Phật cầu xin xuất gia tu học. Di Mẫu cùng với 500 người nữ tự tay xuống tóc bằng rừng vượt suối, qua nhiều chông gai hiểm trở, máu rỉ đỏ cả đôi chân, quần áo bụi đất bám đầy, thân hình tiều tụy, vốn là các công nương không quen với thiếu thốn gian khổ, nhưng bây giờ không kể ngày đêm, mang chí nguyện xuất ly đứng trước Tinh xá, khóc lóc thảm thiết cầu cầu Thế Tôn cho phép được xuất gia. Ba lần cầu thỉnh Đức Phật không chấp nhận, Di Mẫu vẫn quyết tâm không nản chí.

Theo sử ghi lại, mùa hạ thứ năm sau ngày thành đạo, Đức Phật đang ngụ tại vườn Ni Câu Luật thành Ca Tỳ La Vệ, Di Mẫu đến xin Đức Phật cho hàng nữ giới xuất gia. Di Mẫu thưa: "Bậc Đức Thế Tôn, sẽ là một hạnh phúc lớn cho nữ giới, nếu Thế tôn chấp nhận cho người nữ từ bỏ gia đình, sống đời sống không gia đình, khép mình vào khuôn khổ giáo pháp của Đức Như Lai". Ba lần cầu thỉnh Đức Phật vẫn từ chối. Sau khi rời Ca Tỳ La Vệ Đức Phật đi đến thành Tỳ Xá

Ly, ngụ tại tinh xá Đại Lâm, Di Mẫu vẫn theo bước chân Phật, quyết cầu cho được xuất gia, mở ra một chân trời mới tự giải thoát cho chính mình và các hàng nữ nhưn. Sau ba lần cầu thỉnh của Ngai A Nan, Đức Phật dạy: "Này A Nan, nếu Di mẫu Mahapajapati Gotami chấp thuận vâng giữ Bát Kinh pháp Di Mẫu sẽ được phép thành lập giáo đoàn Tỳ Kheo Ni". Di Mẫu và 500 người nữ vui mừng đành lễ y giáo phụng hành.

Sau khi lãnh thọ Bát Kinh Pháp với lòng nhiệt tâm, tinh cần, Di Mẫu cầu xin Đức Phật chỉ dạy mục tiêu tối hậu về pháp hành thiền định, chỉ trong thời gian ngắn Di mẫu tinh cần nỗ lực và chứng đắc Thánh quả A La Hán. Tại Tinh xá Kỳ Viên, Đức Phật xác nhận: Di Mẫu Mahapajapati là vị Thánh kinh nghiệm đệ nhất, sống hưởng thọ hạnh phúc, giải thoát, niết bàn. Sau khi xin Đức Phật nhập niết bàn cùng với 500 tỳ kheo ni, giữa hội chúng Đức Phật tuyên bố: Đây là xá lợi của Tỳ Kheo Ni Gotami, một bậc trưởng phu. Những gì bậc trưởng phu làm được, Tỳ Kheo Ni Gotami đều làm được." Trong kinh Pháp Hoa, Đức Thế Tôn thọ ký cho Ngai, trong tương lai thành Phật với danh hiệu Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Phật.

Đức Thánh Tổ Bậc thượng thủ đầu tiên lãnh đạo ni đoàn trong thời Đức Phật đã tiếp độ rất nhiều người nữ sống đời phạm hạnh giải thoát. Bên Tăng có thập đại đệ tử như thần thông, trí tuệ, mật hạnh, đa văn đệ nhất... thì chư ni cũng có thập đại đệ tử ni trì giới, đầu đà, thần thông đệ nhất... Tiếp đến hàng hàng lớp lớp chư tôn thiên đức ni tiền bối đã cùng với đại tăng trải qua bao thăng trầm của lịch sử đất nước, của đạo pháp từ quá khứ đến hiện tại vẫn giữ vững tay chèo đưa con thuyền pháp pháp cập bến đồ bình an và ngày càng phát triển tốt hơn.

Có tận mắt chứng kiến, lại hân hạnh được tham dự vào hàng ngũ của những người cung nữ cùng với Thánh Tổ Ni đi cầu đạo, mới thấm được cái hùng lực của người xưa. Sự ra đi quyết tâm xuất gia của thiếu nữ thời ấy là một cuộc cách mạng kiên định không gì lay chuyển nổi, đã đánh lên một tiếng chuông hùng dũng, thức tỉnh hồn mê để cho nhiều thế hệ chư ni tiến bước theo con đường chánh pháp rạng ngời. Chúng ta hôm nay cách Phật quá xa, mọi tiện nghi vật chất đầy đủ, sự tu tập hơi có phần lảng xao, trong thiền môn cũng bị ảnh hưởng không ít những điều bất an ngoài xã hội cho nên việc hành đạo cũng vô vàn khó khăn. Hơn nữa chúng ta đang ở hải ngoại, Phật giáo đối với người bản xứ còn nhiều mới lạ, bị trở ngại nhiều về ngôn ngữ, phong tục... nên các sinh hoạt đều bị hạn chế. Chư tôn thiên đức đại tăng, chư ni trưởng, những vị cư sĩ trí thức hộ đạo đã hi sinh thân mạng, bỏ ra không biết bao nhiêu tâm trí sức lực tuổi trẻ làm nền móng trước để ngày nay đàn hậu học chúng ta ở hải ngoại được bước lên đó, có đầy đủ giấy tờ về mặt pháp lý nên sự hành đạo cũng có phần thuận duyên hơn trên con đường tiếp nối. Tuy là người nữ nhưng ở một đất nước phát triển họ cũng dần thân làm nên các Phật sự quan trọng, xây dựng các đạo tràng hướng dẫn Phật tử tu



tập, làm từ thiện, mở các khóa tu cho các em thiếu nhi, có lớp Việt ngữ, có vị cũng có bằng cấp học và đang nỗ lực hơn trên con đường học vấn.

Kính lạy Chư Phật, chư tôn pháp, chư hiền thánh tăng trong mười phương pháp giới; Kính lạy Đức Thánh Tổ Ni Đại ái Đạo Kiều Đàm Di, chúng con nguyện tiếp nối ngọn đuốc trí tuệ mà chư Phật chư Tổ đã thắp lên, nguyện "Truyền đăng pháp pháp nối dòng vô chung, vâng làm Phật sự mười phương, không vì lao nhọc, nản lòng tinh chuyên". Noi theo chí khí của người xưa mà lập nguyện hành trì dẫn thân, mà kiên lòng dù cho nghịch cảnh khó khăn cũng không lùi bước. Kính nguyện Phật pháp mãi rạng ngời ở thế gian, nguyện thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc, mưa hòa gió thuận, tất cả chúng sanh đều an lành trong chánh pháp thanh lương.

*Nam Mô Đương Lai Nhất Thiết Chúng sanh Hỷ Kiến Phật*





# Truyện cực ngắn

## HOÀNG LONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

### HOA SA MẠC

Không ai có thể dự liệu được hết những bất trắc của cuộc đời. Luôn có những yếu tố bất ngờ ngoài dự đoán xen vào những kế hoạch kín kẽ bắt ta phải điều chỉnh, những thay đổi khốc liệt của thời cuộc và dòng chảy làm ta lao đao dù vẫn điềm tĩnh lãnh đạm quan sát tìm giải pháp. Khi nghĩ về tất cả những điều khó lường của thế giới trong mấy năm gần đây, anh thấy đoạn đời trước mình như thể nhảy múa trên vực sâu vậy. Anh vẫn tưởng (và có thể nhiều người cũng lầm tưởng) rằng chúng ta sẽ có đủ thời gian vui chơi và sau đó rút lui trong màn vô tay mãn nguyện. Nhưng vấn đề là không có một cái đồng hồ nào nhắc nhở chúng ta đến giờ hạ màn. Và chỉ sau một vài biến cố, cuộc vui chơi trần gian đã biến thành cuộc chiến sinh tồn đẫm máu. Tất cả các kế hoạch đều không còn sử dụng được nữa và anh phải học hỏi lại từ đầu ở độ tuổi năm mươi. Dù sao còn sống sót đã là mừng vui và chiến thắng sẽ luôn đến với kẻ sau cùng còn lại trên chiến trường. Anh cải đặt lại hệ tư tưởng của mình bằng vài nguyên tắc cơ bản tối giản để vẫn là chính mình trong khi từ bỏ tất cả những thứ dư thừa và gây nhiễu. Như vậy anh có khoảng tự do linh hoạt hơn để có thể thích nghi và chiến đấu. Anh vừa có kinh

nghiệm của một khoảng đời dài cho anh sự cẩn trọng vừa có những kỹ năng mới cho anh sự táo bạo cần thiết để đặt cược vào những niềm tin và viễn kiến của mình. Anh vẫn lặng lẽ học hỏi chăm chỉ ngày này qua tháng khác, chăm chút cho bông hoa bé nhỏ của riêng mình giữa thời buổi cạn kiệt tài nguyên và giá trị. Nếu đất đai có nhiều dinh dưỡng quá thì có thể cây chỉ toàn ra những chiếc lá mọc dài. Nhưng trong căn cội chật chiu, cây mới biết thức liễm tinh ba vào nội tại để nở một bông hoa hui hắt giữa những chiếc lá nhỏ xanh. Cho nên sau nhiều trải nghiệm, anh chợt thấy vui mừng vì mình đã sống trải qua những tháng ngày khổ khó nhân sinh và tan rã giá trị để có thể từ bỏ hoàn toàn ngoại giới mà tập trung toàn lực thức tỉnh thân tâm. Nỗ lực này có thể giúp anh nở ra một bông hoa đẹp nhất. Bông hoa đỏ máu huyết sinh mệnh giữa sa mạc căn khô. Và biết đâu đó sẽ là kiệt tác xuất sắc nhất mà anh tự hào khi xuôi tay yên nghỉ. Sự hiếm quý và lặng lẽ sẽ luôn bền lâu. Người ta có thể sẽ mất nhiều năm mới tìm ra một bông hoa sa mạc. Trong những cơn gió cát cuồng nộ của lịch sử đi qua nhanh chóng, sẽ luôn có những bông hoa khiêm hạ nhưng quý giá làm chứng tích cho những giá trị vượt thời gian.

Sài Gòn, ngày 30/8/2024

### GIẤC MƠ YÊN BÌNH

Anh hoàng hôn ngả vàng hắt vào phía mây trời sáng rực, mặt trời từ từ nhưng cũng rất nhanh chóng phả ra những tia vàng cuối cùng trước khi lặn xuống phía khuất xa thành phố. Đêm xuống, những ánh đèn vàng vọt hắt hui thấp sáng. Con đường không còn náo nhiệt như ngày xưa, ánh đèn cũng mịt mù soi tỏ những khuôn mặt khắc khổ mệt mỏi và có chút chán chường cam phận. Anh cũng lết về đến nhà, buông xuống tấm áo giáp nặng trĩu, ngã ra giường nghỉ mệt. Tắm táp xong xuôi, anh nhấp một lon bia lạnh, sàng khoải cảm ơn ngày qua, có thể chìm vào giấc ngủ ngon không cảnh giác không mộng mị thời buổi này gần như là một điều xa xỉ. Từ bao giờ thế giới đã trở nên cay đắng như thế này chứ? Đối mặt ráo hoảnh toan tính nhìn nhau, sở hữu là bị lừa gạt, trộm cướp, không ai dám tin tưởng tâm tình, không ai muốn dính vào phiền hà kẻ khác, bầu không khí bụi bặm nhưng lạnh lùng băng giá. Anh chợt nhớ đến ngày xưa và những giấc mơ đẹp đẽ. Chú bé ngây thơ đi dạo chơi một mình trong thế giới tưởng tượng, lặng lẽ một tuổi thơ qua. Cậu thiếu niên mơ mộng nhiều lãng mạn, chăm chỉ học hành và chẳng biết gì nhân gian đầy ải. Chàng thanh niên nhiệt huyết bước vào con đường văn chương nhiều đam mê và khổ lụy, muốn làm một điều gì đó mới mẻ cho cuộc đời. Còn cả



NPS photo



ông chú trung niên tưởng rằng sẽ trao truyền tiếp nối nhiệt huyết đó cho những thế hệ trẻ qua con đường giáo dục nữa. Một giấc mộng quá đỗi yên lành hơn bốn mươi năm. Anh vô cùng biết ơn điều đó. Đời người sáu bảy mươi năm mà có một giấc mộng dài hơn bốn mươi năm với lòng nhiệt tình và hướng thượng thì quả là một ân sủng quá lớn rồi. Hồi đầu tiên khi mộng vỡ, những giá trị xưa hoàn toàn thay đổi, anh cũng choáng váng và buồn tủi ít nhiều. Nhưng sau nhiều lần chứng kiến cảnh đời, suy ngẫm học hỏi từ lịch sử, anh mới phát hiện là mình đã lầm lẫn. Giấc mơ xưa huyền ảo đó là anh tự mình dựng lên và tương ứng với pháp giới mình đã sống trải ngày đó với bao người thôi. Đó chỉ là một khoảnh khắc ngăn ngòi bình yên lóe lên giữa dòng chảy lịch sử đầy tranh đấu bạo tàn. Chính bây giờ mới là bản chất thật của thế giới từ xưa mà vẫn mình cùng giáo dục đã làm cho chúng ta lóa mắt lầm tưởng. Chiến tranh, dịch bệnh, cướp bóc xảy ra từ buổi khởi nguyên loài người. Sinh tồn vốn là đẫm máu. Mạnh được yếu thua, phải thích nghi để sống sót. Chiến thắng sẽ đến với kẻ còn lại cuối cùng trên chiến trường. Và khi những bức màn ngăn che hiện thực bị rơi xuống vì kiệt quệ kinh tế, vì chiến tranh, vì dịch bệnh và miếng cơm manh áo thì chẳng ai còn sức đâu mà giả vờ văn minh, hành xử cao đẹp được nữa. Tất cả đều như những con thú đói cướp mỗi, giết chóc lẫn nhau. Nói cho công bằng thế giới này luôn là như vậy, bất cứ chế độ nào và bất cứ ở đâu. Ai cũng có nỗi khổ của riêng mình cả. Và sống sót luôn là nhiệm vụ cao cả vinh quang nhất, tất cả điều khác chỉ là thứ yếu mang tính trang trí cho nhân sinh thêm hào nhoáng tươi đẹp mà thôi. Chỉ có điều nếu có ai may mắn có được một khoảng thời gian dài êm ả, không chiến tranh, dịch bệnh, có đủ điều kiện để theo đuổi giấc mơ riêng tư của mình thì đó đã là phúc phận, là ân sủng to lớn của cuộc đời rồi. Cho nên giữa tiếng gào thét kêu la của bao nhiêu niềm tang tóc, anh vẫn cảm ơn cuộc đời mỗi ngày. Mình vẫn còn sống sót, mình đã có một giấc mơ đẹp để thật dài. Anh cũng chẳng còn đòi hỏi gì hơn nữa. Anh đã có đủ thời gian để hoàn thành giấc mơ tuổi trẻ trong yên lành, đã có đủ từng trải tuổi tác để chấp nhận sự thay đổi không tránh khỏi, đủ can đảm để có thể sống sót sinh tồn trong thế giới khắc nghiệt với bao điều bất trắc bủa vây. Và bây giờ anh còn có một giấc ngủ yên bình đang chờ đón. Mọi chuyện còn lại xin cứ để ngày mai. Một ly whisky pha đá như cánh tay người yêu êm dịu ru anh vào một cõi miền yên ả của thiên đường. Và một niềm vui dâng trào trong anh khi biết rằng một ngày nào đó mở xương thịt già nua của anh sẽ được nghỉ ngơi mãi mãi. Đó sẽ luôn là phần thưởng cao quý nhất của một chiến binh sau cuộc chiến khốc liệt đời người. Cái chết tất yếu mang lại cho ta niềm hy vọng vào một thế giới mà rồi tất cả sẽ bình yên.

Sài Gòn, ngày 15/10/2024



## AN NHIÊN

*Đi qua viễn mộng trường đồ  
Phương trời duyên khởi mơ hồ nhân duyên  
Đêm rừng ném giọt nắng thiêng  
Đất không  
Trời cũng vô biên  
Chân mòn  
Đèn khuya trắng hời mắt còn  
Lao lung nhóm lửa thổi hừng bi tâm*

*Kinh vàng giới vực bóng râm  
Thơ siêu xuất ý quỳên văn thanh cao  
Nắm cơm tù ngục xin chào  
Nụ cười tan chảy tanh tao ưu phiền  
Huyền cầm ru khúc chênh nghiêng  
Trắng đen phim vỡ mạn thuyền  
vượt qua  
Nhẹ tênh ôm ấp san hà  
Trải dài đại mộng cỏ hoa tung bồng  
Hỏi làm gì cõi vô tung  
Trần gian cũng đủ vô cùng yêu thương  
Nhắc làm chi chuyện vô thường  
Đêm qua mai nở toả hương một cành  
Sống đừng ộ nhục vô minh  
Chết về chắc chốn yên bình thơm tho...  
Qua sông  
Lưu thủy lặng lẽ  
Hào quang âm sáng  
Con đò an nhiên.*

thơ

VĨNH HỮU TÂM KHÔNG

# *Tử tế là một sự chữa lành*

## TUỆ UYỂN NHI

Cuộc đời, đôi khi giống như một tấm gương phản chiếu, nhưng không phải lúc nào cũng rõ ràng và công bằng. Bạn dành trọn tâm sức để làm nhiều điều tốt đẹp, nhưng chỉ một lần sơ suất, một lần không trọn vẹn, điều ấy lại trở thành dấu vết khắc sâu trong lòng người.

Con người thường dễ nhớ những điều làm mình tổn thương hơn là những điều khiến mình hạnh phúc. Đó là bản chất của tâm trí, luôn để ý đến những nỗi đau và giữ lại nó như một cách tự bảo vệ. Nhưng khi bạn hiểu được điều này, bạn cũng sẽ nhận ra rằng: không phải sự lãng quên những điều tốt của họ là vô ơn, mà đó chỉ là giới hạn của trái tim đang chịu đựng.

Người tử tế giống như ngọn nến, âm thầm cháy sáng dù biết mình sẽ tan chảy. Chúng ta không thể thay đổi cách người khác cảm nhận hay ghi nhớ, nhưng ta có thể thay đổi cách mình nhìn nhận chính mình. Làm điều tốt không phải để được ghi công hay nhớ đến, mà bởi vì đó là cách bạn chọn để sống, là cách bạn lan tỏa sự tử tế.

Sống tử tế không phải lúc nào cũng dễ dàng. Đôi khi, bạn cho đi sự yêu thương nhưng nhận lại chỉ là thờ ơ hay thậm chí là tổn thương. Có những ngày bạn làm điều tốt nhưng lại bị hiểu lầm, những nỗ lực chân thành bị quy chụp thành toan tính. Thế nhưng, tử tế không phải là sự trao đổi. Nó không phụ thuộc vào cách người khác đối xử với bạn, mà là sự phản chiếu của con người bạn, của giá trị mà bạn chọn để gìn giữ.

Cuộc sống khắc nghiệt có thể khiến bạn mệt mỏi, nhưng nếu nhìn kỹ, bạn sẽ thấy rằng sự tử tế cũng là một cách tự chữa lành. Khi bạn chọn yêu thương thay vì oán trách, chọn thấu hiểu thay vì phán xét, chính bạn đang giải thoát tâm hồn mình khỏi những gánh nặng vô hình. Sự tử tế không chỉ làm người khác tốt hơn, mà còn làm chính bạn trở nên mạnh mẽ hơn.

Nếu có những hiểu lầm, hãy tha thứ. Nếu có những nỗi đau, hãy buông bỏ. Không phải ai cũng nhìn thấy cả 100 điều tốt đẹp bạn làm, nhưng điều đó không làm giảm giá trị của bạn. Đôi khi, một điều tốt mà bạn từng trao đi có thể âm thầm nở hoa ở một góc nhỏ nào đó trong cuộc đời người khác, dù bạn chẳng bao giờ hay biết.

Thế giới này có thể không hoàn hảo, nhưng chúng ta vẫn có thể chọn cách sống tốt đẹp. Những cơn giông bão sẽ qua đi, những vết thương sẽ dần lành lại, và những hạt giống tử tế bạn gieo trồng sẽ còn mãi. Thế nên, đừng nặng lòng.

Sống tử tế, không phải để người khác nhớ, mà để chính tâm hồn mình được bình an...



Photo: Trung Phan



# PHẬT DẠY GIỮ THÂN KHÔNG BỆNH ĐỂ TU

Nguyên Giác

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Bài này được viết với chủ đề ghi lời Đức Phật dạy rằng hãy giữ thân không bệnh, để có thể học và tu pháp giải thoát. Bài này được viết để làm tư lương cho tất cả những người con Phật khắp thế giới, trong mọi hoàn cảnh. Duyên khởi là vì cõi này rất vô thường, thân người lại mong manh, nếu chúng ta chưa tu tới đâu, mà thân bệnh nguy ngập thì sẽ có thể bỏ lỡ một kiếp này.

Bệnh và cái chết rất gần với chúng ta, như nhiều hoàn cảnh ghi trong kinh Phật, có trường hợp bị bỏ tông chết (như ngài Bahiya khi chứng quả A La Hán), có trường hợp cô gái 16 tuổi sau khi đắc quả Tu Đà Hoàn đã bị đầu thai dết đâm trúng ngực chết (Kinh Pháp Cú, Kệ số 174). Do vậy, tu là phải khẩn cấp, và phải giữ thân không bệnh. Bài này không bài bác bất kỳ hạnh tu nào, nơi đây chỉ chép lời Đức Phật dạy để độc giả tự tìm xem mình có thể thích nghi với hoàn cảnh nào. Kinh Phật dạy là bữa tiệc buffet mênh mông, nơi đó chúng ta có thể chỉ ăn một phần nhỏ là đủ để an lạc, giải thoát.

Trước tiên, Đức Phật nói rằng không bệnh là cần thiết ưu tiên. Trong Kinh Pháp Cú, hai bài Kệ 198 và 204 ghi rằng, theo bản dịch của Thầy Minh Châu:

198. Vui thay, chúng ta sống,  
Không bệnh giữa ốm đau!  
Giữa những người bệnh hoạn,  
Ta sống, không ốm đau.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,  
Biết đủ, tiền tối thượng.  
Thành tín đối với nhau,  
Là bà con tối thượng,  
Niết bàn, lạc tối thượng.

Bởi vì thân người mong manh, nên phải cẩn trọng trong mọi trường hợp. Kinh EA 40.6 ghi lời Đức Phật dạy cách giữ thân cho không bệnh, nói rằng cần phải giữ gìn thân thể, trừ lạnh nóng, tránh cho gió mưa không chạm vào thân mình, sao cho bệnh cũ được lành, bệnh mới không sinh, tránh cả ruồi muỗi, khi thọ dụng giường ghế đừng khởi tâm xa hoa (nghĩa là, nên ngủ nằm, nhưng đừng mê đắm giấc ngủ), và nếu không thọ dụng tiện nghi thì sẽ bệnh (tai hại hữu lậu). Bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ & Đức Thắng trích như sau:

"Sao gọi là lậu được đoạn bằng thân cận? Ở đây, Tỷ-kheo nằm giữ tâm khi nhận ý, không vì trang sức mà chỉ muốn giữ gìn thân thể, muốn trừ lạnh nóng, muốn cho gió mưa không chạm vào thân mình; lại che thân thể không để lộ ra ngoài. Lại nữa, nằm giữ tâm theo thời khắc thực, không khởi tâm nhiễm đắm, chỉ cốt giữ gìn thân thể khiến cho bệnh cũ được lành, mới không

sinh; gìn giữ các hành không cho xúc phạm, an ổn lâu dài mà tu tập phạm hạnh lâu bền ở đời. Lại nằm giữ tâm ý, khi thọ dụng giường ghế, cũng không ham trang trí tốt đẹp, chỉ mong trừ đói lạnh, gió mưa, ruồi muỗi, giữ gìn thân mình để thực hành đạo pháp. Lại nữa, giữ tâm khi thọ dụng thuốc trị bệnh, không sanh tâm nhiễm đắm nơi thuốc trị bệnh kia, chỉ mong cho bệnh tật được trừ khỏi, thân thể được an ổn. Nếu không thọ dụng như vậy thì tai hại của hữu lậu sẽ phát sinh. Nếu thọ dụng như vậy thì tai hại của hữu lậu không sinh. Đây gọi là hữu lậu được đoạn bởi thân cận." (ngưng trích)

Tới đây, chúng ta sẽ dễ gặp một câu hỏi: nên du hành hay nên chọn một trú xứ? Kinh MN 17 ghi lời Đức Phật dạy rằng nên tìm một khu rừng thích nghi. Kinh MN 17 bản dịch của Thầy Minh Châu trích như sau:

"Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống tại một khu rừng nào. Tỷ-kheo sống tại khu rừng này, các niệম chưa được an trú được an trú, tâm tư chưa được định tĩnh được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ, vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt, nhưng những vật dụng cần thiết cho đời sống một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn, khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật này kiếm được một cách khó khăn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ như sau: "Ta sống tại khu rừng này. Khi ta sống tại khu rừng này, các niệм chưa được an trú được an trú... vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt... những vật dụng này kiếm được một cách khó khăn. Nhưng không phải vì y phục mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, không phải vì món ăn khát thực... không phải vì sàng tọa... không phải vì dược phẩm trị bệnh mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nhưng trong khi ta ở tại khu rừng này, các niệм chưa được an trú được an trú ... vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt". Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy chỉ với suy tính này, phải ở lại khu rừng ấy, không được bỏ đi." (ngưng trích)

Đức Phật cũng nhấn mạnh yếu tố phải tìm trú xứ nơi dễ dàng nghe kinh, học pháp, thân cận các Trưởng lão Tỷ kheo. Kinh AN 10.11, bản dịch của Thầy Minh Châu ghi rằng cần tìm trú xứ xa vắng nóng, ít nguy hiểm, không gần và không xa làng xóm, nơi có nhiều cơ hội nghe kinh, học pháp. Kinh này trích như sau:

"Ở đây, này các Tỷ-kheo, trú xứ không quá xa, không quá gần, thuận tiện cho đi và đến, ban

ngày không đông đủ, ban đêm không ồn ào, không huyền ảo, ít xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, và các loại rắn rít. Trú tại trú xứ ấy, tìm được không mệt nhọc các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Tại trú xứ ấy, các trưởng lão Tỷ-kheo đến ở là những bậc nghe nhiều, được trao truyền kinh điển, những bậc trì Pháp, trì Luật, trì toát yếu, thường thường đến các vị ấy tìm hiểu, hỏi han: "Thưa Tôn giả, cái này là thể nào? Ý nghĩa cái này là gì? "Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa mở rộng, trình bày những gì chưa trình bày, đối với những vấn đề còn khởi lên những nghi vấn, vị ấy giải tỏa các nghi vấn ấy. Nay các Tỷ-kheo, trú xứ như vậy thành tựu năm chi phần.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu năm chi phần, thân cận chia sẻ trú xứ thành tựu năm chi phần, không bao lâu, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thẳng trí có thể chứng ngộ chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát." (ngưng trích)

Kinh SN 16.1 ghi rằng nên sẵn sàng đón nhận sàng tọa, đón nhận thuốc chữa bệnh để giữ sức khỏe cho mình để tu. Bản dịch của Thầy Minh Châu trích như sau:

"Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kassapa này, với bất cứ loại sàng tọa nào, và tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại sàng tọa nào; và không vì sàng tọa, làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được sàng tọa, vị này không có dao động. Và nếu được sàng tọa, vị này dùng sàng tọa ấy, không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ.

Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kassapa này, với bất cứ thuốc men trị bệnh nào. Và vị này tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại thuốc men trị bệnh nào; và không vì duyên với thuốc men trị bệnh, làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được thuốc men trị bệnh, vị này không có dao động. Và nếu được thuốc men trị bệnh, vị này dùng thuốc men trị bệnh ấy, không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ." (ngưng trích)

Trong rất nhiều kinh, Đức Phật khuyến khích nên ngủ nằm. Bản thân Đức Phật cũng ngủ nằm. Kinh SN 4.7, bản dịch của Thầy Minh Châu trích như sau:

"Rồi Thế Tôn sau khi đã đi kinh hành ngoài trời một phần lớn của đêm. Khi đêm đã gần mãn, Ngài rửa chân, bước vào tịnh xá, và nằm xuống phía hông bên phải theo thể nằm của con sư tử, hai chân gác lên nhau, chánh niệm tỉnh giác và nghỉ đến lúc thức dậy." (ngưng trích)

Một lần, ngài Mahāmoggallāna đang ngồi thì ngủ gục. Kinh AN 7.61 ghi rằng Đức Phật hiện ra, dạy cho ngài cách trừ ngủ gục, tuần tự nhiều cách: đừng tác ý tới nó, đừng nghĩ nhiều tới nó; nếu chưa hết ngủ gục thì hãy tùy quán pháp như đã học; nếu chưa hết thì hãy đọc tụng kinh như đã được học thuộc lòng; nếu còn ngủ gục thì kéo lỗ tai, xoa bóp tay chân; nếu chưa hết thì đứng dậy, lấy nước chùi mắt, nhìn về chân trời xa, về các vì sao; nếu còn ngủ gục thì tác ý tới ánh

sáng, xem như ban ngày; nếu chưa hết thì đi bộ kinh hành, với tướng trước mặt và với ý hướng nội; nếu còn ngủ gục thì hãy nằm theo thể nằm sư tử—nghĩa là, nằm nhiếp tâm ưu thắng hơn ngủ ngồi. Kinh AN 7.61, bản dịch của Thầy Minh Châu trích:

"Nếu Thầy trú như vậy, và thùy miên ấy không được đoạn diệt, thời này Moggallāna Thầy hãy nằm như dáng nằm con sư tử, về phía hông bên phải, hai chân gác lên nhau, chánh niệm tỉnh giác, tác ý với tướng thức dậy. Và khi thức dậy, này Moggallāna, Thầy hãy thức dậy thật mau, nghĩ rằng: 'Ta sẽ trú, không có chú tâm đến lạc nằm ngủ, lạc nằm xuống một bên, lạc thùy miên.' Như vậy, này Moggallāna, Thầy cần phải học tập." (ngưng trích)

Kinh SN 35.239 cũng ghi lời Đức Phật dạy về chú tâm tỉnh giác trọn mọi thời, cả ban ngày và ban đêm, khi ngủ cũng nằm như con sư tử. Bản dịch của Thầy Minh Châu như sau:

"Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chú tâm tỉnh giác? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ban ngày trong khi đi kinh hành hay ngồi, tâm trừ sạch các chướng ngại pháp. Ban đêm canh một, khi đi kinh hành hay ngồi, tâm trừ sạch các chướng ngại pháp. Ban đêm canh giữa, vị ấy nằm phía hông bên phải, trong dáng nằm con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh niệm tỉnh giác, tác ý đến lúc thức dậy. Ban đêm trong canh cuối cùng, vị ấy thức dậy và trong khi đi kinh hành và ngồi, tâm trừ sạch các chướng ngại pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chú tâm tỉnh giác. Nay các Tỷ-kheo, đầy đủ ba pháp ấy, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại, sống nhiều an lạc, hoan hỷ, và tạo nguyên nhân bắt đầu đoạn tận các lậu hoặc." (ngưng trích)

Kinh EA 33.7 ghi lời Đức Phật nói rằng không nên du hành nhiều, trích theo bản dịch của 2 Thầy Tuệ Sỹ & Đức Thắng:

"Người du hành trường kỳ có năm sự khó. Sao gọi là năm? Ở đây, người thường du hành không tụng giáo pháp; giáo pháp đã tụng thì bị quên mất; không được định ý; tam-muội đã được lại thoái thất; nghe pháp nhưng không thể hành trì. Nay các Tỷ-kheo, đó gọi là người du hành nhiều có năm việc khó này.

"Các Tỷ-kheo nên biết, người không du hành nhiều có năm công đức. Sao gọi là năm? Pháp chưa từng đắc sẽ đắc, pháp đã đắc rồi lại không quên mất, nghe nhiều mà ghi nhớ được, có thể đắc định ý, đã đắc tam-muội rồi không bị mất. Nay các Tỷ-kheo, đó gọi là người không du hành nhiều có năm công đức này. Cho nên, này các Tỷ-kheo, không nên du hành nhiều." (ngưng trích)

Đức Phật nhấn mạnh về ưu tiên hoằng pháp, do vậy kinh điển khuyến khích xây dựng giảng đường. Như trường hợp trong Kinh MN 94, ghi về cuộc nói chuyện giữa Bà-la-môn Ghotamukha với Tôn giả Udena, về cách cúng dường ưu thắng. Bản dịch của Thầy Minh Châu trong Kinh MN 94, trích như sau:

"- Nay Bà-la-môn, ta không được phép nhận vàng và bạc.

- Nếu Tôn giả Udena không được phép nhận



vàng và bạc, con sẽ cho làm một tinh xá cho Tôn giả Udena.

- Này Bà-la-môn, nếu ông muốn xây dựng một tinh xá cho ta, thì hãy xây dựng một giảng đường cho chúng Tăng ở Pāṭaliputta.

- Con lại càng bội phần hân hoan, hoan hỷ, thỏa mãn với Tôn giả Udena, khi Tôn giả khuyến khích con cúng dường chúng Tăng. Thừa Tôn giả Udena, với bố thí thường xuyên này và với bố thí thường xuyên khác về sau, con sẽ cho xây dựng một giảng đường cho chúng Tăng ở Pāṭaliputta.

Rồi Bà-la-môn Ghotamukha với bố thí thường xuyên này và với bố thí thường xuyên khác về sau, cho xây dựng một giảng đường cho chúng Tăng ở Pāṭaliputta. Nay giảng đường ấy được gọi là Ghotamukhi.” (ngưng trích)

Những lời dạy của Đức Phật ghi trên hân là thích nghi với đa số người học và tu theo Phật. Hãy luôn luôn nhớ rằng thân người rất mong manh, cần giữ cho thân không bệnh để tu học.

#### THAM KHẢO:

- Kinh Pháp Cú, bài Kệ 198 và Kệ 204:  
<https://thuvienhoasen.org/p15a7962/pham-11-20>

. Kinh EA 40.6: hãy giữ thân không bệnh, tránh nắng mưa, nên thọ dụng thuốc trị bệnh:  
[https://suttacentral.net/ea40.6/vi/tue\\_sy-thang](https://suttacentral.net/ea40.6/vi/tue_sy-thang)

. Kinh MN 17: nên an trú ở khu rừng thích hợp, đừng bỏ đi:

[https://suttacentral.net/mn17/vi/minh\\_chau](https://suttacentral.net/mn17/vi/minh_chau)

. Kinh AN 10.11, nên tìm trú xứ xa nắng nóng, ít nguy hiểm, không gần và không xa làng xóm, nơi có nhiều cơ hội nghe kinh, học pháp:

[https://suttacentral.net/an10.11/vi/minh\\_chau](https://suttacentral.net/an10.11/vi/minh_chau)

. Kinh SN 16.1: hãy sẵn sàng đón nhận sàng tọa, đón nhận thuốc chữa bệnh:

[https://suttacentral.net/sn16.1/vi/minh\\_chau](https://suttacentral.net/sn16.1/vi/minh_chau)

. Kinh SN 4.7: Phật ngủ nằm nghiêng bên phải

[https://suttacentral.net/sn4.7/vi/minh\\_chau](https://suttacentral.net/sn4.7/vi/minh_chau)

. Kinh AN 7.61: trừ ngủ gục:

[https://suttacentral.net/an7.61/vi/minh\\_chau](https://suttacentral.net/an7.61/vi/minh_chau)

. Kinh SN 35.239: Chú tâm tỉnh giác cả trong cách nằm:

[https://suttacentral.net/sn35.239/vi/minh\\_chau](https://suttacentral.net/sn35.239/vi/minh_chau)

. Kinh EA 33.7: Du hành nhiều sẽ gặp khó:

[https://suttacentral.net/ea33.7/vi/tue\\_sy-thang](https://suttacentral.net/ea33.7/vi/tue_sy-thang)

. Kinh MN 94: xây giảng đường:

[https://suttacentral.net/mn94/vi/minh\\_chau](https://suttacentral.net/mn94/vi/minh_chau)



## GIÓ VỪA THỔI QUA ĐÂY

*Gió vừa thổi qua đây  
Còn thơm hương tháng chạp  
Mưa rưới trên đồi hoa  
Sinh thành ngàn thế giới*

*Trên chuyến đò sắp tới  
Ta ngồi với bao la  
Nhấp một ngụm ta bà  
Lòng biết ơn tất cả.*

*Đội lên thùng bông trang  
Bốn phương trắng đường rằm  
Thương ơi bờ ngực lúa  
Trời đất trắng mưa râm.*

*Thấp hai hàng bạch lạp  
Rừng núi bỗng xôn xao  
Đất trời kia trôi dạt  
Có về tận đời sau.*

*Đã ngàn năm mất ngủ  
Tu hủ nhớ hoàng oanh  
Những cuộc đời du thủ  
Nhớ chẳng bến quê nhà.*

*Mài kiếm với muôn sao  
Núi sông chừng thẳng thốt  
Nhát gương rơi bất chợt  
Tìm máu rưng bàng hoàng*

thơ

LÝ THỪA NGHIỆP

(12/04/2025)

# Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



## DU PHƯƠNG HÀNH HOẠT

Thiền sư Gessan rất nổi tiếng trong chốn thiền lâm xứ Phù Tang, ngoài ra còn được mọi người biết đến là một người tài hoa, một họa sĩ xuất sắc. Suốt cuộc đời du phương hành hoạt đã để lại nhiều giai thoại, tuy nhiên nhiều người không rõ hành trạng của ngài nên không ít kẻ buông lời phỉ báng. Có một lần ngài lên kinh, một cô geisha muốn ngài vẽ một bức họa chân dung. Ngài đòi một giá cao ngất ngưỡng. Cô geisha chấp nhận chi tiền và cũng rất hài lòng với bức tranh chân dung, tuy nhiên cô ta khinh khi và nhục mạ ngài:

- Lão thiền sư họa sĩ này chỉ biết có tiền là trên hết, tuy tài hoa nhưng tâm hồn bẩn thỉu. Tác phẩm của ông không đáng giá bằng cái áo lót của ta.

Thiền sư Gessan không trả lời. Cô geisha lại yêu cầu ngài vẽ một bức tranh chân dung khác, khỏa thân với góc nhìn từ mặt sau lưng, dụng ý muốn làm nhục ngài. Thiền sư đòi một cái giá mắc nhất từ trước tới nay. Sau khi vẽ xong và nhận tiền công Gessan quăng bút bỏ đi.

Mãi sau này người ta mới biết vì sao ngài vẽ tranh và đòi giá cao, thời ấy quê

hương của ngài thường xuyên đói kém nên ngài bí mật lập kho phát gạo chẩn tế. Ngài còn sửa sang con đường từ quê đến kinh đô. Ngài có tâm nguyện xây ngôi đền cho sư phụ... Bởi vậy mà ngài du phương vẽ tranh đòi giá cao để thực hiện các mục đích cao cả ấy. Sau khi hoàn thành tâm nguyện, thiền sư Gessan quăng cọ, rời bỏ dòng đời để vào núi ẩn tu.

**DU PHƯƠNG ĐÔNG TÂY NỔI TIẾNG CỠI GIANG HỒ NHỮNG TƯỚNG NGHỆ SĨ BẮN TIỀN THAM LAM ĐÒI TIỀN CAO GIÁ**

**HÀNH HOẠT NAM BẮC LỪNG DANH CHỖN THIỀN LÂM NÀO HAY THIỀN SƯ THANH CAO TỬ BI PHÁT GẠO CHẨN BẦN.**

## LÝ - SỰ

Quốc độ vào thời mạt pháp, có một tay giáo sư khá nổi tiếng trong giới học thuật, khổ một nỗi y rất chuyên chính và tự phụ về lý luận. Một hôm y vin vào bài kệ trong kinh Kim Cang để đàn hạch thầy:

- *Nhược dĩ sắc kiến ngã/ dĩ âm thanh cầu ngã/*

*thị nhân hành tà đạo/bất năng kiến Như Lai.* Vậy mà ông cứ mê tín dị đoan, bày ra nghi lễ rườm rà, toàn hình thức với âm thanh.

Thầy cười cười chưa nói gì thì y lại tiếp:

- Lạy lục cục đá, khúc cây thì có ích gì? Sao không đẹp hết những hình tượng ấy đi?

Bấy giờ thầy hỏi ông ấy:

- Ông có kính yêu cha mẹ không?

- Dĩ nhiên.

- Ông có thưa gởi, thăm viếng, phụng dưỡng không?

- Điều đó là bổn phận.

- Kính yêu ở trong tâm được rồi, sao ông lại bày vẽ hình thức rầy rà thăm viếng, thưa hỏi, phụng dưỡng làm chi? Đẹp hết hình thức đi!

Tay giáo sư ngậm hột thị không biết nói năng ra sao. Thầy nói thêm:

- Kệ kinh Kim Cang là lý, hành lễ là sự, không có sự thì sao hiển được lý!

Từ đó về sau, thiền hạ thấy y tự nhiên khác hẳn đi.

## TỰ NHIÊN NHƯ THỂ

Mùa xuân lại về, muôn hoa khoe sắc hương, bướm ong rộn ràng, con người cũng vui tươi hẳn lên. Ở quốc độ này bốn mùa thay đổi, cảnh sắc và phong quang tùy mùa mà dâng hiến cái đẹp cho đời. Người ở xứ này quả là có phước, ấy vậy mà cũng có rất nhiều kẻ chẳng biết hưởng cái phước của mình. Bọn họ chỉ chăm chú làm tiền, xài tiền, mua sắm như điên, lấy điều đó làm lẽ sống. Bọn ấy còn cười cợt những người yêu thiên nhiên, sống vì đồng loại, phụng sự tam bảo...

- Chỉ có đồng tiền mới là vạn năng, thời giờ cũng là tiền bạc, thật ngu khi tốn thời gian cho những việc bao đồng, lãng xẹt...

Trong nhóm đệ tử, có kẻ đem lời ấy thuật lại với thầy. Thầy cười:

- Kho tàng thiên nhiên diễm lệ mà từ chối kể cũng uổng thật! Cái đẹp nhân văn không thu nhận kể ra đáng tiếc thay! Không biết tam bảo phước điền quý như thế thì đành chịu thế thôi! Biết sao được, khi mà phước báo và nghiệp lực như thế nên khiến con người như thế, tất cả tự nhiên như thế! Nhân quả khứ như thế, quả hiện tại như thế và rồi tương lai cũng sẽ tiếp tục tự nhiên như thế! Bởi thế mà có kẻ đi xuống người đi lên, phước báo, nghiệp lực và phước phần cứ tự nhiên như thế!

## THUỐC VÀ CÔNG THỨC

Chùa tổ chức tu tập cho giới trẻ, những công khóa trì chú, tụng kinh đều rất nghiêm trang. Các







em tham gia sôi nổi, ấy vậy mà nhiều người trên mạng ào cả khía:

- Tụi nhỏ đọc như vẹt, có hiểu gì không? có lợi ích chi đâu?

Thậm chí có nhiều tu sĩ vì quan điểm phân phong bộ phái cũng chỉ trích:

- Trĩ chú, tụng kinh mà không hiểu nội dung thì chẳng có ích chi.

Trong số những người chỉ trích, có kẻ ngã bệnh, y phải đi khám bệnh và bác sĩ kê toa thuốc. Người ấy vắn vẹo:

- Thuốc này điều chế bằng những dược chất gì? Công thức chế tạo thế nào?

Bác sĩ cười:

- Ông cứ về uống theo đúng chỉ dẫn, chuyện công thức sẽ nói sau.

Quả thật, người ấy hết bệnh. Bấy giờ vị bác sĩ kia mới nhả tin:

- Chiu uống thuốc thì sẽ hết bệnh, thành phần dược chất và công thức biết cũng tốt mà không biết cũng tốt!

## CÁI TÊN VÀ CÁI GỐC

Vợ chồng thằng Liêm và con Liêm sang Mèo được mười niên, hai đứa đổi tên Tây là: Liam và Lolita. Việc thuận tiện đầu tiên là giao tiếp với người bản xứ dễ gọi, dễ nhớ hơn, phần nói cũng sang mồm, nghe cũng chảnh tai. Thế rồi có kẻ cả khía:

- Bày đặt đổi tên Tây, vọng ngoại, bộ tên gốc Mít xấu lắm hay sao mà tự ti?

Hai vợ chồng nghe đăng nên bực mình. Thằng Liam phân trần:

- Cái tên chỉ là cái tên thôi, chẳng xấu hay đẹp. Nó là phương tiện để giao tiếp và phân biệt người này người kia.

- Vậy sao phải đổi tên Tây?

- Tên gốc Mít ở xứ này nhiều khi kỳ cục lắm: Dung là rác, Phúc là giao phối, Hiền là gà mái, Đức đọc thành con vịt mái, Loan là vay nợ... còn rất nhiều cái tên Mít khi đọc lên tụi Mèo cười chết luôn.

Kẻ cả khía nghe thế cũng cười. Thằng Liam lý luận thêm:

- Sinh ra và lớn lên trong nhà giàu có, quyền quý cũng có cái để tự hào. Sống chung trong nhà toàn trộm cướp, ngu dốt, đói kém cũng có thứ để tự ti. Cái tên cũng thể hiện được phần nào con người và cái gốc xuất thân.

## HIỆN TƯỢNG

Quốc độ mấy trăm năm nay xây dựng nên một

nền pháp trị vững vàng, tam quyền phân lập, dân chủ tự do... Thiên hạ bốn bên ngưỡng mộ. Các quốc chủ xưa nay đều là những người lớn, làm được việc. Quốc dân và quốc chủ đều ủng hộ tự do – dân chủ, có lý tưởng cao đẹp. Quốc độ luôn ở thể thượng phong, làm anh cả, quy tụ quần hùng và đàn em. Thế rồi quốc vận đến hồi suy. Quốc độ này nổi lên một kẻ mạnh tâm hắc ám. Y chỉ biết có tiền và quyền lợi của bản thân, băng nhóm. Y phá bỏ hết tất cả những điều tốt đẹp cao cả đã gây dựng bao lâu nay. Y đánh phá cả đàn em và đồng minh của quốc độ. Y công khai thần tượng những kẻ độc tài, tàn bạo trên thế gian này, ra sức vuốt ve chiêu chuộng bọn hung hiểm độc ác ấy. Y và lũ theo đóm ăn tàn gào rống:

- Ta là trên hết.

Hễ ai không đồng ý hay phản đối sự gian trá của y thì lập tức bị trả thù thẳng tay. Lũ lâu la sẽ nhào vào bẻ hội đồng, cấu xé như sói lang. Thiên hạ kinh hoàng với chuyện xưa nay chưa từng có. Có kẻ còn so sánh:

- Cái đám này sao giống hệt lũ hồng vệ binh của Mao xénh xát năm xưa.

Nhiều người giạt mình:

- Ừ mà giống thật, cũng đội mũ đỏ, cũng chụp lên đầu người ta bao nhiêu cái mũ khủng bố cuồng điên.

Giữa thiên thanh bạch nhật, lão gàn đứng ở chợ khóc tu tu rồi ngửa cổ cười sảng sặc:

- Phải chăng quốc độ đến hồi trả nghiệp!

**TAM QUYỀN PHÂN LẬP DÂN CHỦ HIỆN BÀY CỔ XÚY TỰ DO THỐNG LĨNH THIÊN HẠ**

**NHẤT LỆNH GỒM THẦU ĐỘC TÀI HIỆN TƯỚNG ỦNG HỘ CƯỜNG QUYỀN CỔ LẬP TỰ THÂN.**

## KHẮC NHẬP KHẮC XUẤT

Thuở quốc độ mới quy về một mối, triều đình hạ chỉ:

- Phải nhập các tỉnh lại để giảm lãng phí.

Thế là các ban bộ được chỉ một khoản tiền khổng lồ để tiến hành nhập tỉnh. Bởi thế mới xuất hiện những cái tên hết sức mắc cười: Hà Sơn Bình, Cao Bắc Lạng, Bình Trị Thiên... Sau chừng mười niên, một ông kẹ khác lên ngôi, ông ấy đổi ý:

- Phải tách các tỉnh ra vì người mỗi xứ có đặc tính khác nhau.

Vậy là triều đình lại rót một ngân quỹ khổng lồ để làm đề án tách tỉnh.

Chuyện tưởng đến đây là xong, nào ngờ năm nay ông kẹ khác lại tuyên bố:

- Phải nhập các tỉnh lại để vừa có biển vừa có núi rừng thì kinh tế mới thịnh!

Không biết lần này tốn bao nhiêu ngân lượng của quốc gia, chỉ riêng dân chúng phải đổi hàng loạt giấy tờ, hồ sơ, sổ sách... cũng đủ xanh mặt cạn túi. Thiên hạ khóc thét lên nhưng nào có ai dám nói năng chi. Dân trên mạng lượm lặt đầu đó bài ca dao tăn thời cảm thán:

*Khắc nhập khắc xuất nhì nhằng*

*Chủ quan ý chí làm xằng thế thôi*

*Bà chẳng ông kẹ đổi ngôi*

*Nhập xong lại tách mấy hồi nhớ chẳng!*

**Steven N  
Georgia, 0525**

# Bạn đồng hành thuở ấu

## HỒ BÍCH HỢP

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

(Nha Trang khoảng 1996-1997)

Hai chú tiểu, một chú 10 tuổi, một chú 8 tuổi, áo nâu sòng đã bạc thết màu.

Mỗi tuần các chú phải vào phố để xin đồ ăn. Chùa các chú ở nông thôn cách phố khoảng 25km, vì thế các chú phải bắt xe đò. Nhưng không phải xe đò nào cũng muốn dừng để cho các chú đi nhờ, cả dăm bảy chuyến lướt nhanh qua thì mới có chuyến chịu chờ các chú đi. Các chú được ngồi dưới sàn là bạn đồng hành cùng với bầy gà la oang oác, vì ghế chỉ để dành cho những vị khách trả tiền. Nhưng không sao, vậy là các chú đủ biết ơn lắm rồi, các chú thấy mình sướng hơn những chú gà vì các chú không phải bị ăn bắp, được ngủ gà ngủ gật mà vẫn tới nơi. Nhìn những chú gà được bà khách nhồi nhét liên tục những hạt bắp cứng như đá vào cổ họng, các chú thấy ghen ứ lòng mình, các chú mong sao các chú gà chết đi sẽ không phải đầu thai làm gà nữa.

Rồi xe cũng đến nơi các chú lếch thếch tìm tới những sạp hàng la-ghim để kiếm chác. Các chú chỉ biết lí nhí "cô ơi cô có gì bỏ không thì cho con xin". Các bà chủ hiền lành thì cho chú vài củ su, vài củ cà rốt đã không còn mướt mát. Gặp bà hung dữ xua các chú đi như đuổi một chú chó, chú mèo đang lăm lẹ ăn vụng. Cũng có những người chỉ chú ra bãi rác phía sau sạp hàng để nhặt nhạnh những thứ đã bỏ đi.

Nhưng nỗi khổ của các chú không phải điều đó mà có lẽ làm sao kéo được hai bao rau củ nặng nề đã xin được ra tới bãi xe. Vì cứu tinh của các chú là bác xích lô già lúc nào cũng kè kè kẹp theo quyển sách. Bác chống mõng đẩy hai bao rau củ lên dốc, mỗi hồi nhể nhại, hai cặp chân đen thui gầy đét; cái quần màu cháo lòng cứ lắc lư,

nó cũ lắm rồi thun lên trông như cái lò xo. Tới bến xe bác đặt tự bao xuống cười hiền lành, xoa đầu chú tiểu nhỏ rồi đạp xe đi mất.

Nỗi khổ thứ hai có lẽ là làm sao tìm được chiếc xe đò để đi về chùa. Xe thì nhiều nhưng người muốn chở mấy chú thì có mấy ai. Chiếc xe đò cà tàng màu xanh trắng, ị ạch tưởng chừng như hai ngày mới đi được vài chục cây số. Chú tài xế hiền lành, tóc hoa râm, cái áo cà rô sờn vai, mỏng tan như cánh gián. Chú đi một mình không có phụ xe. À mà cái xe rách nát như của chú thì ai mà muốn phụ! Chú bưng hai bao thả lên xe cái phịch, và hai chú nhóc cũng có một chỗ ngồi ngon lành.

Thế rồi họ trở thành bạn đồng hành mỗi tuần, dù mưa hay nắng, dù khách đông, hay không có khách thì họ vẫn đi cùng nhau, và đương nhiên chú tài xế chưa bao giờ nhận tiền từ hai chú tiểu nhỏ.

8h tối chỉ có 3 người trên

chiếc xe đò cũ, ánh đèn leo lét, tiếng nhạc da diết từ máy cassette "Ngày xưa ta quen từng viên đá quanh sân trường. Nay nghe sao khác từ tên đường...".

Người đàn ông lặng im lái xe, hai chú nhóc ngủ gà ngủ gật. Có lẽ chú mơ về người đàn ông đạp xích lô có quyển sách với cái quần lò xo, hay chú áo cà rô có chiếc xe đò màu xanh trắng, và những chú gà sẽ không còn bị nhét bắp đầy ứ cổ họng.

Hơn hai mươi năm rồi chú tiểu nhỏ đã không còn là chú tiểu năm nào: chú đã hoàn tục làm một con người bình thường. Và chú vẫn luôn nhớ về hai người đàn ông đó. Xã hội mới đã vui đập họ xuống đáy nhưng tâm hồn và tri thức của họ dường như vẫn nằm ở giai cấp mà họ đã từng. Không biết giờ họ sống thế nào, họ có đỡ nhọc nhằn hơn không, nhưng dù có thế nào thì họ cũng đã sống trọn vẹn với trái tim của những con người chân chính.





# VÔ THƯỜNG

TN. Hải Trung

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Ngày đêm cứ mãi xoay vần, vạn vật cứ thế mà chuyển biến, đổi thay không ngừng. Lặng nhìn chiếc lá khẽ rơi trước cơn gió, lòng chợt băng khuâng, ngậm ngùi khi nghĩ về thân phận con người, liệu có giống như chiếc lá kia không? Khi đứng trước những khó khăn, thử thách của cuộc đời tâm của chúng ta sẽ như thế nào?. Nướng theo lời dạy của Phật, Tổ mỗi một hành giả sẽ hiểu rõ hơn về ý nghĩa của Vô Thường.

Vô thường có nghĩa là gì?. Vô thường nghĩa là không thường, không mãi mãi ở yên trong một trạng thái nhất định, luôn luôn thay hình đổi dạng, đi từ trạng thái hình thành biến đi rồi tan rã... Đạo Phật gọi những giai đoạn thay đổi của một vật là: thành, trụ, hoại, không (hay sanh, trụ, dị, diệt) (1).

Vô thường được biểu hiện ở ba phương diện: Thân vô thường, Tâm vô thường và Hoàn cảnh vô thường.

**Thân vô thường:** thân thể con người do bốn yếu tố: đất, nước, gió, lửa giả hợp mà tạo thành, vốn không có chủ thể nhất định, một khi nhân duyên tan rã thì mạng sống liền kết thúc, chẳng được lâu bền.

Khi nhắc đến sự vô thường của thân, đức Phật đã hỏi một vị Sa môn: "Sinh mạng của con người tồn tại bao lâu?" Đáp rằng: "Trong vài ngày". Phật nói: "Ông chưa hiểu đạo". Đức Phật lại hỏi một vị Sa môn khác: "Sinh mạng con người tồn tại bao lâu?" Đáp: "Khoảng một bữa ăn." Phật nói: "Ông chưa hiểu đạo". Đức Phật lại hỏi một vị Sa môn khác nữa: "Sinh mạng con người tồn tại bao lâu?" Đáp: "Khoảng một hơi thở". Phật khen: "Hay lắm! Ông là người hiểu đạo". (2)

Thật vậy, thân mạng của chúng ta chỉ duy trì trong hơi thở, một hơi thở ra mà không thở vào, thì chuyển thân qua đời sau, rất mong manh, tạm bợ, tựa như sợi chỉ mảnh. Thế nhưng mấy ai thấu hiểu được điều này. Chúng sanh do vô minh, nghiệp thức che đậy cho nên lầm nhận thân này là thật, cho nên nuôi dưỡng nó, che chở và cung phụng bằng những món ngon, vật lạ để rồi tự tạo lấy nghiệp (sát sanh, trộm cướp...). Vì thấy thân này là thật nên hễ ai dám xúc phạm, đụng chạm đến thân thì ta liền sân si chửi mắng, đánh đập đối phương. Và cũng vì chấp thân này là thật cho nên cả một đời

chúng ta cứ phải lo lắng để cho thân này được thụ hưởng thật nhiều dục lạc (tài, sắc, danh, thực, thụ).. để rồi hại người, lừa dối người và tự tạo hồ sâu nghiệp chướng cho bản thân mình. Thật đáng thương xót!

**Tâm vô thường** chính là vọng tâm, vì nó luôn thay đổi, nương nơi ngoại cảnh mà khởi vọng tưởng sanh diệt, đảo điên. Chúng ta thường nghe câu nói "Tâm viên ý mã" là chỉ cho sự vô thường của tâm, suy nghĩ mông lung, tâm ý điên đảo, hết nghĩ đến chuyện quá khứ, rồi lại vọng tưởng đến chuyện tương lai. Lúc thì nghĩ tốt cho người, khi thì nghĩ ngờ, nói xấu người đủ chuyện. Gặp việc vừa ý, có lợi cho mình thì vui thích, đắm say. Còn khi gặp việc trái ý, nghịch lòng thì bất mãn, oán hận, sân si.

Trong Kinh Di Giáo, đức Phật có dạy rằng: "*Các thầy Tỳ kheo, năm thứ giác quan do tâm chủ động, vì vậy mà các thầy lại phải thận trọng chế ngự tâm mình. Tâm còn đáng sợ hơn cả rắn độc, thú dữ, giặc thù, lửa dữ bùng cháy lan tràn cũng chưa đủ để ví dụ cho tâm. Như một kẻ tay bưng bát mật mà chuyển động, chạy nhảy, chỉ thấy bát mật chứ không thấy hồ sâu, như thể*

*không khác gì với voi điên mà không có móc sắt, vượt khi mà được cây rừng, thì sẽ hung hăng nhảy vọt, khó mà ngăn cản; các thầy phải cấp tốc tóa chiết, đừng cho phóng túng. Phóng túng tâm ra thì làm tan nát việc thiện của người. Chế ngự tâm lại một chỗ thì không việc gì không thành. Thế nên, các thầy Tỳ kheo hãy nỗ lực tinh tấn mà chiết phục tâm mình".* (3)

Qua lời Phật dạy, chúng ta hiểu rằng khi tâm chưa được thuần phục sẽ rất nguy hiểm, khiến chúng sanh vô minh, làm các việc xấu ác, mất đi thiện tâm, trầm luân trong sanh tử luân hồi, chịu biết bao thống khổ. Vì vậy, đức Phật dạy cần phải chế ngự tâm lại một chỗ, chớ để tâm ý buông lung, rong ruổi theo ngoại cảnh mà tạo tác ác nghiệp. Khi nhìn thấy sắc đẹp, chúng ta cần phải quán Bất tịnh, để chế phục tâm tham mê sắc dục, từ đó ngăn chặn những ý nghĩ bất chánh, cũng không gây ra những hành động thiếu lễ tiết, chân chánh. Khi nghe những lời mắng chửi, cần phải quán Từ bi, quán chiếu người nói do sự si mê, sân hận mà



không thấy, biết như thật cho nên mới nói những lời như thế. Chúng ta cần cảm thông và rộng lòng bao dung cho người, để cả hai cùng hiểu nhau, tha thứ cho nhau và cùng sống chung an lạc. Cần phải nương theo giáo pháp, giới luật của đức Phật để chế ngự tâm viên, ý mã giúp chúng sanh có được ba nghiệp (thân, khẩu, ý) thanh tịnh, cõi nhân gian sẽ ngập tràn niềm an vui, hạnh phúc.

**Hoàn cảnh vô thường** tức là nơi chúng ta đang sinh sống cũng vô thường. Như thế giới Ta bà mà chúng ta đang hiện sinh sống cũng vô thường, vì nó không thoát khỏi định luật thành, trụ, hoại, không. Trái đất đang nóng dần lên, thiên tai, bão lụt xảy ra ở khắp nơi, đe dọa mạng sống của nhân sinh từng giây, từng phút.

Hoàn cảnh vô thường còn được hiểu là sự thay đổi không ngừng của các cảnh vật, sự sống xung quanh ta. Những cánh đồng ruộng lúa giờ đây đã được thay thế bằng những nhà máy, xí nghiệp. Những ngôi nhà tranh vách lá giờ đây đã được cải tiến với những vật liệu xây dựng tối tân, hiện đại. Hoặc đối với sự vinh, nhục, giàu sang không thể nào trường tồn mãi mãi. Có người trước kia giàu sang, phú quý nhưng khi gặp biến cố lại hóa thành tay trắng, nghèo khổ... Sự vô thường, đổi thay luôn chi phối đến đời sống con người, thế nên trong Kinh Pháp Cú, đức Phật có dạy rằng:

*"Ai sống một trăm năm  
Không thấy pháp sinh diệt  
Tốt hơn sống một ngày  
Thấy được pháp sinh diệt". (4)*

Những lời dạy của đức Phật như thức tỉnh chúng sanh thoát khỏi sự si mê, điên đảo. Dẫu cho chúng ta có sống được cả trăm năm nhưng vô mê muội, không thấy được bản chất của các pháp là sanh diệt, vô thường để rồi một đời chạy theo ngũ dục, lục trần, tạo tác biết bao nghiệp xấu, ác. Chẳng bằng người dẫu chỉ sống một ngày mà rõ biết các pháp là sanh diệt, do duyên sanh cũng do duyên diệt, chỉ là giả hợp, không có gì là bền chắc. Khi đã thấy, biết các pháp là sanh diệt từ đó sẽ không chấp thủ, không khởi tâm tham đắm vào các pháp, mà sẽ thấy, biết đúng được bản chất của vạn pháp.

Qua đây, chúng ta cần rõ biết: "Vô thường nghĩa là không chắc chắn, thay đổi. Một trong Ba tính chất của tất cả sự vật. Vô thường là đặc tính chung của mọi sự sinh ra có điều kiện, tức là thành, trụ, hoại, diệt. Từ tính vô thường ta có thể suy luận ra hai đặc tính kia là Khổ và Vô ngã. Vô thường là tính chất cơ bản của cuộc sống, không có vô thường thì không có sự tồn tại; vô thường cũng chính là khả năng dẫn đến giải thoát. Có tri kiến vô thường hành giả mới bước vào Thánh đạo - vì vậy tri kiến vô thường được xem là tri kiến của bậc Dự lưu.

Vô thường là gốc của Khổ vì Sinh, Thành, Hoại, Diệt tự nó là Khổ. Tính Vô thường của Ngũ uẩn dẫn đến kết luận Vô ngã, vì không có gì vừa vô thường vừa Khổ lại là một cái Ngã trường tồn được. Ngoài ra, trong Đại thừa, tính vô thường của mọi pháp dẫn đến kết luận về tính Không". (5)

Vô thường là một định luật tất yếu, chi phối tất cả những sự vật, sự việc đang tồn tại xung quanh nó. Nhưng biết được vô thường giúp chúng sanh rõ biết được sự duyên hợp, tạm bợ của các pháp để không chấp thủ và tạo nghiệp. Biết được vô thường sẽ giúp chúng sanh tinh tấn, nỗ lực tu tập để nhận ra cái chân thường, bất biến. Là một



## TRI ÂM

*Chiều nay không thấm trong màu nắng  
Hoa nở nhưng gì thưở sớm mai  
Tiếng chim lành lớt trong vườn vắng  
Vang mãi cung tơ đến dặm dài*

*Đàn chim soái cánh trong trời rộng  
Thả xuống triền sông nhạc thanh bình  
Lữ khách đắm chiêu thuyền ghé mộng  
Bến mơ yên ả một bờ xanh*

*Sáng nay chim hót lời quen quá  
Hoa nở bừng như một nụ cười  
Hồng gai vừa hé thêm một đóa  
Hạ về theo nắng của xuân tươi.*

thơ **QUY HỒNG**

hành giả, chúng ta cần phải cảnh tỉnh, luôn nhắc nhở bản thân trước sự vô thường, đổi thay để luôn trân trọng từng giây phút mà mình đang thực tu, thực sống. "Tất cả rồi cũng sẽ qua", phải chăng "Một đời người là một rừng cây", nhưng chúng ta hãy luôn là những tàng cây che mát cho những ai đang còn lạc lõng, bơ vơ giữa dòng đời đầy phong ba, bão táp mong cầu tìm về với chốn bình an.

### Chú thích và tài liệu tham khảo:

- 1) Phật Học Phổ Thông, Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, quyển 1, trang 218, Nxb Tôn giáo, năm 2010.
- 2) Kinh Tứ Thập Nhị Chương, trang 168-169, Nxb: Hồng Đức, năm 2008.
- 3) Kinh Di Giáo, trang 63, Nxb Phương Đông, năm 2017.
- 4) Kinh Pháp Cú, số 113, Hòa Thượng Thích Minh Châu, trang 56, Nxb Hồng Đức, năm 2017.
- 5) Kinh Tứ Thập Nhị Chương, trang 102, Nxb Hồng Đức, năm 2018.



# Dư Âm Đồng Vọng

## ĐỒNG THIỀN

Photos: FB Tổng Vụ Truyền Thông  
GHPGVNTN HK & Jean Baptiste Nguyen



Chư tăng ni hành thiền trước đài tưởng niệm tổng thống Abraham Lincoln

Cuộc vui nào rồi cũng tan, buổi sum họp nào rồi cũng phải chia lìa, cho dù cuộc vui, cuộc họp mặt ấy hoan hỷ, thanh tịnh và tràn đầy ý nghĩa. Lễ Phật đản chung ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn đã khép lại, quý thầy đã quay về bốn tự, quý đồng hương Phật tử về lại nhà và tiếp tục công việc mưu sinh.

Đất trời Hoa Thịnh Đốn vẫn trong xanh và cao rộng như tư thuở tạo thiên lập địa. Ấy vậy mà dường như có điều gì khác lạ? Phải chăng là đồng vọng âm thanh và hình ảnh của những ngày lễ Phật đản sinh?

Rõ ràng trong lòng tứ chúng niềm hoan hỷ vẫn còn tràn đầy. Trên mạng xã hội tràn ngập

hình ảnh và những đoạn phim ảnh về lễ Phật đản 2569 Phật Lịch. Quả thật đây là một sự kiện chưa từng có ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn, tưởng niệm ngày đức Phật thị hiện, kỷ niệm 50 năm Phật giáo Việt Nam hải ngoại. Phật giáo đến xứ này kể cũng không ngoài nhân duyên. Vì miền Nam sụp đổ, vì người Việt di tản, vượt biên, vượt biển, đi HO, đi ODP... mà hình thành cộng đồng Việt Nam hải ngoại. Người ra đi mang theo niềm tin Tam Bảo, bảo bọc trong tâm giáo lý Phật đà...

Phật giáo và dân tộc

hay nói cách khác đạo pháp và dân tộc là một khái niệm lịch sử. Đạo Phật đã đồng hành với dân tộc cũng đã 2000 năm nay. Giáo lý Phật đà và văn hóa Việt, triết lý dân gian giao thoa, tác động qua lại lẫn nhau, nương nhau cùng tồn tại. Phật giáo kết hợp với văn hóa, tập quán, căn tính của người Việt mà hình thành nên Phật giáo Việt, dòng Phật giáo mang bản sắc văn hóa Việt. Chính vì thế mà đạo pháp và dân tộc là một sự thật. Nếu người con Phật dù là xuất gia hay tại gia, nếu có lòng tôn kính Phật đà, thực hành và giữ gìn giáo pháp của Phật đà thì không thể nào nói khác, không thể nào thay đổi hay bóp méo cái sự thật hiển nhiên này! Đạo pháp và dân tộc là dung thông đạo và đời, đạo độ đời, đời nương đạo, đời và đạo không thể tách rời nhau. Nói đạo pháp và dân tộc là đúng chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ...

Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc, đồng hành cùng những con người lưu vong ly hương mà hình thành nên một dòng chảy mới bên ngoài quốc gia. Phật giáo Việt Nam đã hình thành và phát triển trên khắp các châu lục: Á,



Kiểu rước Phật trước đài tưởng niệm tổng thống Washington







Âu, Úc, Mỹ, Phi. Nơi nào có người Việt thì nơi đó có dòng Phật Việt. Lịch sử 50 năm Phật giáo Việt Nam hải ngoại so với 2000 năm quốc sử hay 26 thế kỷ Phật sử thì chẳng có là bao, tuy nhiên đây là một thành tựu lớn của cộng đồng tu sỹ và Phật tử Việt ở hải ngoại. Có biết bao nhiêu công sức, tâm lực, tài lực, trí lực của quý hòa thượng, thượng tọa đại đức tăng ni và đồng bào Phật tử đã đổ ra từ những ngày đầu, từ những bước sơ khai. Có thể kể như: Thầy Thích Thiên Ân, Thích Trí Chơn... Kể đến là lớp tăng sĩ Thích Đức Thắng, Thích Thắng Hoan, Thích Mãn Giác, Thích Như Điển, Thích Bảo Lạc, Thích Nguyên Tạng, Thích Hạnh Tấn... Những cư sỹ nhiệt tâm và có năng lực cũng hết lòng vì đạo pháp như: Tâm



Quang Vĩnh Hào, Tâm Huy Huỳnh Kim Quang, Quảng Pháp Trần Triết, Tâm Thường Định Bạch Xuân Phê, Nguyễn Minh Nguyễn Minh Tiến, Văn Công Tuấn...

Năm mươi năm Phật giáo Việt Nam hải ngoại cũng là 50 năm sử của người Việt hải ngoại. Lễ Phật đản chung năm nay tổ chức tại công viên JFK Hockey Field, một công viên rộng lớn ở giữa một quần thể dày đặc các đài tưởng niệm các tổng thống: Washington, Jefferson, Abraham Lincoln, đài tưởng niệm đệ nhị thế chiến, đài tưởng niệm chiến tranh Việt Nam, chiến tranh Triều Tiên... và phía trước là Bạch Cung. Phải nói đây là một địa điểm trọng yếu của thủ đô Hoa Thịnh Đốn, là đất "long mạch", đất "thần kinh" của quốc gia. Để xin được giấy phép để tổ chức lễ Phật đản ở đây là một điều rất khó khăn. Quý thầy, quý Phật tử chùa Giác Sơn (Maryland) đã đem hết khả năng xuất sắc của mình ra để



*Cờ Phật giáo tung bay trong công viên JFK Hockey Field (Washington DC.)*





thuyết phục chính quyền sở tại và họ đã thành công. Lễ Phật đản giữa lòng Hoa Thịnh Đốn thành công một cách mỹ mãn với sự tham dự của hàng ngàn tăng, ni và đồng, bào Phật tử từ khắp các tiểu bang kéo về, từ Úc châu đến, từ Âu châu đến, từ Việt Nam qua. Chưa bao giờ mà Phật giáo Việt Nam hải ngoại từng bừng hoan hỷ như thế này! Lòng tứ chúng mừng vui rộn ràng, vui vì ngày Phật thị hiện ra đời, mừng vì Phật giáo Việt Nam hải ngoại lớn mạnh, vững chãi, được tự do truyền đạo, hành đạo. Lòng tứ chúng hân hoan, tươi sáng, rạng rỡ như hoa. Điều ấy thể hiện trên gương mặt của mọi người. Ngay cả anh chị em thiện nguyện viên dù vô cùng bận rộn với trách nhiệm nặng nề nhưng ai ai cũng đều vui vẻ hoan hỷ. Cà sa quý tăng ni vàng rực trong công viên xanh mướt, lẫn trong sắc vàng cà sa có những bộ cà sa màu đỏ thắm của quý sư thuộc dòng truyền thừa Myanmar, Sri Lanka. Hàng Phật tử thì không cần nói nữa, ai cũng chưng diện thật đẹp. Nam cư sỹ với những tà áo dài lam, nữ Phật tử tung tăng với những tà áo dài đủ màu sắc và kiểu cách khiến cho công viên như muôn sắc gấm hoa. Một rừng cờ năm màu của Phật giáo tung bay trong gió. Ngũ sắc ấy chính là biểu trưng của tín – tấn – niệm – định – huệ; đó là tượng trưng cho ngũ trí Như Lai; là ánh sáng từ hào quang của Như Lai.

Đành rằng kinh Kim Cang có câu: “Dĩ sắc tướng cầu ngã/ dĩ âm thanh cầu ngã...” tuy nhiên ở thế giới tục đế, thế giới đời này, con người phần nhiều phước mỏng nghiệp dày, mê sâu huệ cạn, tình chấp sâu nặng... Nếu không lấy sắc tướng và âm thanh để độ thì độ bằng gì? Trình độ và căn cơ của đại chúng không thể nói chuyện tánh không – bát nhã. Phàm con cháu nói kính yêu cha mẹ thì phải biểu hiện bằng hành động cụ thể chứ không thể nói suông hay chỉ là giữ trong tâm ý. Việc tôn kính Phật, thờ Phật, lễ Phật... cũng thế! Khi chưa đủ năng lực, trí huệ, căn cơ mà vội chấp lý bỏ sự thì hòng, thả rằng chấp sự bỏ lý vẫn còn có lợi ích nhất định.

Tưởng niệm ngày Phật đản sanh, kỷ niệm 50 năm Phật giáo Việt Nam hải ngoại là sự thể hiện cụ thể lòng tôn kính Phật, thực hành giáo lý Phật đà, nhớ ơn thầy tổ, quan hoài đến đất nước và dân tộc.

Kỷ niệm ngày Phật đản sanh, tưởng niệm 50



năm Phật giáo Việt Nam hải ngoại cũng là cái lẽ tự nhiên. Chẳng ai cầu hay mong muốn làm như thế! Đó là hoàn cảnh tự nhiên nó thế, tất cả diễn ra như thế. Nhân như thế, duyên như thế nên sự việc như thế!

Phật giáo Việt nam hải ngoại 50 năm hình thành và phát triển chẳng phải do mong cầu mà ra, chẳng có ai định đoạt mà thành, muốn không được mà không muốn cũng không xong, tất cả tự nhiên như thế!

Đức Phật thị hiện ra đời cũng vì một đại sự nhân duyên khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến. Đức Phật nhập niết bàn cũng vì nhân duyên đã viên mãn. Lễ Phật đản 2569 và lễ kỷ niệm 50 năm Phật giáo Việt Nam hải ngoại cũng không ngoài nhân duyên. Tất cả mọi sự vật, sự việc ở thế gian này cũng đều vì nhân duyên mà thành và cũng vì nhân duyên mà diệt. Tất cả vì nhân duyên là hợp rồi cũng vì nhân duyên mà tan. Đại lễ Phật đản 2569 và kỷ niệm 50 năm Phật giáo Việt nam hải ngoại dù có trang nghiêm, thanh tịnh, hân hoan và tràn đầy ý nghĩa rồi cũng khép lại. Duy cái dư âm còn đồng vọng trong lòng người, dư ảnh còn lung linh trong tâm tưởng của những người con Phật.

Washington DC. 0425  
**Đồng Thiện**





# RAU SPINACH

*Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức*

Y KHOA PHỔ THÔNG

Spinach được trồng đầu tiên ở xứ Ba Tư vào khoảng hơn 2000 năm về trước và được dân Ả Rập tôn xưng là "Hoàng tử của các loài rau". Vào khoảng năm 647 trước Công nguyên, rau du nhập Trung Hoa khi Vua xứ Nepal cống hiến Hoàng đế Tai Tsung nhà Đường một loại rau quý giá nhất của vương quốc. Spinach tới Tây Ban Nha vào khoảng năm 1100, rồi từ đó rau trở nên rất phổ biến ở mọi quốc gia.

Hiện nay, Trung Hoa cung cấp tới 74% số lượng spinach trên toàn thế giới, rồi đến Hoa Kỳ. Bên Mỹ, spinach được trồng quanh năm khắp nơi. Tiểu bang California cung cấp quá nửa số lượng spinach trên toàn nước Mỹ, rồi đến Texas, Colorado, Florida...

Cách nay mấy chục năm, tại Hoa Kỳ, giá trị dinh dưỡng của spinach được quảng bá qua phim hoạt họa "Người Thủy Thủ Popeye" -Popeye, the Sailorman-. Bình thường, Popeye có thân hình nhỏ bé, xíu trai, miệng móm, lúc nào cũng phì phèo ngậm cái ống điếu. Ấy vậy mà khi thấy có người gặp hoạn nạn cần cứu giúp, là anh ta ra tay nghĩa hiệp ngay. Anh chỉ cần mở một hộp spinach chế biến, dốc hết vào miệng, nuốt trôi là nửa phút sau thân hình đã trở nên to lớn, bắp thịt cuộn cuộn, đầy sinh lực. Anh chạy như bay tới cứu người cô đơn, yếu đuối đang bị uy hiếp...

Có nhiều loại spinach khác nhau, mỗi loại được trồng vào thời gian khác nhau thích hợp với thời tiết từng mùa trong năm. Spinach có thể mọc trên mọi loại đất, nhưng tốt hơn nếu là đất cát có lẫn phân động vật, khoáng boron, chất hữu cơ nitrogen. Spinach rất nhạy cảm với đất có nhiều acid, nên cần thử độ acid của đất trước khi trồng.

Muốn rau có phẩm chất cao, cần tưới đều đặn để giữ cho đất luôn luôn ẩm. Trồng sau một tháng là rau có thể sẵn sàng ăn được, nhất là vào mùa có khí hậu mát lạnh. Giá lạnh của mùa đông không ảnh hưởng tới sự tăng trưởng của rau.

Sau khi thu hoạch, rau được rửa sạch rồi vô bao bì, cất giữ trong phòng đá để gửi tới nơi phổ biến, tiêu thụ.

Lá và cuống spinach đều có thể ăn được. Cuống có nhiều chất đường thực vật, rất tốt cho cơ thể. Lá rau rộng bản, nhăn nheo hoặc phẳng, có nhiều thù ở gốc.





# GIÁO HỘI VÀ QUYỀN LỰC

*Lôi Am*

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Tôn giáo, từ thời nguyên thủy cho đến thời hậu hiện đại, luôn đứng trước một câu hỏi: nên đứng ở đâu giữa cuộc chơi quyền lực của thế gian? Và nên hành xử thế nào để không phản bội bản thể tâm linh mà vẫn hiện diện giữa đời sống xã hội, chính trị và con người? Câu hỏi ấy, tưởng như trừu tượng, nhưng lại mang tính sống còn – không riêng đối với sự tồn tại của một Giáo Hội, mà còn là thước đo chân chính cho phẩm chất của một nền tín ngưỡng đích thực.

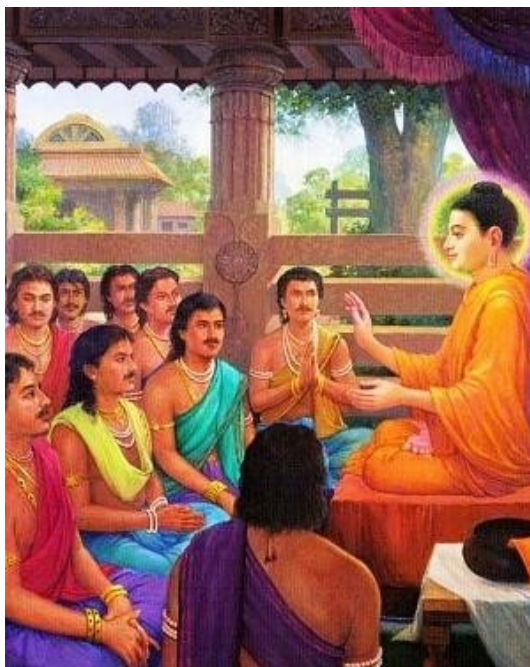
Tôn giáo không thể làm ngơ với chính trị. Đó không phải là một tuyên bố thời thượng, mà là một xác quyết có gốc rễ trong chính bản hoài của đạo. Chính trị, nếu hiểu đúng nghĩa – không phải là đảng phái hay mưu đồ thống trị – mà là sự tổ chức đời sống xã hội, là nơi vận hành của các giá trị công lý, nhân phẩm, tự do và đạo lý. Và ở nơi đó, tôn giáo không thể vắng mặt. Một Giáo Hội chân chính không thể tự giam mình trong tháp ngà giáo lý, không thể khép chặt cánh cửa trước tiếng kêu của những oan khiên, bất công, thống khổ. Ngược lại, chính từ lòng bi mẫn và trí tuệ, tôn giáo phải cất tiếng, phải hành động, phải nhập thế, nhưng tuyệt nhiên không để bị thế quyền lôi kéo vào quỹ đạo thống trị.

Có một ranh giới vi tế nhưng quyết liệt giữa “dẫn thân” và “đồng lõa”. Khi tôn giáo lên tiếng cho người cùng khổ, đòi hỏi công lý cho kẻ bị áp bức, đó là dẫn thân. Nhưng khi tôn giáo im lặng trước sự thật, hưởng thụ đặc quyền từ chính quyền, hay thậm chí chúc tụng và bảo vệ quyền lực bất minh, thì đó là đồng lõa. Một khi Giáo Hội không còn khả năng phản tỉnh chính mình, không còn khả năng nói “không” trước cái ác, thì dù có hàng vạn cơ sở, hàng triệu tín đồ, nó vẫn chỉ là một thân xác khổng lồ khổng linh hồn.

Lịch sử đã để lại không ít bài học chua chát. Trong nhiều thời kỳ, tôn giáo từng là công cụ biện minh cho chiến tranh, kỳ thị và đàn áp. Từ những thập tự chinh đầm máu, đến những cuộc tàn sát nhân danh chính nghĩa thiêng liêng, hay những nhà sư bị ép phải trở thành công chức của chế độ, tất cả là những nỗi xót xa cho một tôn giáo đánh mất phương hướng. Khi quyền lực thế

tục đội lốt tín ngưỡng, khi những giáo quyền biến thành công cụ trấn áp lương tri, thì ánh sáng của đạo không còn chiếu rọi mà chỉ còn là thứ ánh sáng giả kim – phản chiếu sự hư danh, sự lừa dối và tha hóa.

Phật giáo – một đạo lý lấy từ bi và trí tuệ làm căn bản – từng nhiều lần đối diện với thử thách này. Đức Phật không lập quốc, không giành ngai vàng, không can dự vào quyền lực chính trị, nhưng Ngài không hề làm ngơ trước thời cuộc. Khi vua Ba-tư-nặc lạm dụng quyền hành, khi các giáo phái cổ xúy hình phạt tàn khốc, Đức Phật lên tiếng. Nhưng tiếng nói ấy không nhằm lật đổ hay chiếm đoạt, mà để khai thị, để thức tỉnh, để đưa ánh sáng tinh thức vào nơi tối tăm của vọng tưởng quyền lực. Ngài dạy các đệ tử: “Không tranh cãi, không đồng lõa, không khởi lên sự căm phẫn, nhưng phải có chánh kiến.” Đó là bản lĩnh mà một Giáo Hội cần có: không bị mua chuộc bởi thế lực, không bị lay động bởi ân sủng, mà cũng không tự co rút trong sự im lặng an



toàn.

Trong thế giới hiện đại, sự phân lập giữa tôn giáo và chính quyền trở thành một nguyên tắc phổ quát. Nhưng phân lập không có nghĩa là ly khai đạo lý khỏi đời sống xã hội. Trái lại, chính trong môi trường ấy, Giáo Hội càng cần phải giữ vững lập trường độc lập, không ngả nghiêng theo chính sách, không biến mình thành bộ phận truyền thông của bất kỳ chế độ nào. Mỗi khi Giáo Hội đặt bút ký những văn bản theo lệnh, ban hành giáo lý theo định hướng, hoặc trừng phạt theo chỉ thị chính trị, thì khi ấy, ranh giới giữa đức tin và thủ đoạn đã bị xóa mờ.

Có một nghịch lý trở trêu: nhiều khi Giáo Hội nhân danh sự “hòa thuận” để chấp nhận quyền lực, nhân danh “làm lợi ích chúng sinh” để im lặng trước bất công, và nhân danh “khế cơ” để tiếp nhận những vinh danh phù phiếm từ nhà nước. Nhưng hòa thuận không có nghĩa là thỏa hiệp với cái sai. Lợi ích chúng sinh không thể đồng hành với sự bóp méo sự thật. Và khế cơ – nếu không đi cùng với chánh pháp – chỉ là sự giả danh để né tránh trách nhiệm.

Chính vì thế, điều tối quan trọng là giữ gìn “nội lực” của Giáo Hội. Nội lực ấy không đến từ những cơ sở đồ sộ hay từ số lượng tín đồ, mà đến từ khí chất tinh thần – một tinh thần biết quay về cội nguồn chánh pháp, biết đứng lên khi cần thiết, biết im lặng khi khôn ngoan, và biết nói sự thật khi sự thật bị che giấu. Nội lực ấy phải được hun đúc từ giới hạnh, từ định lực, từ trí tuệ và từ lòng dũng cảm – dũng cảm để không sợ hãi trước quyền uy, nhưng cũng không kiêu ngạo trước số đông.

Người tăng sĩ, nếu thực sự giữ giới, giữ đạo, thì sẽ không sợ hãi khi đứng trước cường quyền. Vì tâm không còn vị kỷ, thì còn gì để mất? Và cư sĩ, nếu thực sự hiểu đạo, thì sẽ không chạy theo phong trào, cũng không thần thánh hóa một cá nhân hay hệ thống, mà sẽ trở thành những hạt nhân thức tỉnh trong lòng xã hội. Chính từ sự tương tác ấy – giữa Giáo Hội và quần chúng Phật tử – sẽ tạo nên một lực đạo vững chãi, đủ sức đối diện và chuyển hóa bất kỳ thế chế nào, mà không bị hòa tan.

Giáo Hội không phải là một tổ chức quyền lực, càng không phải là một công cụ hành chính. Giáo Hội là cộng đồng của những con người tinh thức. Trong ý nghĩa đó, Giáo Hội có thể lên tiếng cho công bằng xã hội, có thể phản đối chiến tranh, có thể bảo vệ môi trường, có thể bệnh vực người yếu thế. Nhưng tất cả phải xuất phát từ cái tâm không vướng mắc, không phân biệt, không thù hận. Một vị Tăng không chống lại ai, nhưng cũng không vì ai mà đánh mất bản thể giải thoát. Một Phật tử không nhất thiết làm chính trị, nhưng phải có chính kiến. Và một Giáo Hội, nếu không giữ được ánh sáng của chánh pháp, thì sớm muộn gì cũng sẽ bị lôi kéo vào cơn lốc tan rã của quyền lực thế gian.

Không phải ngẫu nhiên mà trong giới luật Phật giáo, luôn nhấn mạnh đến sự “không lệ thuộc vào thế lực thế gian.” Trong Luật tạng, Đức Phật từng cấm các Tỷ-kheo nhận ân huệ từ vua chúa mà đánh đổi giới hạnh. Ngài biết rõ sự hư hỏng của Tăng đoàn không đến từ kẻ địch bên ngoài, mà đến từ sự hủ hóa bên trong. Khi một vị Tăng quan tâm đến chuyện “ai bổ nhiệm,” “ai chấp thuận,” “ai có chức quyền” hơn là giới luật và lý tưởng tu học, thì đó là sự khởi đầu của suy tàn.

Nhưng làm thế nào để không bị cuốn vào chính trị mà vẫn không vô cảm với xã hội? Làm thế nào để một Giáo Hội vẫn đồng hành cùng dân tộc mà không bị chi phối bởi chế độ? Câu trả lời, có lẽ, không nằm ở lý thuyết mà ở sự thực hành tinh thức. Chỉ có tinh thức – nghĩa là luôn soi sáng chính mình – mới giúp ta không rơi vào cực đoan. Chỉ có sự lặng thinh của trí tuệ – chứ không phải sự im lặng của hèn nhát – mới là nền tảng cho một hành động đúng đắn. Và chỉ khi Giáo Hội tự thấy mình là người giữ đuốc giữa đêm – không phải là người được tán thưởng dưới ánh đèn – thì mới có thể đi xa.

Sau hơn hai ngàn năm tồn tại, Phật giáo đã trải qua bao cuộc hưng thịnh và suy vong. Nhưng điều khiến đạo Phật vẫn tồn tại không phải là nhờ sự chống lưng của chính quyền, mà nhờ vào

sức mạnh của giới hạnh và sự thật. Những bậc Cao Tăng, những bậc thạch trụ của đạo, chưa bao giờ cần đến sắc phong hay ngai vàng. Các Ngài chỉ cần một chỗ yên để thiền định, một tâm không sợ hãi để dẫn thân, và một đời sống thanh tịnh để truyền trao ánh sáng. Đó mới là Giáo Hội đích thực: một cộng đồng của những con người sống và chết cho sự thật.

Ngày nay, khi thế giới đầy biến động, khi thông tin là vũ khí, khi nhà nước và tôn giáo dễ bị hoán đổi vai trò, thì trách nhiệm của Giáo Hội càng lớn. Giáo Hội phải là nơi nói lên sự thật khi sự thật bị bẻ cong. Là nơi bảo vệ lẽ phải khi lẽ phải bị chà đạp. Là nơi dưỡng nuôi tâm linh khi đời sống bị vật hóa. Và là nơi khởi phát cho những cuộc cách mạng vô ngôn – cách mạng bằng từ bi, bằng trí tuệ, bằng sự lặng lẽ nhưng kiên cường của đạo hạnh.

Không phải ai cũng có thể giữ vững lập trường ấy. Nhưng nếu không ai giữ, thì ai sẽ là người thấp đuốc? Và nếu Giáo Hội buông tay, thì còn ai để người dân nương tựa giữa cơn lốc của hư dối và quyền lực?

Bây giờ, nơi đây không nhằm kết tội ai, không nhằm vào bất kỳ thế chế nào, mà chỉ là một lời trần trở chung. Trần trở rằng đạo không thể xa đời, mà cũng không được khuất phục trước đời. Trần trở rằng quyền lực, nếu không có giới hạn, sẽ trở thành ác lực. Và, nếu tôn giáo không còn là ánh sáng, thì sẽ chỉ là chiếc đèn không tim, cháy leo lét trong một thế giới đang lạnh dần vì thiếu vắng niềm tin.

*Phật lịch 2569-Dương lịch 14.05.2025*  
*Lôi Am ẩn tự*





## NIỆM PHẬT

Pháp môn Tịnh Độ thâm sâu  
Nhất tâm niệm Phật pháp mầu hiển linh  
Không còn si ái vô minh  
Tâm được thanh tịnh quang minh sáng ngời  
Không còn vọng tưởng rối bời  
Chẳng còn ô nhiễm, tâm thường sạch trong  
Mãn phần thân thức siêu thắng  
Hóa sanh Cực Lạc, sen vàng ngát hương  
Chấm dứt sanh tử vô thường  
Đã từng nhiều kiếp nổi trôi sáu đường  
Quan Âm, Thế Chí đón mừng  
Chư Thiên hoan hỷ từng bừng hát ca  
Thoát vòng bể khổ Ta Bà  
Không còn trở lại đời sau đọa đầy  
Người có tuệ nhãn thâm sâu  
Nên thường phát nguyện sanh về Tây Phương  
Cực Lạc tuổi thọ vô lường...  
Không già, không chết, không vương nghiệp trần  
Bánh xe sinh-tử ngừng quay  
Luân hồi chấm dứt! Ta về nhà xưa!  
Trời Tây sen đủ sắc màu...  
Hồng, vàng, tím, trắng... nước hồ trong veo  
Không hạt bụi nào bám theo  
Người sinh cõi Phật từng gieo nhân lành  
Nhiều đời tu tập thiện căn!

## CHUÔNG NGÂN

Mắt ai xanh ngắt bầu trời  
Như màu trời ấy xanh ngời mắt ai  
Đầm đìa những giọt sương mai  
Như là nước mắt của giai nhân sầu  
Tháng ngày vun vút qua mau  
Mắt xanh giờ đã nhuộm màu hoàng hôn  
Niềm vui chưa trọn đã buồn  
Nụ cười chưa tắt lệ tuôn ướt đầm  
Chùa trên vọng tiếng chuông ngân  
A Di Đà Phật đêm ngày niệm danh.



## LUÂN HỒI

Cuộc trà chùng đã mới mòn  
Hương cau bay chợt nhớ cồn cát xa  
Lang thang đi giữa hai bờ  
Quê xưa biển biệt vẫn hờ hững... quên  
Để rồi chuốc lấy lụy phiền  
Để rồi sanh tử bao phen luân hồi  
Đời như bèo dạt, hoa trôi  
Trăm năm nhìn lại hồi ơi còn gì!

## TÂM NGUYỆN

Trời còn gió lộng mưa ào  
Chim còn lạnh lốt ngọt ngào ngoài hiên  
Đời còn mang nặng ưu phiền  
Ta còn đi mãi cuối miền lãng du  
Yêu người ta hát lời ru  
Thương đời ta nguyện cho mù sương tan  
Không còn mái lá nghèo nàn  
Không còn khổ cảnh làm than cơ hàn!

thơ **DIỆU VIÊN**



# Cởi trói

(Tập 2, tức **Phương Trời Cao Rộng 5**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

## CHƯƠNG MƯỜI SÁU

Ngày tôi xách giỏ rời phòng tập thể đi biệt giam là ngày thứ Sáu, 27 tháng 6 năm 1986. Tức là chỉ còn 3 ngày nữa là đến kỳ thăm nuôi cuối tháng. Tôi nhớ được chi tiết ngày tháng này là vì lúc đó tôi nghĩ rằng có lẽ người ta cố ý biệt giam tôi trước ngày thăm nuôi để tôi không có cơ hội nhận quà, cũng chẳng có cơ hội liên lạc với gia đình của tôi hay gia đình của các anh Tàu trong phòng giam, khỏi thông báo tin tức gì với "gián điệp Trung quốc."

Khu biệt giam này chẳng biết là khu biệt giam tử hình hay là khu biệt giam kỷ luật. Có lẽ hai khu ấy cũng chẳng khác biệt gì cho lắm. Chỗ tôi đến có hai căn nhà, một căn lợp ngói có anh cán bộ ngồi hút thuốc nơi chiếc bàn giấy chỉ có độc nhất một cuốn sổ; một căn khác là căn nhà đúc vuông vức, quét vôi trắng, bằng phẳng ở

phía trên, mỗi cạnh khoảng sáu thước.

Khoa giao tôi cho một viên cán bộ trực khu biệt giam đang ngồi nơi chiếc bàn ở một dãy nhà nhỏ nhỏ gần khu biệt giam. Hai người nói nhỏ với nhau gì đó. Anh cán bộ trực ở khu biệt giam nhìn tôi từ đầu đến chân một lúc rồi bảo tôi đưa giỏ đồ cho anh khám xét. Anh bốc tung hết giỏ thức ăn và mùng mản của tôi lên bàn, xăm xoi xét nét từng món, rồi anh thồn hết các thứ vào lại trong giỏ, lộn xộn không cần ngăn nắp. Xong đâu đó, anh ngoắc tôi đến gần bàn, bảo gác một chân lên cái băng ghế, rồi anh lấy một vật bằng sắt có hình chữ U, hai đầu chữ U có khoen tròn, móc vật ấy vào cổ chân tôi; tay kia anh cầm một thanh sắt dài chừng nửa thước, đường kính chừng hai phân, khá nặng, xỏ luồn qua hai khoen tròn ở hai đầu chữ U. Ở đầu thanh sắt nặng

vừa xỏ qua, có một cái lỗ, anh móc vào đó một khoen sắt tròn nhỏ há miệng sẵn thay vì móc vào một ổ khoá, rồi anh lấy cái kềm lớn bóp hai đầu khoen sắt nhỏ ấy lại cho sát. Xong việc này, anh cầm chìa khoá, bảo tôi bước theo đến căn nhà đúc vuông.

Tôi phải khó nhọc lắm mới xách cái giỏ bước đi mà không vấp té vì thanh sắt dài nặng nề phía chân phải cứ vấp vướng vào chân trái. Có khi chân trái dậm phải đầu thanh sắt khiến cổ chân phải bị trĩ xuống, đau buốt.

Căn nhà đúc vuông vức này đứng ngoài thì trông như một cái nhà vệ sinh công cộng, mà bước vào trong thì càng giống nhà vệ sinh công cộng hơn, hôi thối nồng nặc. Anh cán bộ phải lấy tay bịt mũi, tay kia cầm chìa khoá với cái chìa lớn đã lựa sẵn lúc ở bên ngoài, nhón chân bước trên những viên gạch đúc đặt dưới nền hành lang lầy lội



nước tiểu hay thứ nước gì đó vàng quện, cô sắc lại, ruồi nhặng bay vù vù. Hành lang có chiều ngang chừng một thước rưỡi, chiều dài thì chạy dọc từ đầu dãy đến cuối dãy, tức cũng đầu chừng sáu thước. Hành lang ở giữa, chia khu biệt giam thành hai dãy, một dãy gồm 4 phòng, đối diện nhau. Như vậy, mỗi phòng biệt giam có chiều ngang khoảng hơn một thước và chiều sâu chưa đến hai thước; và mỗi phòng biệt giam có một cửa sắt và ổ khoá riêng; mỗi cửa sắt có một lỗ thông gió có then cài bên ngoài.

Anh cán bộ mở cửa xong ra đầu cho tôi bước vào. Tôi khó nhọc kéo lê thanh sắt nặng dưới đất, chệnh choạng mò mẫm bước lên những viên gạch lồi dưới nền ngập nước. Mùi nước tiểu hăng nồng bốc lên mạnh đến độ khi vừa bước vào tôi đã giật nảy người lên, sau đó hình như khứu giác của tôi liền biến mất đi, và tôi tưởng chừng tôi đã bị tịt mũi hoặc không còn cái mũi trên mặt mình nữa.

"Nhanh lên, chậm thế!" viên cán bộ thúc hối.

Tôi bước vào phòng giam mở cửa sẵn, chưa kịp bỏ giỏ đồ xuống đã nghe cửa sắt đánh ầm một tiếng rồi có tiếng khóa lách cách thật nhanh bên ngoài. Bên trong tối đen như mực. Tôi chẳng thấy được gì ngay cả bốn vách tường mà từ bên ngoài, tôi biết là được quét vôi trắng. Định thần một lúc cho thị giác điều chỉnh thích hợp với bóng tối, tôi biết tôi đang đứng ở nền thấp; cao hơn chỗ hai chân tôi là một cái bệ, cao chừng hai tấc, bề dài khoảng một thước bảy, bề ngang chừng hơn một chiều đơn (tám tấc). Tôi đặt giỏ xuống cái bệ đó rồi cúi nhìn xem trên bệ có được sạch không. "Hắn là không sạch rồi," tôi thầm nhủ, "nhưng ít ra cũng khô ráo chứ không nhớp nháp linh xính như phía dưới nền. Tôi bỏ dép bước lên bệ nhưng quên mất cái thanh sắt cùm ở cổ chân nên vấp một cái, loạng choạng té chồm tới trước, hai tay chống vội vào vách, gượng đứng lại, nhưng không tránh khỏi cổ chân bị cái cùm sắt nghiền vào da, tựa như bị xéo thịt.

Ngồi xuống bệ, tôi vừa lấy

tay sờ soạn vừa nhướng mắt nhìn xem còn có nhân vật nào ngồi sẵn trong phòng không. Không, không có ai cả. Một mình tôi một phòng giam. Như vậy cũng khỏe. Tôi thích được một mình. Ở phòng tập thể hơn một năm kể cũng vui, nhưng tôi cũng thực sự cần được sống một mình một cũi như trong phòng biệt giam này. Biết không có ai trong phòng, tự dưng tôi thấy lạc quan, vui vẻ. Và tôi sắp xếp chỗ nằm của mình. Trải chiếu chiếu đơn của mình xuống, vừa vặn với cái bệ, chẳng dư chẳng thiếu. Thức ăn lấy ra khỏi giỏ, đặt dọc theo đầu nằm. Cái giỏ đựng với chăn mùng và áo quần bên trong đặt nơi đầu nằm làm gối, đầu hướng vào vách trong, chân đưa ra ngoài cửa. Sắp xếp xong, tôi ngồi một lúc thì bỗng cười lên một tiếng. Họ tưởng giam tôi như vậy thì tôi sẽ khổ sở hơn, không dè tôi càng thích thú, sung sướng hơn nữa là đằng khác. Chỉ có cái là hơi ngộp thôi. Ừa, mà phòng giam không có nhà cầu thì làm sao... hèn gì nãy giờ thấy như thiếu thiếu cái gì. Phòng biệt giam ở T20 (số 4 Phan Đăng Lưu, Bà Chiểu, Sài Gòn) rộng rãi, sạch sẽ vì có riêng nhà cầu và vòi nước chảy mỗi đêm. Ở đây hoàn toàn không có những thứ xa xỉ ấy. Hừm, tiết kiệm gì mà tiết kiệm dữ vậy kia! Tôi lại mò mẫm trong bóng tối, tìm thứ xem đâu đó ở bên dưới nền có một cái lỗ gì không. Không, hoàn toàn không. Chỉ có một cái lon để trong góc. Đây là loại lon mà người ta dùng đựng nước sơn, đường kính chừng một gang tay, bề cao một gang rưỡi, có quai xách bằng gọng thép. Vậy là nhà cầu xa xỉ của xã hội tư bản đã được cải biến, thu gọn lại thành cái lon sơn xã hội chủ nghĩa. Cứ lum khum ngồi trên cái lon kiểu đó một cách cẩn trọng, khéo léo, chính xác và đầy chú tâm thì sẽ thấy ngay các đức tính "cần kiệm," "liêm chính," "chí công" và "vô tư" hiện ra đầy đủ trên nét mặt.

Mỗi ngày hai bữa cơm, có

anh nuôi đưa đến tận nơi. Anh nuôi cũng đảm trách việc đem đồ cái "động sản" cầu tiêu của các phòng biệt giam vào mỗi chiều rồi đưa trả lại cho mỗi phòng một cái lon đã được dội nước. Có người phục vụ như vậy thì còn đòi hỏi gì nữa! Có điều, mỗi lần đưa cái lon cho anh nuôi đem đi đổ, tự dưng thấy ngượng. Rõ ràng quá mà, tác giả là đây, chối chạy đằng nào!

Các phòng biệt giam ở đây đêm như ngày như nhau, tối thui vì không có bắt bóng điện. Ở hành lang thì có hai bóng, một cái đầu này, một cái đầu kia, chỉ được bật lên vào 6 giờ chiều. Ánh sáng hành lang ban ngày thì do nắng, ban đêm thì do bóng điện, không lọt vào nổi cánh cửa sắt kín mít. Chỉ khi nào cửa gió được anh cán bộ trực tử tế nào đó mở cho thì mới có chút ánh sáng lọt vào, vàng vọt, đủ để thấy cái miêng lon sơn tròn méo ra sao. Tôi không lấy điều này làm chuyện phiền hà. Đôi lúc trong cuộc đời, bóng tối và sự cách ly với xã hội thật cần thiết. Nó cho phép mình quay trở về, nhìn vào cái mịt mùng vô tận của tự tâm. Mình đối diện mình, nói chuyện với mình, tiếp xử với mình, suy nghĩ với mình. Không lúc nào mình được tự do đến như vậy.

\*\*\*

*Một luồng gió lạnh từ đầu cuộn cuộn vào dãy hành lang nghe như tiếng hú rừng rợn của một hung thần hay ác quỷ nào đó. Khu biệt giam của nẻo kín mít, gió chỉ có thể len vào, lượn vào, chứ làm gì có đường tận vậy! Gã mặt sẹo vừa suy nghĩ vừa chồm đứng dậy đã nghe tiếng gió lảng xuống từ từ rồi im bặt, rồi đâu đó ở đầu dãy hay cuối dãy hành lang bên ngoài, có tiếng một sợi xích sắt hay cái cùm sắt dài hình như là từ đôi chân của ai đó, kéo lê trên nền đất nghe lạnh xương sống. Chắc phải là một khối sắt nặng mới khiến cho bước chân của người kia có vẻ khó khăn, đầy cố gắng. Khung cửa gió nhỏ hẹp duy nhất của phòng biệt giam đón nhận ánh sáng lơ mơ của hành lang nay bỗng tối mịt*



vì hình như đèn ngoài hành lang phụt tắt từ lúc có gió hú. Tiếng sắt tiếp tục kéo lêch xêch, rón rảng trên nền. Bỗng đầu đó ở một phòng biệt giam có tiếng thét lên hãi hùng. Rồi tiếng chân và tiếng sắt lại lê đi, từng bước chập choạng rồi ngừng, lại có tiếng thét lên kinh hãi... Có vẻ như là kẻ mang xích sắt kia đi dọc theo hành lang, bước đến mỗi phòng biệt giam thì dừng chân nhìn vào cửa gió, và người ở bên trong cửa gió thét lên. Tiếng bước chân và xích sắt lại tiếp tục lê tới, và bây giờ thì ngay trước cửa gió. Gã mặt sẹo lộ mặt ra, nhìn. Một gã tù nhân to lớn dềnh dàng, đầu hớt xưng xưng chỗ dày chỗ thưa, mặt mày xanh lét, mắt lộ trắng nhớn, mũi khoằm, hai môi dày, hai khoé miệng kéo xuống mà môi dưới lại đưa ra để lộ hàm răng đen xín và ở góc trái ánh lên một cái răng vàng. Hắn mặc chiếc áo bà ba màu trắng ngà, có dính nhiều vết máu; quần vải thô màu nâu xưng xình, rách nát. Tay vác một cái túi nhỏ, vắt lên vai—có lẽ chỉ là một túi đồ đạc linh kinh của tù nhân. Chân hắn chẳng mang giày dép gì và

trên cổ chân phải, một cái cùm với dây sắt xỏ ngang dài cỡ một thước! Thảo nào hắn đi chậm chạp mà nặng nề đến thế.

Thấy gã thanh niên mặt sẹo quan sát mình từ đầu đến chân với một thái độ bình tĩnh, hắn ngạc nhiên nhìn trân trân. Hắn không ngờ lại có một kẻ cả gan không tỏ lòng sợ hãi trước sự hiện diện của hắn. Hai gã đưa mắt ngó nhau một lúc.

"Người là ai?"

"Người là ai?"

"Người có quyền hỏi lại ta như thế à?"

"Sao lại không. Người là tù, ta cũng là tù, ai có quyền hạn hơn ai đâu kia!"

"Hừ, thẳng nhóc, giọng tai mà nghe ta nói này: ta là chúa ngục ở đây!"

"Chúa ngục? Ô, chúa ngục thì sao chứ? Cũng là một tù nhân như ta thôi."

"A cái thẳng nhãi con này, mày thật là chẳng biết trời cao đất rộng! Mày không biết rằng ta đây bước ngang chỗ nào thì đám tù nhân phải rạp mình xuống mà run lên bần

bật, chẳng đứa nào dám hé mắt nhìn lên sao chứ!"

"Sao vậy?"

"Sao à? Thì... tại ta là chúa ngục."

"Người làm gì mà đám tù kia phải sợ chứ?"

"Ha ha, ta có cần phải làm gì đâu, nhưng bọn chúng chỉ cần nghe đến tiếng ta, chỉ cần thấy được hình dong ta, thì tự khắc phải rạp người xuống, ngưỡng vọng, sợ hãi! Bởi vì ta là chúa ngục, ta là thẳng tù lâu nhất của trại giam! Người biết không, ta đã ở đây hơn một trăm hai mươi năm rồi đó thẳng nhóc con! Ta là thẳng tù bất tử của trại giam, sống ở đây từ thời trại giam này chỉ là một cái đồn của tội thực dân, người đã nghe rõ chưa!"

"Ô, té ra là vậy. Nhưng ở tù lâu thì ăn nhắm gì đến ai mà phải sợ chứ. Còn bắt tử ư? Hừ, trăm năm hay hai trăm năm thì có gì lâu mà gọi là bất tử. Huống chi, ta đây chưa hề nghe nói đến cái bắt tử của một sinh vật hữu sinh bao giờ cả. Hề có sinh ắt phải có tử, làm gì có chuyện bất tử chứ!"

"Nhưng ta bất tử."

"Xì, chỉ tưởng tượng thôi. Cái gì chứng minh nhà người bất tử, nói ta nghe nào?"

"Thì ta còn sờ sờ ra đây này. Hơn một trăm hai mươi năm, lúc ấy ta là một thanh niên theo Quân Sư kháng Pháp trong phong trào Dân chúng Tự vệ ở Biên Hòa. Ta được cất công tác đi liên lạc với lực lượng của ông Thủ Khoa Huân nhưng bị bại lộ, bọn lính Pháp cùm chân ta, tra khảo, bỏ đói cho đến chết..."

"Ô, té ra người là một anh hùng kháng Pháp, cái này thì thẳng anh em song sanh của ta nó thích nghe, thích tìm hiểu, chứ ta thì mù tịt, ta không thích chính trị. Hờ, tội nghiệp cho người, nhưng vậy là người đã chết, có bất tử gì đâu kia!"

"Bất tử là vì tuy ta chết từ năm 1863 nhưng đến nay là 1986 ta hãy còn đứng đây nói chuyện với nhà người, người chẳng thấy lạ đó sao? Vì chỉ đến hôm nay ta đã sống được 138 tuổi. Có thẳng già nào trên đời này thọ cỡ đó không, hả thẳng nhóc?"

"Hãy, cái chuyện sống lâu thực ra chẳng có gì mà phải



hãnh diện! Quan trọng là nhà người đã sống như thế nào mà thôi.”

“Ha, sống như thế nào! Ta đây tuổi trẻ xung phong theo quân kháng chiến đánh đuổi quân thù, bị giam rồi bỏ đói đến chết cũng không chịu khai ra những căn cứ bí mật của phe mình. Ngần ấy đủ ngẩng mặt nhìn đời chưa hả thẳng nhóc? Còn tụi bây hả, chỉ là đầu trộm đuôi cướp, ấu dả, chém lộn, say sưa... mà vào đây thôi. Cho nên, đã hơn trăm năm rồi, một phần cũng vì cái chết chính nghĩa của ta mà chưa thẳng nào dám tranh cái ngôi chúa ngục của ta cả.”

Tên mặt sẹo cười ngất. Chúa ngục đưa nắm đấm lên như trước mặt tên mặt sẹo.

“Sao nhà người cười? Muốn ăn cái đấm này không hả?”

“Ta cười vì nhà người có khí khái anh hùng, biết sống và chết cho lý tưởng của nhà người, nhưng lại không biết buông bỏ cái hão vị hư danh chẳng có chút thực tế nào cả—nhất là cái ngôi vị chúa ngục, thực ra là cái quái gì đâu! Giả như chúa ngục mà có thể trọn quyền sinh sát, bắt giam, trả tự do, chia cơm ăn, áo mặc cho cả cai ngục lẫn tù nhân thì cũng tạm cho là có chút quyền uy đi; đằng này, chúa ngục như người vẫn chỉ là một tên tù đói rách, khổ sở, suốt đời kéo lê cái cùm sắt trên nền đất để hù dọa mấy tên tù yếu bóng vía rồi thích thú hài lòng với sự sợ hãi của chúng. Hừ, thật là uổng cho người. Ta đây chẳng bao giờ thích đấu tranh, chẳng bao giờ thích chính trị, kháng chiến, khởi nghĩa, cướp quyền, cầm quyền... nhưng giả dụ ta có hứng thú để kháng chiến đấu tranh gì gì đó rồi bị bắt giết, ha, ta sẽ chết lập tức mà chọn một kiếp sống mới để tiếp tục hưởng thụ những khoái lạc khác của cuộc đời, không có chàng rằn bắm vú chi cái hồn ma bóng vía vô dụng đâu. Còn chuyện chính nghĩa đó hả, đừng tưởng ở đây chỉ có nhà người thôi nghe. Chán khối gì thẳng tù ở các trại giam bị bắt nhốt vì chống lại bọn cường quyền hà bá ba trợn ba trạo mị dân lừa lọc dốt nát! Người nhìn vào trong kia kia,

thấy không, thấy một gã sư trẻ không?”

“Sư à? Đâu, sao ta không thấy. A, thảo nào ta nghe bọn cán bộ bàn với nhau là sẽ hun khói cho nhà sư chết ngộp. Tường ai té ra là tên này, cái tên đang ngồi trong góc đó à? Tóc tai hăn như vậy mà sư với chùa gì chứ!”

“Ày, đừng có nhìn bề ngoài. Bộ phải cạo đầu thì mới là sư sao! Hăn đó, thẳng anh em song sinh của ta đó, hăn là nhà sư. À này, nhà người nói gì mà hun khói vậy?”

“Thì tại cán bộ sẽ lừa hết đám tù biệt giam ở đây ra ngoài, chuyển qua dãy biệt giam bên kia, xong rồi hun khói... cho nhà sư trong này chết ngộp. Nhưng mà tên này là sư đó à, sư mà ở tù, lại biệt giam. Chuyện cũng lạ đó chứ. Nhưng kệ mồ hăn, mắc mớ gì ta.”

“Ày, ta muốn chỉ cho người thấy, nếu người đến hỏi chuyện từng tên tù ắt người sẽ thấy không phải cả đám toàn là đầu trộm đuôi cướp. Có những tên tù như thẳng anh em song sanh của ta đây, hăn là nhà sư, đâu có cướp của giết người, chỉ tại bất bình chống lại cái lũ hạm ăn hạm của làm khổ người khác mà hay nói đạo đức nên hăn mới đi tù đó thôi. Bây giờ hăn đang ngồi thiền đó, thấy chưa, chân cũng bị cùm mà hăn có khổ sở như người đâu. Đây, nhìn hăn để mà sáng mắt ra... Hăn với người dù sao cũng đồng cảnh ngộ là bị bắt giam vì dám chống lại bọn xâm lăng cướp nước hay lũ cường quyền tàn ác. Có điều, hăn không khổ đau tàn tạ như nhà người đâu. Ta nghĩ người có thể học được đôi điều từ hăn.”

“Hừ, ta chẳng muốn học gõ mõ tụng kinh, hay ngồi thiền, niệm Phật đâu nghe.”

“Bộ học sư là chỉ học những thứ ấy thôi sao! Cứ đến làm quen, bắt chuyện với hăn, hỏi hăn về cái gì khiến nhà người đau khổ để đến nỗi cứ lảng vảng quanh cái khu trại giam này mà chẳng hóa kiếp nổi.”

“Hừ, ta đâu có đau khổ hay muốn hóa kiếp gì đâu

chứ!”

“Đừng có vờ vĩnh. Người chỉ tự an ủi người thôi. Người chỉ sống với vầng hào quang tưởng tượng của người mà thôi. Ta đây vốn là thẳng thực dụng, nghĩ sao làm vậy, sống một đời để thèm muốn và hưởng thụ sắc đẹp, danh thơm, tiền bạc, thức ăn ngon và ngủ nghỉ êm ấm... cho nên ta hiểu hết trong ruột nhà người muốn thứ gì, đau khổ thứ gì. Người nói chuyện với hăn đi.”

“Ờ... thực ra thì ta thích nói chuyện với nhà người hơn. Nhà người hiểu ta khá nhiều đấy chứ. Nói chuyện với người ta thấy thoải mái hơn là phải bắt chuyện với một nhà sư ngồi trầm tư kiểu kia.”

“Nhưng nói chuyện với ta, người chỉ có thể trao đổi cho vui, cho đỡ thèm cơn đói khát dục vọng thôi. Còn như muốn hóa kiếp đó hả, người phải nói chuyện với gã sư nhút nhát mà nghiêm túc kia.”

Chúa ngục cười:

“Hình như người không thích ông ta, phải vậy không? Cho nên mới nói cái giọng mai mỉa. Ông ta nhút nhát thì sao lại vào đây, mà nghiêm túc thì có nên làm chính trị không?”

“Hăn... ôi, nói về hăn, ta thêm bức bối trong lòng. Sở dĩ ta vào đây cũng chỉ vì hăn mà thôi. Người nghĩ coi, một con người nhút nhát và nghiêm túc thì có nên làm chính trị không?”

“Cũng tùy theo chuyện thôi. Ta chưa hiểu người muốn nói nhút nhát và nghiêm túc thế nào.”

“Trong tất cả vấn đề hăn đều nhút nhát, nhút nhát chỉ vì hăn được dạy cho rằng phải nghiêm túc, phải giữ gìn tư cách này nọ... Đó, tất cả khổ lụy mà hăn và ta phải gánh chịu hôm nay đều do từ chỗ đó.”

“Ừm... cho một ví dụ đi,” chúa ngục ngẫm nghĩ một lúc, có vẻ chưa hiểu hết ý gã mặt sẹo, bèn yêu cầu.

“Ví dụ à? Chán khối gì trường hợp để ví dụ. Hăn bỏ qua bao nhiêu là cơ hội, khiến ta đây mất đi cả một nửa đời người. Người nghĩ coi, nếu một thiếu nữ yêu người sẵn sàng đến thăm và muốn ở lại đêm với người... người sẽ làm gì?”

"Hề hề, thì cũng tùy theo hoàn cảnh thôi."

"Hoàn cảnh gì nữa chứ! Hoàn cảnh là như thế đó, người có phòng riêng và thiếu nữ đó đến, muốn ở lại đêm. Người xử sự thế nào?"

"Tùy theo mức độ quen biết, thời gian lâu hay mau... và vai trò của ta, của cô ấy nữa. Chẳng hạn, vai trò của ta là nhà sư ở chùa... thì chuyện phải khác đi chứ!"

"Ôi trời! Té ra nhà người cũng một tâm ý như gã thầy chùa anh em của ta! Vậy thì nói chuyện với người cũng chán bỏ mẹ đi! Thôi, người vào nói chuyện với hần, khỏi nấn ná ở đây với ta làm gì."

"Ừ thì vào, nhưng trước khi vào ta cũng muốn hỏi thêm cho rõ tận nguồn cơn câu chuyện giữa người và nhà sư kia thế nào. Có phải vì cái chuyện cô thiếu nữ đó mà hai anh em người vào tù không?"

"Xì, làm gì có chuyện đó. Phải như vì chuyện đó mà ta vào đây thì ta cũng chẳng ân hận gì. Đàng này không phải. Ta vào đây vì hần từ chối tất cả những cơ hội cho ta hưởng thụ khoái lạc, lúc nào cũng viện dẫn hay nêu ra một thứ lý tưởng cao xa này nọ, cộng thêm ba cái luật tắc oai nghi gì gì đó của nhà chùa... Vậy là, cả nước lẫn cái, chẳng được thứ chi cả. Nói cho cùng, bọn ta vào đây là vì hần vừa né tránh công an, vừa né tránh nữ sắc, vừa cải trang làm người thế tục vừa sống nghiêm túc như một nhà sư chính hiệu. Thế thì chết toi rồi! Nếu hần biết dứt khoát chấp nhận đời sống thế tục thì đâu đến nỗi bị gạt rồi sa vào tù. Người biết không, sau thiếu nữ kia, bọn ta còn gặp một thiếu nữ khác nữa, mà đến cái chuyện thiếu nữ này, ta mới thực sự giận hần canh hông. Nói nhỏ người nghe điều này: thực ra từ khi bị công an nhà nước truy nã lùng bắt, hần đã xả giới rồi, không còn giữ giới luật của nhà sư nữa đâu. Vậy thì ta và hần có quyền yêu và sống như một người thế tục chứ, phải không? Thế mà hần... ôi, tức quá đi thôi, hần từ chối lần nữa! Hần đã không chịu yêu, không chịu làm một thằng

đàn ông thực thụ..."

"Thì tại ông ta quen như vậy rồi, cho dù có xả giới đi nữa cũng cần một thời gian để thích nghi chứ. Đầu phải vừa xả giới là tự động trở thành người thế tục ngay."

"Người... người bệnh vực hần quá! Người vào nói chuyện với hần đi, chắc là tâm đầu ý hợp đó."

Chúa ngục dợm chân bước ngang chỗ tên mặt sẹo đứng.

"Ông ta đang ngồi thiền, ta làm sao nói chuyện được?"

"Thiền ư? Hần cũng có thực tập thiền đấy, định lực hần cũng khá, có thể nói là hần thành công ở mặt này; nhưng về các pháp quán tưởng thì hần dở tệ vì đầu óc hần là đầu óc của một tên nghệ sĩ đây chất tưởng tượng, càng quán tưởng càng loạn tưởng, càng loạn tưởng càng hoang tưởng. Hần sẽ lang bang nhảy sang một trạng thái suy tư, phóng tâm tưởng tượng lung tung, chẳng định tâm gì lắm đâu. Cứ xấn vào bắt chuyện thì hần tiếp chuyện ngay."

Chúa ngục lưỡng lự đưa đôi mắt sâu hoắm nhìn chòng chọc vào nhà sư một lúc rồi từ từ kéo lê thanh sắt bước vào phòng biệt giam tối tăm.

"Thầy à, nay mai bọn cán bộ sẽ hun khói khu biệt giam này cho thầy chết ngộp đó."

"Có chuyện đó sao?"

"Thầy không sợ à?"

"Có gì mà phải sợ chứ. Tôi cũng là khói thì sợ gì khói."

"Thầy nói sao tôi chẳng hiểu."

"Đại khái là khi bỏ tôi vào hầm lửa, tôi sẽ quán tưởng tôi là lửa, bỏ tôi vào nước, tôi quán tưởng tôi là nước... bịt miệng bịt mũi không cho tôi thở thì tôi quán tưởng tôi là gió, và tôi cũng có thể thở bằng lỗ chân lông mà sống."

"Thầy thần thông quảng đại đến vậy sao?"

"Chẳng phải là thần thông quảng đại. Kể đã chứng đắc thần thông thì thi triển thần thông trong những trường hợp đó, còn tôi, chỉ bắt chước theo phương pháp của họ mà thực tập thôi. Nhưng thực tập cho khá thì may ra cũng có thể vượt qua được khổ nạn. Cám

ơn ông báo trước cho biết, tôi không sao đâu. Ông đến đây có việc gì?"

"Bẩm thầy, từ trăm năm nay rồi, chẳng hiểu sao tôi lại không hề có ý tìm kiếm một vị sư để bộc bạch nỗi khổ đau của tôi. Lúc này gặp người anh em song sinh của thầy giới thiệu, tôi mới có quyết định ấy. Vâng, thực ra, tôi cần nói chuyện với một người biết lắng nghe như thầy lắm. Hờ, bẩm với thầy rằng, tôi đây người ta gọi là chúa ngục, mà kỳ thực tôi chẳng có chút hạnh phúc nào cả. Có trái thân làm chúa ngục nơi đây trăm năm chẳng qua là vì không thoát khỏi cái cùm sắt nặng nề dưới chân mà thôi. Vâng, tôi khổ lắm. Đi, đứng, nằm, ngồi, cho đến ngủ nghỉ, cũng cứ bị ám ảnh bởi cái cùm sắt dưới chân. Đôi khi ngủ mê, thấy mình trở lại tuổi thơ, tung tăng chạy chơi thả diều ngoài đồng cỏ, chân tôi cất cao lên, bị cùm sắt níu lại, nghiêng vào ông chân đau sứt cả người; giật mình thức dậy thấy cùm sắt còn dưới chân và ý thức mình đang còn ở tù, còn bị biệt giam, tôi khóc rầm rức lặng lẽ trong đêm. Tôi nhớ mẹ, nhớ cha, nhớ anh chị em, nhớ bạn bè, nhớ người yêu... nhưng chẳng làm sao xoay chuyển được thân phận tù tội của mình. Người yêu của tôi, cô Lan hàng xóm. Chúng tôi chơi với nhau từ nhỏ. Kịp khi đến tuổi dậy thì, hai đứa bắt đầu yêu nhau, biết mắc cỡ với người hàng xóm... thì Tây đến can thiệp, bắt đi một số thanh niên trai tráng mạnh khoẻ để làm phu dịch, và hăm hiếp phụ nữ trong làng, trong đó có cả Lan, cô bạn gái của tôi. Lúc ấy, tôi và Lan chỉ mới là thiếu nam thiếu nữ mười lăm tuổi. Tôi không bị bắt đi làm lao công vì bộ vỏ và mặt mày lúc đó còn non choẹt, nhưng Lan thì bị một thằng sĩ quan Tây bắt đi theo... có lẽ là phu dịch cho riêng nó. Chúng tôi chia tay nhau từ đó. Năm sau, tôi theo Quân Sư kháng Pháp. Trong khi làm công tác giao liên, tôi bị Tây bắt, cùm chân rồi giam mãi vì đã không chịu khai báo về tổ chức. Trở lại chuyện cái cùm sắt khốn nạn này: một đêm, tôi mơ thấy Lan đang với tay hái trứng



cá ở ven đồng cỏ—cái đồng cỏ mệnh mông của làng tôi, nơi mà bọn trẻ chúng tôi thường ra đó bày đủ trò chơi. Tôi mừng quá bưng tay gọi tên nàng thật lớn. Nàng quay lại, thấy tôi, nhón miệng cười rất tươi, rất hồn nhiên... và chúng tôi vui mừng cùng chạy đến với nhau. Ô hô, khi tung chân chạy thật nhanh đến nàng, tôi vướng cái cùm sắt này, đau buốt tận xương tủy, ngồi chồm dậy giữa đêm khuya trong bóng tối phòng giam, tôi ôm đầu khóc nức một lúc, rồi điên tiết, tôi hét lên một tiếng, đứng ra là một tiếng thật lớn, thật dài, làm vang dội khắp đồn—hồi đó ở đây là cái đồn của Tây chứ chẳng phải trại giam đâu thầy ạ. Sau tiếng hét đó, tôi thấy mình bị chia làm hai, một phần là xác, một phần là hồn. Cái xác của tôi thì bị một thằng Tây lấy ba-ton gỗ gõ lên đầu gối, đưa tay rờ ngang cần cổ thăm dò, rồi sai mấy thằng lính khiêng ra ngoài đem chôn. Còn phần hồn đó hả, chính là tôi bây giờ đây. Tôi lần quần trong trại giam này từ thuở ấy, chẳng đi đâu xa được chỉ vì cái cùm sắt níu kéo mãi nơi chân. Cái cùm này, chẳng biết làm sao mà tháo gỡ. Thằng sĩ quan trưởng đồn này, một năm sau đã bị Dân vệ của ông Thái Văn Nhíp phục kích giết chết. Tôi biết vậy, nhưng cũng chẳng làm sao mà lấy được cái chìa khoá mà thằng Tây đó đeo. Vậy là cứ mang xiềng hết năm này đến năm nọ, vị chi đã 123 năm rồi đó thầy ơi. Thầy có cách nào làm ơn tháo cùm giùm tôi đi. Tôi thấy thầy cũng bị cùm chân nhưng khuôn mặt thầy tinh táo, an lạc lắm, chắc là thầy biết cách, phải không thầy? Nói tôi nghe đi, làm sao tháo cùm đây, xin tháo giùm cho tôi, thầy ơi!”

“Có khi nào ông cúi người xuống tìm cách tháo gỡ cái cùm không?”

“Vô ích thôi thầy ạ, tôi đã biết trước là không có chìa khoá. Và lại, đã có lúc tôi cố gắng lấy cái đục và cái búa to trong kho hậu cần mà không lấy được. Hình như tôi không thể nhắc các vật ấy lên được. Từ đó, tôi không cố gắng dùng kèm búa để phá cùm nữa.”



“Nhưng đã có khi nào ông cúi người xuống để tìm cách tháo gỡ cái cùm không?”

“Không, không bao giờ. Tôi thực sự không muốn nhìn cái cùm, huống gì cúi xuống mà mò mẫm tìm cách tháo.”

“Vậy bây giờ ông cúi xuống, đưa tay sờ vào cái cùm đi.”

“Để chi vậy thầy?”

“Ông cứ làm theo lời tôi, sờ vào cái cùm.”

“Tôi không muốn, thầy ơi, tôi không muốn làm chuyện đó. Tôi chán ngán nó lắm, tôi sợ phải nhìn, phải thấy, phải đụng chạm vào nó lắm rồi! Đừng bắt tôi phải sờ nó!”

“Nghe tôi đi, mở mắt thật lớn, cúi đầu xuống, nhìn vào nó, và hãy sờ vào nó.”

Chúa ngục do dự một lúc, rồi đưa bàn tay xương xẩu xuống chân, sờ vào cùm sắt.

“Ừa, nó đâu rồi, cái cùm đâu rồi?”

“Không có nó, phải không?”

“Phải, nó không có, nó biến rồi, thầy ơi, tôi mừng quá, nó biến rồi! Ô, nó biến mất rồi, từ nay tôi tự do, từ nay tôi tự do!”

“Nó không biến đâu mà chỉ vì tâm thức ông biến ra nó, tưởng tượng rằng nó có ở đó. Bám chặt vào niềm tin nơi sự hiện hữu của cái cùm, ông đau khổ với sự trói buộc của nó. Nay biết nó không có thực, tự

khắc ông không còn bị cột trói nữa.”

“Phải, phải, thầy nói đúng, tôi chỉ tưởng tượng ra nó mà thôi. Từ nay, tôi không còn bị giam nhốt ở đồn bót này nữa. Ôi, lạy thầy, đội ơn thầy biết bao, xin nhận nơi đây ba lạy của tôi...”

“Không cần đâu, ông có muốn nghe tôi đọc một đoạn kinh không?”

“Dạ phải, dạ phải, xin thầy, đọc cho tôi một đoạn kinh để tôi đi.”

“Đây là một bài kệ thơ bằng chữ Hán mà trong chùa thường tụng đọc cho các vong linh, nay tôi thay mặt nhà chùa đọc cho ông nghe bằng nghĩa tiếng Việt. Lắng lòng mà nghe cho kỹ.”

Chúa ngục chấp tay, nghiêm trang hướng về nhà sư, chờ đợi. Nhà sư chậm rãi đọc:

“Có sanh, có tử, có luân hồi

Không sanh, không tử, không đến-đi

Sanh-tử, đến-đi đều là mộng

Mau bỏ trần thế ngồi sen hồng.”

Nghe xong, chúa ngục nở một nụ cười, cúi chào nhà sư, biến mất.

Bên ngoài, gió lặng. Chỉ còn tiếng dế than gáy từng hồi trong sương lạnh.

(Còn tiếp)

# The Story of Jatila, the Brahmin

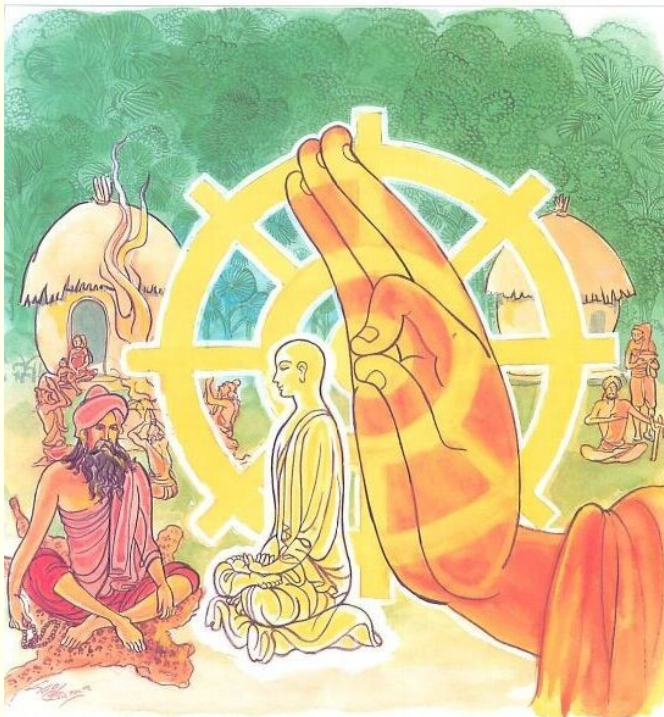
## *Dhammapada, Verse 393*

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (393) of this book, with reference to Jatila, a brahmin ascetic who wore matted hair.

Once, a brahmin ascetic thought to himself that the Buddha called his disciples 'brahmanas' and that he being a brahmin by birth should also be called a 'brahmana'. Thinking thus, he went to see the Buddha and put forward his view. But the Buddha rejected his view and said, "O brahmin, I do not call one a brahmana because he keeps his hair matted or simply because of his birth; I call one a brahmana only if he fully comprehends the Four Noble Truths."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

**Verse 393:** Not by wearing matted hair, nor by lineage, nor by caste, does one become a brahmana; only he who realizes the Truth and the Dhamma is pure; he is a brahmana.



*'Tis not matted hair nor birth nor family, but truth and Dhamma which make a brahmin true.*

393. *Na jaḍāhi na gottēna  
na jaccā hōtī brāhmaṇo  
yamhi saccaṃ ca dhammō ca  
so sucī sō ca brāhmaṇo. (26:11)*

By birth one is no brahmin,  
by family, austerity,  
In whom are truth and Dhamma too  
pure is he, a Brahmin's he.

Translated by

**DAW MYA TIN, M.A.,**

Burma Pitaka Association,  
Rangoon, Burma.



# Chiến công oanh liệt nhất

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

“Trẫm đang say danh lợi, sợ nghe pháp Phật lỡ tin thì bỏ giang sơn, sự nghiệp cho ai”. Đây là câu nói của Hoàng đế Vô Tránh Niệm trả lời với đạo thần Bảo Hải.

Vua Vô Tránh Niệm là một vị Hoàng đế danh tiếng lẫy lừng nhất trong thời xưa ấy. Vua có tài dẹp giặc nên trăm trận trăm thắng, đi đến đâu thì các nước đều qui phục, và người ta dâng vua rất nhiều mỹ nữ. Trong số tám ngàn cung nữ, người được vua sủng ái nhất là Mai Phi và Lan Phi của hai nước đem dâng trong khi làm lễ đầu hàng.

Nhưng có lẽ “chiến công oanh liệt nhất” của vị Hoàng đế thanh danh ấy là một hôm mai say sưa với phép dụng binh, để sửa soạn chinh phục thêm mấy nước, lại đương triển miên trong dục lạc, thì vị cận thần của vua là Ngài Bảo Hải đến mời vua đi nghe Đức Bảo Tạng thuyết pháp. Vua cười: “Trẫm đương say danh lợi sợ nghe pháp Phật lỡ tin thì giang sơn sự nghiệp bỏ cho ai?” Đại thần Bảo Hải làm thinh. Nhưng vua ngoảnh lại tìm người sắp sẵn xe giá để vua đi hành lễ.

Thế rồi tất cả đình thần, tám nghìn cung nữ chánh cung Hoàng hậu và Mai Phi, Lan Phi cùng theo vua đi yết kiến Đức Bảo Tạng Như Lai. Sau khi được nghe pháp Phật xong, vua và Hoàng hậu phát tâm cúng dường Phật cùng Chúng Tăng đầy đủ tứ sự trong 3 tháng.

Sau thời gian 3 tháng cúng dường xong, Đại thần Bảo Hải tâu vua: Trong tất cả các pháp cúng dường Chư Phật, thì chỉ có pháp Bồ Đề Tâm - Chỉ có phát triển cái tâm trên cầu thành tựu quả Phật dưới nguyện độ tất cả chúng sanh mới là hơn hết.

Trong một tuần suy nghĩ kỹ, vua Vô Tránh Niệm quyết trường tử bảo vị trước Phật Bảo Tạng Ngài xin xuất gia làm Sa môn. Trong một đời vua Vô Tránh Niệm đánh đông dẹp bắc, trăm trận

trăm thắng. Nhưng chỉ có trận giặc lòng này mà ngài đã thắng mới là chiến công oanh liệt nhất.

Ngài Pháp Tạng Tỳ Kheo (vua Vô Tránh Niệm) đối trước Đức Phật Bảo Tạng mạnh mẽ phát bốn mươi tám nguyện. Khi Ngài phát nguyện xong thì cả đại địa đều rung động, vì nguyện nào cũng chứa chan tha thiết một ý niệm cầu cho tất cả chúng sanh thoát khổ được vui, vì thế Đức Bảo Tạng thọ ký cho ngài, sau này sẽ thành Phật hiệu A Di Đà làm giáo chủ cõi nước Cực Lạc.

Phát nguyện rồi Ngài tinh tấn lo tu phước đức. Trong thời gian tu phước, Ngài đã làm tất cả những việc khó làm, nhận tất cả những việc khó nhằn. Giữ gìn thân khẩu ý thanh tịnh, thường hóa thân vào trong các loài, thọ dụng như chúng để tiện bề giáo hóa. Cứ như thế trải vô lượng kiếp cần khổ, tích lũy công đức, đến khi thành Phật thì được phước báo sống lâu vô lượng, nên hiệu Ngài là: “VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT”.

Ngài lại giữ gìn phạm hạnh, siêng tu thiền định nên trí tuệ càng ngày càng sáng suốt, cho đến khi huệ tánh bao trùm cả thái hư thì ngài thành Phật niên hiệu là “VÔ LƯỢNG QUANG”.

Từ khi phát tâm ban đầu cho đến khi thành Phật, tất cả việc làm, lời nói, ý nghĩ gì

Ngài cũng hồi hướng về chúng sanh cả. Vì thế nên chúng sanh ở cõi Ta Bà có rất nhiều duyên với Ngài, nếu nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Ngài dù tối thiểu trong một ngày mười niệm, mà tha thiết cầu sanh về nước Ngài thì hiện đời này sự sống sẽ yên ổn, khi lâm chung chắc chắn được vãng sanh. Khi đã sanh về Cực Lạc thì sẽ được thần thông tự tại, có thể đi khắp tam giới, thấy suốt mười phương và biết được trong ba đời, không còn bị khổ, không có chướng duyên, nên ai đã được may mắn sanh về Cực Lạc thì để tu chứng không còn sợ phải trở lại lăn lóc trong cõi Ta Bà này nữa.

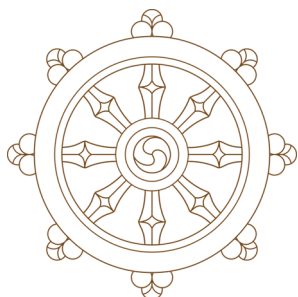


Vua Vô Trách Niệm đầu tiên chứng được thiên nhân thông, Ngài mới biết đại thần Bảo Hải là thiện tri thức, nhờ thiện tri thức khuyến phát bồ đề tâm vua Vô Trách Niệm mới thành Chánh Giác.

Đại thần Bảo Hải chính là tiền nhân của Đức Thích Ca, Đức Thích Ca là thiện tri thức của Đức Di Đà, mà hiện nay Ngài là Minh Sư của chúng ta...

### THẾ QUÁN

*Ái hà là ngàn thước nước xao,  
Muôn trùng biển khổ sóng nhào thương ôi!  
Muốn cho khỏi kiếp luân hồi,  
Phải mau sớm niệm Nam Mô Di Đà.*



Đọc và cổ động ủng hộ  
**Nguyệt san CHÁNH PHÁP**  
là góp phần hoằng dương Phật Pháp,  
bảo tồn văn hóa Dân Tộc

